Xưng Tán Đức Phật Thích Ca

སྟོན་པ་བཅོམ་ལྡན་འདས་དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་

TÖN PA CHOM DÄN DÄ DE ZHIN SHEG PA
To the founder, the endowed transcendent destroyer, the one gone beyond,
Đối trước đức Phật giáo chủ, Thế tôn, Như lai,

དགྲ་བཅོམ་པ་ཡང་དག་པར་རྫོགས་པའི་སངས་རྒྱས།

DRA CHOM PA YANG DAG PAR DZOG PÄI SANG GYÄ
the foe destroyer, the completely perfected, fully awakened being,
Ứng cúng, Chánh biến tri,

རིག་པ་དང་ཞབས་སུ་ལྡན་པ།བདེ་བར་གཤེགས་པ།། འཇིག་རྟེན་མཁྱེན་པ།

RIG PA DANG ZHAB SU DÄN PA DE WAR SHEG PA JIG TEN KHYEN PA
perfect in knowledge and in good conduct, Sugata, knower of the world,
Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải,

སྐྱེ་བུ་འདུལ་བའི་ཁ་ལོ་བསྒྱུར་བ།། ཏླ་ན་མེད་པ།།

KYE BU DÜL WÄI KHA LO GYUR WA / lA NA ME PA
supreme guide of human beings to be tamed,
Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu,

ལྷ་དང་མི་ནམ་kyi་སྟོན་པ་སངས་རྒྱས་བཅོམ་ལྡན་འདས་

LHA DANG MI NAM KYI TÖN PA SANG GYÄ CHOM DÄN DÄ
teacher of gods and human beings; to you, the completely and fully awakened one, the endowed transcendent destroyer,
Thiên nhân sư; đối trước đức Phật, Thế tôn,

དཔལ་རྒྱལ་བ་ཤཱཀྱ་ཐུབ་པ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།། མཆོད་དོ།སྐྱབས་སུ་མཆིའོ།།

PÄL GYÄL WA SHA KYA THUB PA LA CHHAG TSHÄL LO CHHÖ DO KYAB SU CHHI WO (3X)
the glorious conqueror, the subduer from the Shakya clan, I prostrate, make offerings, and go for refuge. (3x)
bậc chiến thắng đến từ dòng họ Thích Ca, đệ tử đảnh lễ, cúng dường, qui thuận. (3x)

གང་ཚེ་ཀང་གཉིས་གཙོ་བོ་ཁྱོད་བལྟམས་ཚེ།།

GANG TSHE KANG NYI TSO WO KHYÖ TAM TSHÄ
When, O supreme amongst humans, you were born on this earth,
Kính lạy Thế tôn / bậc tôn quí nhất / trong cõi con người.

ས་ཆེན་འདི་ལ་གོམ་པ་བདུན་བོར་ནས།།

SA CHHEN DI LA GOM PA DÜN POR NÄ
You paced out seven strides,
Khi vào cõi thế / ngài bước bảy bước

ངའི་འཇིག་རྟེན་འདིན་མཆོག་ཅེས་གསུངས།།

NGA NI JIG TEN DI NA CHHOG CHE SUNG
Then said, “I am supreme in this world.”
Rồi thốt lên rằng, / “toàn cõi thế gian / có ta hơn hết.”

དེ་ཚེ་མཁས་པ་ཁྱོད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

DE TSHE KHÄ PA KHYÖ LA CHHAG TSHÄL LO
To you, who were wise then, I prostrate.
Đối trước đức Phật / trí tuệ như vậy / con xin đảnh lễ.

རྣམ་དག་སྐུ་མངའ་མཆོག་ཏུ་གཟུགས་བཟང་ཞིང་།།

NAM DAG KU NGA CHHOG TU ZUG ZANG WA
With pure bodies, form supremely pure;
Thân Phật trong sáng, / sắc Phật thanh tịnh;

ཡེ་ཤེས་རྒྱ་མཚོ་གསེར་གྱི་ལྷུན་པོ་འདྲ།།

YE SHE GYA TSHO SER GYI LHÜN PO DRA
Wisdom ocean, like a golden mountain;
Trí Phật như biển / như núi sáng vàng;

གྲགས་པ་འཇིག་རྟེན་གསུམ་ན་ལྷམ་མེ་བ།།

DRAG PA JIG TEN SUM NA LHAM ME WA
Fame that blazes in the three worlds,
Hồng danh rạng khắp / ba cõi luân hồi,

མགོན་པོ་མཆོག་ནན་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

GÖN PO CHHOG NYE KHYÖ LA CHHAG TSHÄL LO
Winner of the best – Lord, to you I prostrate.
Là bậc thành tựu / giác ngộ cao nhất—con xin đảnh lễ / trước đấng Thế tôn.

མཚན་མཆོག་ལྡན་པ་དྲི་མེད་ཟླ་བའི་ཞལ།

TSHÄN CHHOG DÄN PA DRI ME DA WÄI ZHÄL
With the supreme signs, face like spotless moon,
Sắc tướng tuyệt hảo / gương mặt như trăng / vằng vặc trong sáng,

གསེར་མདོག་འདྲ་བ་ཁྱོད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

SER DOG DRA WA KHYÖ LA CHHAG TSHÄL LO
Color like gold – to you, I prostrate.
Tỏa ánh đạo vàng / — con xin đảnh lễ.

དུལ་བྲལ་ཁྱོད་འདྲ་སྲིད་པ་གསུམ་མ་མཆིས།།

DÜL DRÄL KHYÖ DRA SI PA SUM MA CHHI
Dust-free like you, the three worlds are not.
Ba cõi không đâu / vô cấu như ngài / bụi trần không bám.

མཉམ་མེད་མཁྱེན་ཆེན་ཁྱོད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

NYAM ME KHYEN CHEN KHYÖ LA CHHAG TSHÄL LO
Incomparably wise one – to you, I prostrate.
Bậc đại trí tuệ / không ai sánh bằng / — con xin đảnh lễ.

མགོན་པོ་ཐུགས་རྗེ་ཆེ་ལྡན་པ།།

GÖN PO THUG JE CHHE DÄN PA
The savior having great compassion,
Đấng cứu độ đại bi,

ཐམས་ཅད་མཁྱེན་པའི་སྟོན་པ་པོ།།

THAM CHÄ KHYEN PÄ TÖN PA PO
The founder having all understanding,
Đấng hóa chủ toàn giác

བསོད་ནམས་ཡོན་ཏན་རྒྱ་མཚོའི་ཞིང་།།

SÖ NAM YÖN TÄN GYA TSHÖI ZHING
The field of merit with qualities like a vast ocean –
Ruộng công đức như biển

དེ་བཞིན་གཤེགས་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

DE ZHIN SHEG LA CHHAG TSHÄL LO
To you, the one gone to thusness, I prostrate.
— Kính lễ đấng Như lai.

དག་པའི་འདོད་ཆགས་བྲལ་བར་གྱུར།།
DAG PÄ DÖ CHHAG DRÄL WAR GYUR
The purity that frees one from attachment,
Vô cấu lìa tham chấp
དགེ་བས་ངན་སོང་ལས་གྲོལ་ཅིང་།།
GE WÄ NGÄN SONG LÄ DRÖL CHING
The virtue that frees one from the lower realms,
Thiện đức thoát tam đồ
གཅིག་ཏུ་དོན་དམ་མཆོག་གྱུར་པ།།
CHIG TU DÖN DAM CHHOG GYUR PA
The one path, the sublime pure reality –
Nhất đạo, chân cảnh giới
ཞི་གྱུར་ཆོས་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།
ZHI GYUR CHHÖ LA CHHAG TSHÄL LO
To the Dharma that pacifies, I prostrate.
— Kính lễ Pháp tịnh an.

གྲོལ་ནས་གྲོལ་བའི་ལམ་ཡང་བསྟན།།
DRÖL NÄ DRÖL WÄI LAM YANG TÖN
Those who are liberated and who also show the path to liberation,
Đã thoát, và dẫn đường
བསྒྲུབ་པ་དག་ལ་རབ་ཏུ་གནས།།
LAB PA DAG LA RAB TU NÄ
The holy field qualified with realizations,
Giữ giới hạnh uy nghi
ཞིང་གི་དམ་པ་ཡོན་ཏན་དེན།།
ZHING GI DAM PA YÖN TÄN DÄN
Who are devoted to the moral precepts –
Ruộng thiện đức chứng ngộ
ཆོག་མཆོག་དགེ་འདུན་ལ་ཕྱག་འཚལ།།
GE DÜN LA YANG CHHAG TSHÄL LO
To you, the sublime community intending virtue, I prostrate.
— Kính lễ khắp Tăng đoàn.

སྡིག་པ་ཅི་ཡང་མི་བྱ་ཞིང་། །དགེ་བ་ཕུན་སུམ་ཚོགས་པར་སྒྱུར།།
DIG PA CHI YANG MI JA ZHING, GE WA PHÜN SUM TSHOG PAR GYUR
Do not commit any non-virtuous actions, Perform only perfect virtuous actions,
Lánh mọi điều ác, làm mọi điều lành,
རང་གི་སེམས་ནི་ཡོངས་སུ་འདུལ། །འདི་ནི་སངས་རྒྱས་བསྟན་པ་ཡིན།།
RANG GI SEM NI YONG SU TE, DE NYI SANG GYÄ TÄN PA YIN
Subdue your mind thoroughly – This is the teaching of the Buddha
Thanh tịnh hóa tâm – Là lời Phật dạy.

སྐར་མ་རབ་རིབ་མར་མེ་དང་། །

KAR MA RAB RIB MAR ME DANG,
A star, a visual aberration, a flame of a lamp,
Các pháp hữu vi / tựa như tinh tú,

སྒྱུ་མ་ཟིལ་པ་ཆུ་བུར་དང་།།

GYU MA ZIL PA CHHU BUR DANG
An illusion, a drop of dew, or a bubble,
Ảo ảnh, ngọn đèn / ảo thuật, sương mai,

རྨི་ལམ་སྤྲིན་དང་སྦྲིན་རྟ་བུར། །

MI LAM LOG DANG TRIN TA BUR,
A dream, a flash of lightning, a cloud –
Bóng nước, chiêm bao, / điện chớp, đám mây…

འདུས་བྱས་ཆོས་རྣམས་དེ་ལྟར་ལྟ།།

DÜ JÄ CHHÖ NAM DI TAR TA
See conditioned things as such!
— Rất cần phải có / cái nhìn như vậy.

བསོད་ནམས་འདི་ཡིས་ཐམས་ཅད་ཀྱང་གཟིགས་པ་ཡི།།

SÖ NAM DI YI THAM CHÄ ZIG PA YI
Through these merits may sentient beings
Nương công đức này / nguyện khắp chúng sinh

གོ་འཕང་ཐོབ་ནས་སྐྱེན་ཀྱི་དགྲ་བཏུལ་ཏེ།།

GO PHANG THOB NÄ KYÖN GYI DRA TÜL TE
Attain the rank of all seeing, subdue the foe of faults,
Bước vào kiến đạo / chiến thắng nghiệp chướng,

རྒ་དང་ན་དང་འཆི་བའི་རྒྱས་འཐབ་པའི།།

GA DANG NA DANG CHHI WÄI LAB TRUG PÄI
And be delivered from samsara’s ocean,
Vượt mọi cơn lốc / già, bệnh và chết,

སྲིད་པའི་མཚོ་ལས་འགྲོ་བ་སྒྲོལ་བར་མཛོད།།

SI PÄI TSHO LÄ DRO WA DRÖL WAR SHOG
Perturbed by the waves of aging, sickness, and death.
Thoát khỏi biển rộng / sinh tử luân hồi. .//

Xưng Tán Tổ Tông Khách Ba

[Migtsema]

དམིགས་མེད་བསྟེ་བའི་གཏེར་ཆེན་སྙིང་རས་གཟིགས།།

MIG ME TSE WÄI TER CHEN CHÄN RÄ ZIG
Avalokiteshvara, great treasure of unconceiving compassion,

Thầy là Quan Thế Âm / kho tàng đại bi tâm

དྲི་མེད་མཁྱེན་པའི་དབང་པོ་འཇམ་དཔལ་དབྱངས། །

DRI ME KHYEN PÄI WANG PO JAM PÄL YANG
Mañjushrī, lord of stainless knowledge
Thầy là đức Văn Thù / trí tuệ vương vô cấu

བདུད་དཔུང་མ་ལུས་འཇོམས་མཛད་གསང་བའི་བདག །

[DÜ PUNG MA LÜ JOM DZÄ SANG WÄI DAG]
[Vajrapāni, conqueror of all demon hordes without exception,]
[Thầy là Kim Cang Thủ / dũng lực diệt ma quân]

གངས་ཅན་མཁས་པའི་གཙུག་རྒྱན་ཚོང་ཁ་པ། །

GANG CHÄN KHÄ PÄI TZUG GYÄN TSONG KHA PA
Tsong Khapa, crown jewel of the sages of the land of snows,
Lama Tông Khách Ba / là ngọc quí trên đỉnh / bậc thánh hiền xứ tuyết

ློ་བཟང་གྲགས་པའི་ཞབས་ལ་གསོལ་བ་འདེབས། །

LO ZANG DRAG PÄI ZHAB LA SOL WA DEB
Losang Dragpa, at your feet I make requests. [x3]
Đức Losang Drakpa / con đê đầu thỉnh nguyện / dưới chân sen của Thầy [3 lần]

Tán Dương Mười Hai Công Hạnh Phật

ཅཽ། མཛད་པ་བཅུགཉིས་ལ་བསྟོད།

TÁN DƯƠNG MƯỜI HAI CÔNG HẠNH PHẬT
PRAISE TO THE TWELVE DEEDS

Prerequisites: Everyone can read
Điều kiện hành trì: *Mọi người đều có thể đọc*

ཐབས་མཁས་ཐུགས་རྗེས་ཤཱཀྱའི་རིགས་སུ་འཁྲུངས། །

TAP KHE THUK JE SHA KYAY RIK SU TRUNG
Skilled in means, from compassion you took birth as a Sakyas;
Dụng thiện phương tiện / từ bi thọ sinh / vào dòng họ Thích

གཞན་གྱིས་མི་ཐུབ་བདུད་ཀྱི་དཔུང་འཇོམས་པ། །

SHEN GYI MI ThUP DU KYI PUNG JOM PA
You vanquished Mara's forces while others could not.
phá lực ma vương / là điều người khác / đều không thể làm

གསེར་གྱི་ལྷུན་པོ་ལྟ་བུར་བརྗིད་པའི་སྐུ། །

SER GYI LHUN PO TA BUR JI PEI KU
Like a golden Mount Meru is your splendid body,
Thân vàng rực rỡ / như núi tu di

ཤཱཀྱའི་རྒྱལ་པོ་ཁྱོད་ལ་ཐུགས་འཚལ་ལོ། །

SHA KYEI GYAL PO KHYO LA CHAK TSAL LO
O King of the Shakyas, I prostrate to you.
vua dòng họ Thích, / đệ tử qui y.

གང་གི་དང་པོར་བྱང་ཆུབ་ཐུགས་བསྐྱེད་ནས། །
GANG GI DANG POR JANG CHUP ThUK KYE NE
It’s you who at first roused the mind of enlightenment,
Trước tiên ngài đã / phát tâm bồ đề, / tiếp theo tích tụ
བསོད་ནམས་ཡེ་ཤེས་ཚོགས་གཉིས་རྫོགས་མཛད་ཅིང་། །
SO NAM YE SHE TSOK NYI DZOK DZE CHING
Then perfected the accumulation of merit
tư lương phước tuệ, / thiện hạnh bao la / trong cõi thế này.
དུས་འདིར་མཛད་པ་རྒྱ་ཆེན་འགྲོ་བ་ཡི། །
DU DIR DZE PA GYA CHEN DRO WA YI
And wisdom. So vast are your deeds in this age!.
Trước bậc hộ trì / chúng sinh biển khổ
མགོན་གྱུར་ཁྱོད་ལ་བདག་གིས་བསྟོད་པར་བགྱི།
GON GYUR KHYO LA DAK GI TO PAR GYI
I praise you who are the protector of wanderers.
đệ tử thành tâm / tán dương công hạnh

ལྷ་རྣམས་དོན་མཛད་འདུལ་བའི་དུས་མཁྱེན་ནས། །
LHA NAM DON DZE DUL WAY DU KHYEN NE
You benefited gods, then knowing it was time
Hoằng hóa cõi Thiên, / đến khi đủ duyên
ལྷ་ལས་བབས་ནས་གླང་ཆེན་ལྟར་གཤེགས་ཤིང་། །
LHA LE BAP NE LANG CHEN TAR SHEK SHING
To tame humans, you came down from heaven as an elephan.
xuất thế cõi người, / như voi uy dũng
རིགས་ལ་གཟིགས་ནས་ལྷ་མོ་སྒྱུ་འཕྲུལ་མའི།
RIK LA SIK NE LHA MO GYI TRUL MAY
You looked at her caste and then entered the womb
Chọn dòng đế vương / nhập vào thai mẹ / hoàng hậu Ma Ya:
ལྷུམས་སུ་ཞུགས་པར་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །
LHUM SU SHIK PAR DZE LA CHAK TSAL LO
Of the goddess Mahamaya: I prostrate to this deed.
Trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ཟླ་བ་བཅུ་རྫོགས་ཤཱཀྱའི་སྲས་པོ་ནི། །
DA WA CHU DZOK SHA KYAY SE PO NI
When the ten months has finished, you, son of the Shakyas,
Khi tròn mười tháng / đứa con họ Thích
བཀྲ་ཤིས་ལུམྦིའི་ཚལ་དུ་བལྟམས་པི་ཚེ། །
TA SHI LUM BIY TSAL DU TAM PAY TSE
Were born in the auspicious grove of Lumbini.
đản sinh cát tường / vườn Lâm Tì Ni.
ཚངས་དང་བརྒྱ་བྱིན་གྱིས་བཏུད་མཚན་མཆོག་ནི། །

TSANG DANG GYA JIN GYI TO TSEN CHOK NI
Both Bhahma and Indra praised you with your great marks
Phạm Thiên Đế Thích / tán dương tướng hảo / dòng dõi bồ đề:
བྱང་ཆུབ་རིགས་སུ་ངེས་མཛད་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།
JANG CHUP RIK SU NGE DZE CHAK TSAL LO
Of the family of enlightenment: I prostrate to this deed.
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

གཞོན་ནུ་སྟོབས་ལྡན་མི་ཡི་སེང་གེ་དེས། །
SHON NU TOP DEN MI YI SENG GE DE
A youth with great strength, a lion among men,
Tuổi trẻ dũng mãnh / tựa như sư tử / ở trong loài người.
ཨཾ་ག་མ་ག་དྷར་ནི་སྒྱུ་རྩལ་བསྟན། །
ANG GA MA GA DHAR NI GYI TSAL TEN
You showed your great prowess at Angamagadha
Thi triển tài nghệ / khuất phục hết thảy
སྐྱེ་བོ་དྲེགས་པ་ཅན་རྣམས་ཚར་བཅད་ནས།
KYI WO DREK PA CHEN NAM TSAR CHE NE
You vanquished all people inflated with arrogance.
những kẻ kiêu mạn / tại xứ A ga Ma Kiệt Đà,
འགྲན་ཟླ་མེད་པར་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །
DREN DA ME PAR DZE LA CHAK TSAL LO
You are without rival: I prostrate to this deed.
tài nghệ vô song: / trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

འཇིག་རྟེན་ཆོས་དང་མཐུན་པར་བྱ་བ་དང་། །
JIK TEN CHO DANG TUN PAR JA WA DANG
In order to ack in accord with the ways
Thuận lẽ thế gian
ཁ་ན་མ་ཐོ་སྤང་ཕྱིར་བཙུན་མོ་ཡི། །
KHA NA MA TO PANG CHIR TSUN MO YI
Of the world and avert any censure, you took
không chút úy kỵ, / thâu nạp phi tần,
འཁོར་དང་ལྡན་མཛད་ཐབས་ལ་མཁས་པ་ཡིས། །
KHOR DANG DEN DZE TAP LA KHE PA YI
A retinue of queens. Thus through means that were skillful,
dụng thiện phương tiện / khéo léo trị nước:
རྒྱལ་སྲིད་སྐྱོང་བར་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།
GYAL SI KYONG WAR DZE LA CHAK TSAL LO
You governed your kingdom: I prostrate to this deed.
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

འཁོར་བའི་བྱ་བ་སྙིང་པོ་མེད་གཟིགས་ནས། །
KHOR WAY JA WA NYING PO ME ZIK NE
You saw the affairs of samsara are pointless
Thấy rõ chuyện đời / thật là vô nghĩa
ཁྱིམ་ནས་བྱུང་སྟེ་མཁའ་ལ་གཤེགས་ནས་ཀྱང་། །

KHYIM NE JUNG TE KHA LA SHEK NE KYANG
And left your household, going off in the sky
ngài rời gia đình / lên tận trời cao
མཆོད་རྟེན་རྣམ་དག་རྡུང་དུ་ཉིད་ལ་ཉིད། །

CHO TEN NAM DAK DRUNG DU NYI LA NYI
Near the stupa of Great Purity, you by yourself
gần tháp Đại Tịnh / một mình xuất gia / buông xả luân hồi:
རབ་ཏུ་བྱུང་བར་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །

RAP TU JUNG WAR DZE LA CHAK TSAL LO
Became fully renounced: I prostrate to this deed.
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

བསྟོན་པས་བྱང་ཆུབ་བསྒྲུབ་པར་དགོངས་ནས་ནི། །

TSON PE JANG CHUP DRUP PAR GONG NE NI
With the thought to accomplish enlightenment through effort,
Tìm quả giác ngộ / qua đường tinh tấn,
ནི་ར་ཚ་ནའི་འགྲམ་དུ་ལོ་དྲུག་ཏུ། །

NE RANG DZA NAY DRAM DU LO DRUK TU
For six years you practiced austerities on the banks
sáu năm khổ hạnh / bên bờ Ni liên,
དཀའ་བ་སྤྱད་མཛད་བསྟོན་འགྲུས་མཐར་ཕྱིན་པས། །

KA WA CHE DZE TSON DRU TAR CHIN PAY
Of the Nairanjana and, perfecting your diligence,
vẹn toàn tinh tấn / đạt được đại định:
བསམ་གཏན་མཆོག་བརྙེས་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

SAM TEN CHOK NYE DZE LA CHAK TSAL LO
You gained the supreme dhyana: I prostrate to this deed.
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ཐོག་མ་མེད་ནས་འབད་པ་དོན་ཡོད་ཕྱིར།

TOK MA ME NE BE PA DON YON CHIR
As your efforts from beginningless time had a purpose,
Kể từ vô thủy / nỗ lực như vậy / là có mục tiêu,
མ་ག་དྷ་ཡི་བྱང་ཆུབ་ཤིང་རྡུང་དུ། །

MA GA DHA GA DHA YI JANG CHUP SHING DRUNG DU
In Magadha under the Three of Enlightenment
ở Ma Kiệt Đà / dưới cội bồ đề / ngài ngồi kiết già
སྐྱིལ་ཀྲུང་མི་གཡོ་མངོན་པར་སངས་རྒྱས་ནས། །

KYIL TRUNG MI YO NGON PAR SANG GYE NE
Unmoving you sat and manifestly awakened
thị hiện chứng đạo / đắc chánh đẳng giác:
བྱང་ཆུབ་རྫོགས་པར་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །

JANG CHUP DZOK PAR DZE LA CHAK TSAL LO
To perfect enlightenment: I prostrate to this deed.
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ཐུགས་རྗེས་འགྲོ་ལ་སྙིང་ཁྲིགས་ནས་ནི། །

THUK JE DRO LA NYUR DU SIK NE NI
You soon with compassion regarded all wanderers
Rồi vì đại bi / tức khắc nhìn về / khắp cả chúng sinh.
ཐུགས་རྗེ་ལ་སོགས་གནས་མཆོག་ཏུ། །

WA RA NA SI LA SOK NE CHOK TU
And in Varanasi and other great places
Tại các thánh địa / như Ba La Nại
ཆོས་ཀྱི་འཁོར་ལོ་བསྐོར་ནས་གདུལ་བྱ་རྣམས།

CHO KYI KHOR LO KOR NE DUL JA NAM
You turned the Wheel of Dharma, thus bringing your disciples
chuyển đẩy pháp luân / đưa chúng đệ tử / vào với tam thừa:
ཐེག་པ་གསུམ་ལ་འགོད་མཛད་པྱག་འཚལ་ལོ།

TEK PA SUM LA GO DZE CHAK TSAL LO
Into the three vehicles: I prostrate to this deed.
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

གཞན་གྱི་རྩོལ་བ་ངན་པ་ཚར་གཅད་ཕྱིར། །

SHEN GYI GOL WA NGHEN PA TSAR CHE CHIR
To vanquish the evil objections of others
Diệt tan tà lực / tại Ba La Nại / hàng phục quần ma
མུ་སྟེགས་སྟོན་པ་དྲུག་དང་ལྷས་བྱིན་སོགས། །

MU TEK TON PA DRUK DANG LHA JIN SOK
In the land of Varanasi, you subdued the demons –
sáu sư ngoại đạo / Đề Bà Đạt Đa,
འཁོར་མོ་འཇིག་གི་ཡུལ་དུ་བདུད་རྣམས་བཏུལ། །

KHOR MO JIK GI YUL DU DU NAM TUL
The six tirthika teachers, Devadatta, and others
cùng nhiều vị khác, / đạo sư tối thắng :
ཐུབ་པ་གཡུལ་ལས་རྒྱལ་པ་ཐྱག་འཚལ་ལོ། །

TUP PA YUL LE GYAL LA CHAK TSAL LO
The Sage triumphed in battle: I prostrate to this deed.
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

སྲིད་པ་གསུམ་ན་དཔེ་མེད་ཡོན་ཏན་གྱིས། །

SI PA SUM NA PE ME YON TEN GYI
Your qualities unparalleled in the three realms,
Thiện đức của ngài / ba cõi không đâu / có thể sánh bằng,
མཉན་དུ་ཡོད་པར་ཆོ་འཕྲུལ་ཆེན་པོ་བསྟན། །

NYEN DU YO PAR CHO TRUL CHEN PO TEN
In Shravasti, you displayed wondrous miracles
tại thành Xá Vệ / thị hiện thần thông
ལྷ་མི་འགྲོ་བ་ཀུན་གྱིས་རབ་མཆོད་པ། །

LHA MI DRO WA KUN GYI RAP CHO PA
All devas and humans make you great offerings
chư Thiên, nhân loại / qui thuận cúng dường;
བསྟན་པ་རྒྱས་པར་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

TEN PA GYE PAR DZE LA CHAK TSAL LO

You spread the teachings: I prostrate to this deed.
xiển dương chánh pháp: / trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ལེ་ལོ་ཅན་རྣམས་མྱུར་དུ་བསྐུལ་བྱའི་ཕྱིར། །

LE LO CHEN NAM NYUR DU KUL JAY CHIR
In order to encourage all those who are lazy
Để giúp kẻ lười / phát tâm dũng mãnh / siêng tu Phật Pháp,
རྩ་མཆོག་གྲོང་གི་ས་གཞི་གཙང་མ་རུ། །

TSA CHOK DRONG GI SA SHI TSANG MA RU
To the Dharma, on Kushinagar's good, clean ground
Phật ở nơi thành / Ku-shi-na-gar / trên đất thanh tịnh
འཆི་མེད་རྡོ་རྗེ་ལྟ་བུའི་སྐུ་གཤེགས་རྣམ། །

CHI ME DOR JE TA BUY KU SHEK NE
You departed the deathless, vajralike body
xả bỏ xác thân / kim cang bất tử, / nhập bát niết bàn:
མྱ་ངན་འདའ་བར་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །

NYA NGE DA WAR DZE LA CHAK TSAL LO
And passed to nirvana: I prostrate to this deed
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

ཡང་དག་ཉིད་ཉུ་འཇིག་པ་མེད་ཕྱིར་དང་། །

YANG DAK NYI DU JIK PA ME CHIR DANG
Because in reality there is no destruction
Vì thật không hề / có sự hủy hoại,
མ་འོངས་སེམས་ཅན་བསོད་ནམས་འཕེལ་བྱའི་ཕྱིར། །

MA ONG SEM CHEN SO NAM TOP JAY CHIR
And so that the beings of the future gain merit
để cho chúng sinh / các thời tương lai / tích tụ công đức
དེ་ཉིད་ཉུ་ཞི་རིང་བསྲེལ་མང་སྤྲུལ་ནས། །

DE NYI DU NI RING SEL MANG TRUL NE
In that very place you left many relics –
ngay tại chốn này / ngài lưu xá lợi – / tám phần linh cốt:
སྐུ་གདུང་ཆ་བརྒྱད་མཛད་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

KU DUNG CHA GYE DZE LA CHAK TSAL LO.
The eight parts of your remains: I prostrate to this deed.
trước công hạnh này / con xin đảnh lễ.

བདེ་བར་གཤེགས་པ་ཁྱེད་སྐུ་ཅི་འདྲ་བ། །

DE BAR SHEK PA KHYE KU CHI DRA DANG
Sakyamuni, may we attain a body like yours,
Đức Phật Thích Ca / hiện sắc thân nào
འཁོར་དང་སྐུ་ཚེ་འཆད་དང་ཞིང་ཁམས་དང་། །

KHOR DANG KU TSE'I TSE DANG SHING KHAM DANG
a retinue like yours, long life like yours,
cùng thánh chúng nào / thọ mạng ra sao
ཁྱེད་ཀྱི་མཚན་མཆོག་བཟང་པོ་ཅི་འདྲ་བ། །

KHYE KYI TSEN CHOG ZANG PO CHI DRA WA

a realm like yours, and excellent supreme
trú tịnh độ nào / danh hiệu ra sao
དེ་འདྲ་ཁོ་ནར་བདག་སོགས་རྒྱུར་བར་ཤོག །
DE DRA KHO NAR DAK SOK GYUR WAR SHOK
characteristics just like yours.
nguyện cho chúng con / được y như vậy.

Buddha mantra – Minh chú PHẬT THÍCH CA

TE YA THA: OM MU NI MU NI MA HA MU NI YE SO HA
Tê ya tha, Ôm mu ni mu ni ma ha mu ni yê sô ha

DEDICATION – *HỒI HƯỚNG*

ཁྱོད་ལ་བསྟོད་ཅིག་གསོལ་བ་བཏབ་པའི་མཐུས། །
KHYO LA TO CHIK SOL WA TAB PAI TU
I pray that by virtue of having praised and supplicated you,
Nguyện nhờ công đức / tán dương, thỉnh Phật,
བདག་སོགས་གང་དུ་གནས་པའི་ས་ཕྱོགས་སུ། །
DAK SOK GANG DU NAY PAI SA CHOG SU
you will pacify all sickness, dons, poverty, strife and warfaire
con cùng chúng sinh / ở khắp mọi miền / đều thoát tật, dịch
ནད་གདོན་དབུལ་ཐོངས་འཐབ་རྩོད་ཞི་བ་དང་། །
NAY DON UL PONG TAB TSO SHI WA DANG
in whatever regions we may abide,
xung đột, chiến tranh / nguyện cho Phật pháp
ཆོས་དང་བཀྲ་ཤིས་འཕེལ་བར་མཛད་དུ་གསོལ།
CHO DANG TRA SHI PEL WAR DZE DU SOL.
and cause Dharma and auspiciousness to florish.
cùng mọi điềm lành / tràn khắp mọi nơi.

Hồng Như Thubten Munsel chuyển Việt ngữ
2016

Mọi sai sót là của người dịch
Moi công đức xin hồi hướng vô thượng bồ đề.

Lama Tsongkhapa: XƯNG TÁN DUYÊN KHỞI

Tựa Đề Tạng Ngữ (Tibetan Title): རྟེན་འབྲེལ་བསྟོད་པ་བཞུགས་སོ། །
-Tác giả (author): Lama Tsongkhapa
-Việt ngữ: Hồng Như, bản thảo 12 tháng 5 năm 2019

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Xưng Tán Duyên Khởi

Lama Tông Khách Ba

Nam mô Guru Manjughoshaya (Kính lạy đức Văn Thù Diệu Âm)

1. Người nào thuyết pháp / từ sự chứng biết,
trí ấy, giáo ấy / không một ai hơn.
Con xin kính lễ / đức Phật tối thắng,
Bậc chứng rồi giảng / giáo pháp duyên sinh.

2. Cõi thế gian này / có bao suy thoái,
hết thảy đều từ / gốc rễ vô minh.
Đức Phật dạy rằng / bất kể là ai,
chứng được duyên sinh / là dẹp được cả.

3. Nên người có trí
đâu thể không hiểu
rằng pháp duyên sinh
chính là cốt tủy / giáo pháp Phật dạy.

4. Vậy xưng tán Phật
đâu có lối nào
mầu nhiệm hơn là
xưng tán bậc thuyết / giáo pháp duyên sinh.

5. "Việc gì đã tùy / nhân duyên sinh ra
thì việc ấy vốn / không có tự tánh."
Có lời dạy nào / tuyệt diệu hơn là
lời dạy này đây.

6. Vì bám vào đó / mà kẻ ấu trĩ
ràng buộc biên kiến / càng thêm kiên cố;
cũng chính nơi đó / lại là cửa ngỏ
cho người có trí / xẻ lưới niệm khởi.

7. Pháp này nơi khác / chưa từng nghe qua
nên gọi Phật là / đạo sư duy nhất.
Nếu gọi ngoại đạo / [là bậc đạo sư] /
thì khác gì gọi / cáo là sư tử,
chỉ giống như lời / tâng bốc mà thôi.

8. Tuyệt thay đạo sư! Tuyệt thay chỗ nương!
Tuyệt thay luận sư! Tuyệt thay cứu độ!
Đối trước bậc Thầy / khéo thuyết duyên khởi,
con xin đảnh lễ.

9. Để giúp chữa bệnh / nên đấng Lợi Sinh
dạy cho hữu tình
lý luận vô song
xác định tánh không, / trái tim chánh pháp.

10. Lối duyên khởi này
nếu thấy mâu thuẫn / không thể xác minh
thì pháp của Phật
làm sao có thể / thông đạt cho được?

11. Với Phật, bao giờ
chứng được tánh không / qua nghĩa duyên khởi
sẽ thấy tuy rằng / không có tự tánh
vẫn tạo tác dụng, / không hề mâu thuẫn.

12. Phật dạy nếu như / thấy điều ngược lại,
ở trong tánh không / không có tác dụng
có tác dụng lại / không có tánh không,
sẽ phải rơi vào / vực sâu hung hiểm.

13. Vì lý do này / giáo pháp Phật dạy
hết mực đề cao / chứng ngộ duyên khởi;
không phải hoàn toàn / là không hiện hữu,
mà cũng không phải / là có tự tánh.

14. Sự tự-có như / hoa đốm giữa trời,
vì vậy không gì / là không tùy thuộc.
Nếu sự vật nhờ / chính mình mà có
thì không thể nào / tùy thuộc nhân duyên.

15. Nên Phật dạy rằng "vì không có gì
không từ duyên khởi
nên trừ phi là / không có tự tánh
bằng không chẳng có / pháp nào tồn tại."

16. Phật dạy: "Tự tánh / không hề biến chuyển,
nên nếu các pháp / có chút tự tánh
thì quả niết bàn / không thể nào có,
niệm khởi cũng không / cách nào tịch diệt."

17. Vì vậy nhiều lần / trước hàng trí giả
đức Phật nói bằng / tiếng sư tử hống,
rằng "sự vật vốn / tách lìa tự tánh"
Lời này đố ai / đủ sức phản biện.

18. Tự tánh mảy may / cũng không hề có,
mọi sự đều là / "tùy vào cái này
mà cái kia sinh." / Có cần phải nói
rằng hai điều này / không hề mâu thuẫn?

19. "Vì hiện khởi nên
không vướng biên kiến."
Chính vì đức Phật / khéo thuyết như vậy
nên gọi Ngài là / luận sư vô song.

20. "Hết thảy mọi sự / chân tánh vốn không";
"từ điều này mà / quả kia sinh ra":
hai khẳng định này hỗ trợ lẫn nhau

không hề mâu thuẫn.

21. Nhiệm mầu nào hơn?
kỳ diệu nào hơn?
Tán dương như vậy / mới là tán dương,
bằng không chẳng xứng.

22. Những ai vì bởi / mê muội khống chế
bất thuận với Phật / thì trước âm thanh
của không-tự-tánh / chẳng thể nào kham,
việc này không lạ.

23. Nhưng nếu tin nhận / kho tàng trân quí
của lời Phật dạy / về thuyết duyên khởi,
mà không kham nổi / tiếng gầm tánh không
mới thật lạ kỳ.

24. Lý duyên khởi là / cánh cửa vô thượng,
lối ngỏ dẫn vào / sự không-tự-tánh.
Nếu kẻ phàm phu / dựa danh duyên khởi
mà chấp tự tánh / thì phàm phu ấy

25. lạc mất lối ngỏ
mà chư thánh giả / đã từng khéo qua.
Đâu là phương tiện / đưa họ về lại
với con đường lành / khiến cho Phật vui?

26. “Tự tánh, không giả, / và không tùy thuộc”
cùng với “duyên sinh, / tùy thuộc, giả hợp”,
Làm sao có thể / qui về một chỗ
mà không mâu thuẫn?

27. Vì thế điều gì / từ duyên sinh ra,
mặc dù bản lai / vốn lìa tự tánh,
nhưng mà tướng hiện / lại giống như có,
nên Phật nói rằng / mọi sự hư huyễn.

28. Vì lý do này / nên con hiểu được
dù ai chống đối / với lời Phật dạy
vẫn không làm sao / xét đúng luận lý
mà tìm ra được / chút sơ hở nào.

29. Tại sao như vậy? / Vì lời giảng này
khiến cho sự vật—dù là thấy được /
hay không thể thấy— khả năng khẳng định /
hay là phủ định đều lìa rất xa.

30. Chính nhờ con đường / duyên khởi này đây,
thấy được lời Phật / thật không đâu sánh.
Vì lẽ này mà / khởi niềm xác quyết
Pháp nào của Phật / cũng đều đúng cả.

31. Phật chứng như nghĩa / rồi khéo nói ra,

những ai dụng công / theo gót chân Ngài,
bao nhiêu suy thoái / hết thảy đều xa,
bao gốc lỗi lầm / đều hồi đầu cả.

32. Còn người quay lưng / với lời Phật dạy
thì dù lao lực / trong thời gian dài
lỗi vẫn tăng thêm—như thể gọi mời—
là vì nương vào / tri kiến chấp ngã.

33. Tuyệt vời lắm thay! / Khi người có trí
hiểu sự khác biệt / giữa hai điều này
khi ấy đáy lòng / không thể nào không
sâu xa kính Phật.

34. Hãy khoan nói đến / vô lượng giáo pháp,
chỉ cần ý nghĩa / một nhánh nhỏ thôi,
dù chỉ đại khái / có được lòng tin,
cũng vẫn đạt được / niềm vui thù thắng.

35. Than ôi! con vì / tâm trí mê muội,
khối thiện đức ấy / qui y đã lâu,
thế nhưng cho dù / chỉ một mẩu nhỏ
cũng chưa hề có.

36. Tuy vậy, trước khi / sinh mạng một dòng
chảy cạn hết vào / miệng của Thần chết,
tín tâm nơi Phật / con được chút ít,
thiết nghĩ đó cũng / là điều đại hạnh.

37. Bậc thuyết duyên khởi / trong khắp giảng sư;
Trí chứng duyên khởi / trong khắp các trí;
Chỉ có Phật như / đế vương tôn thắng / trong cõi thế gian
mới khéo biết được, / người khác chẳng thể.

38. Bất kể là Phật / dạy cho pháp gì,
đều phát xuất từ / giáo lý duyên sinh
và đều hướng đến / mục tiêu niết bàn
Phật không hạnh nào / không khiến tịnh an.

39. Ôi! Giáo pháp Phật
rơi vào tai ai
đều khiến bình an,
hỏi ai lại chẳng / thiết tha giữ gìn.

40. Pháp này tận diệt / hết thảy đối địch;
làm tan biến hết / mâu thuẫn trước sau;
giúp cho toàn thành / cả hai lợi ích;
nhờ diệu pháp này / hoan hỉ càng tăng.

41. Chính vì vậy mà
Phật vô số kiếp / cho rồi lại cho:
khi thì cho thân / lúc lại cho mạng,
cho cả thân nhân, / thọ dụng tài sản.

42. Thấy được thiện đức / của giáo pháp này,/
con thật như là / con cá mắc câu,
từ nơi tim Phật / bị cuốn phăng vào.
Chẳng thể chính tai / nghe lời Phật dạy / thật là bất hạnh.

43. Nỗi thương tâm này / ray rức mãnh liệt,
níu mãi không buông / tâm trí của con.
Cũng tựa như là / trái tim người mẹ
giữ mãi không rời / đứa con thân yêu.

44. Mỗi khi con nhớ / đến lời Phật dạy,
là ý nghĩ này / lại hiện trong con:
"Bổn sư đứng giữa / vùng hào quang sáng,
tướng hảo chánh phụ / rực rỡ rạng ngời,

45. đã dùng Phạm Âm / mà thuyết như vậy."
Ảnh Phật khi ấy / hiện ra trong con,
xoa dịu trái tim / rát bỏng mòn mỏi,
như trăng thanh mát / dịu cõi nóng khô.

46. Đối với giáo pháp / kỳ diệu này đây
phàm phu kém trí
thấy rối mịt mờ
như là cỏ bện.

47. Nhìn thấy cảnh này / con đã lắm lần
theo bậc trí giả
cố gắng nỗ lực
tìm rồi lại tìm / ý thật của Phật.

48. Khi ấy con học
rất nhiều kinh luận / tông môn trong ngoài,
tâm triền miên khổ
vì lưới hoài nghi.

49-51. Cỗ xe vô thượng / mà Phật để lại,
hai đầu có-không / đều lìa bỏ hết,
được đức Long-thọ—người Phật thọ ký—
giảng đúng như thật.
Vườn hoa kun-da / của luận Long thọ
ngời ánh nguyệt quang / của luận Nguyệt Xứng
trắng sáng rạng soi / tỏ tường khắp cả,
trí tuệ vô cấu / một khối tròn đầy,
du hành vô ngại / giữa trời giáo thuyết,
xóa tan tăm tối / trái tim chấp thủ,
ngàn sao tà thuyết / đều phải lu mờ.
Nhờ ơn đạo sư / thấy được điều này,
tâm con khi ấy / mới thật bình yên.

52. Trong mọi thiện hạnh / mà Phật đã làm, /
thuyết pháp là nhất. Pháp thuyết cũng vậy, /
là pháp này đây. Vì vậy kẻ trí /

nên từ chỗ này mà nhớ đến Phật.

53. Theo gót đấng bổn sư / tôi xuất gia thanh tịnh
tu học lời Phật dạy / không để cho kém cỏi
Tỷ kheo này cố gắng / tu tập hạnh du già
để tỏ lòng tôn kính / với bậc Đại Chân Thật.

54. Gặp được giáo pháp này / của bậc Thầy vô thượng
hết thảy đều nhờ vào / lòng từ của Ân sư
Vậy công đức nơi đây / tôi nguyện xin hồi hướng
cho chúng sinh luôn được / bậc chân sư giữ gìn.

55. Pháp của đấng Lợi Sinh / nguyện cùng tận sinh tử
không bao giờ khuynh động / bởi ngọn gió tà niệm;
nguyện luôn đầy ắp người / chứng cảnh giới lời Phật
nhờ đó tâm xác quyết / tin tưởng đấng đạo sư.

56. Nguyện trì pháp Mâu ni,
sáng soi lý duyên khởi,
mọi đời kiếp về sau / xả bỏ cả thân mạng
không bao giờ xao lãng / dù chỉ thoáng chốc thôi.

57. “Bậc dẫn đường tối thượng / bỏ công khó vô lượng
mới đạt được pháp này
nay dùng cách nào đây / để hoằng dương chánh pháp?”/)
nguyện tôi ngày lẫn đêm / luôn quán xét điều này.

58. Khi nỗ lực như vậy / với đại nguyện trong sáng
Nguyện Phạm Thiên, Đế Thích, / cùng chư vị hộ thế
và hộ pháp như là / đức Mahakala
luôn nâng đỡ cho tôi / không bao giờ lơi nghỉ

Bài pháp tên “Tinh Túy Trí Khéo Thuyết” này do bậc Tỷ kheo Đa văn Losang Dragpa trước tác. Hồng Như Thupten Munsel chuyển Việt ngữ từ Tạng ngữ (Kopan Monastery Prayer Book), tham khảo với các bản dịch Anh ngữ của Thupten Jinpa Kilty Galvin, 12 tháng 5 năm 2019

Việt (Vietnamese) | Tạng (Tibetan) | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English

Việt (Vietnamese)| **Tạng (Tibetan)** | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

རྟེན་འབྲེལ་བསྟོད་པ་བཞུགས་སོ། །

༡༢ གང་ཞིག་གཟིགས་ཤིང་གསུངས་པ་ཡི། །མཁྱེན་དང་སྟོན་པ་བླ་ན་མེད། །རྒྱལ་བ་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་། །གཟིགས་ཤིང་འདོམས་པ་དེ་ལ་འདུད། །

༢༣ འཇིག་རྟེན་རྒུད་པ་ཇི་སྙེད་པ། །དེ་ཡི་རྩ་བ་མ་རིག་སྟེ། །གང་ཞིག་མཐོང་བས་དེ་ལྡོག་པ། །རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བར་གསུངས། །

༣༤ དེ་ཚེ་བློ་དང་ལྡན་པ་ཡིས། །རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ལམ།ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པའི་གནད་ཉིད་དུ། །ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་ཆུད་མི་འགྱུར།

༥༦ དེ་ལྟ་ལགས་ན་མགོན་ཁྱོད་ལ། །བསྟོད་པའི་སྒོར་ནི་ སུ་ཞིག་གིས། །བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གསུངས་པ་ལས། །ངོ་མཚར་གྱུར་པ་ཅི་ཞིག་རྙེད། །

༥༧ གང་གང་རྐྱེན་ལ་རག་ལས་པ། །དེ་དེ་རང་བཞིན་གྱིས་སྟོང་ཞེས། །གསུངས་པ་འདི་ལས་ཡ་མཚན་པའི། །ལེགས་འདོམས་ཚུལ་ནི་ཅི་ཞིག་ཡོད། །

༦ ༽ གང་དུ་བརྟེན་པས་ཕྱིས་པ་རྣམས། །མཐར་འཛིན་འཆིང་བ་བརྟན་བྱེད་པ། །དེ་ཉིད་མཁས་ལ་སྤྲོས་པ་ཡི། །དྲ་བ་མ་ལུས་གཅོད་པའི་སྒོ། །

༧ ༽ བསྟན་འདི་གཞན་དུ་མ་མཐོང་བས། །སྟོན་པ་ཞེས་བྱ་ཁྱོད་ཉིད་དེ། །ཕྱ་སྨྲིས་ལ་ནི་སེང་གེ་བཞིན། །མུ་སྟེགས་ཅན་ལ་འདར་གཅམ་བུའི་ཚིག།

༨ ༽ ཨེ་མའོ་སྟོན་པ་ཨེ་མའོ་སྐྱབས། །ཨེ་མའོ་སྨྲ་མཆོག་ཨེ་མའོ་མགོན། །རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྱུང་ལེགས་གསུངས་པའི། །སྟོན་པ་དེ་ལ་བདག་ཕྱག་འཚལ། །

༩ ༽ ཕན་མཛད་ཁྱོད་ཀྱིས་འགྲོ་བ་ལ། །སྨན་པའི་སླད་དུ་བཀའ་སྩལ་བ། །བསྟན་པའི་སྙིང་པོ་སྟོང་པ་ཉིད། །ངེས་པའི་རྒྱུ་མཚན་བླ་མེད་པ། །

༡༠ ༽ རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ཚུལ། །འགལ་བ་དང་ནི་མ་གྲུབ་པར། །མཐོང་བ་འདི་ཡིས་ཁྱོད་ཀྱི་ལུགས། །ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་ཆུད་པར་ནུས༔

༡༡ ༽ ཁྱོད་ནི་ནམ་ཞིག་སྟོང་པ་ཉིད། །རྟེན་འབྱུང་དོན་དུ་མཐོང་བ་ན། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་དང་། །བྱ་བྱེད་འཐད་པའང་མི་འགལ་ཞིང་། །

༡༢ ༽ དེ་ལས་ལྡོག་པར་མཐོང་བ་ན། །སྟོང་ལ་བྱ་བ་མི་རུང་ཞིང་། །བྱ་དང་བཅས་ལ་སྟོང་མེད་པས། །ཉམ་ངའི་གཡང་དུ་ལྟུང་བར་བཞེད། །

༡༣ ༽ དེ་ཕྱིར་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ལ། །རྟེན་འབྱུང་མཐོང་བ་ལེགས་པར་བསྔགས། །དེ་ཡང་ཀུན་ཏུ་མེད་པ་དང་། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་ཡོད་པས་མིན། །

༡༤ ༽ ལྟོས་མེད་ནམ་མཁའི་མེ་ཏོག་བཞིན། །དེས་ན་མ་བརྟེན་ཡོད་མ་ཡིན། །ངོ་བོས་གྲུབ་ན་དེ་འགྲུབ་པ། །རྒྱུ་དང་རྐྱེན་ལ་ལྟོས་པ་འགལ། །

༡༥ ༽ དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་ལས། །མ་གཏོགས་ཆོས་འགའ་ཡོད་མིན་པས། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་ལས། །མ་གཏོགས་ཆོས་འགའ་མེད་པར་གསུངས། །

༡༦ ༽ རང་བཞིན་ལྡོག་པ་མེད་པའི་ཕྱིར། །ཆོས་རྣམས་རང་བཞིན་འགའ་ཡོད་ན། །མྱ་ངན་འདས་པ་མི་རུང་ཞིང་། །སྤྲོས་ཀུན་ལྡོག་པ་མེད་པར་གསུངས། །

༡༧ ༽ དེ་ཕྱིར་རང་བཞིན་རྣམ་བྲལ་ཞེས། །སེང་གེའི་སྒྲ་ཡིས་ཡང་ཡང་དུ། །མཁས་པའི་ཚོགས་སུ་ལེགས་གསུངས་པ། །འདི་ལ་སུ་ཡིས་འགོང་བར་ནུས། །

༡༨ ༽ རང་བཞིན་འགའ་ཡང་མེད་པ་དང་། །འདི་ལ་བརྟེན་ནས་འདི་འབྱུང་བའི། །རྣམ་བཞག་ཐམས་ཅད་འཐད་པ་གཉིས། །མི་འགལ་འདུ་བ་སྨོས་ཅི་དགོས། །

༡༩ ༽ བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་རྒྱུ་མཚན་གྱིས། །མཐར་ལྟ་བ་ལ་མི་བརྟེན་ཞེས། །ལེགས་གསུངས་འདི་ནི་མགོན་ཁྱོད་ཀྱི། །སྨྲ་བ་བླ་ན་མེད་པའི་རྒྱུ། །

༢༠ ༽ འདི་ཀུན་ངོ་བོས་སྟོང་པ་དང་། །འདི་ལས་འདི་འབྲས་འབྱུང་བ་ཡི། །ངེས་པ་གཉིས་པོ་ཕན་ཚུན་དུ། །གེགས་མེད་པར་ནི་གྲོགས་བྱེད་པ། །

༢༡ ༽ འདི་ལས་ངོ་མཚར་གྱུར་པ་དང་། །འདི་ལས་རྨད་དུ་བྱུང་བ་གང་། །ཚུལ་འདིས་ཁྱོད་ལ་བསྟོད་ན་ནི། །བསྟོད་པར་འགྱུར་གྱི་གཞན་དུ་མིན། །

༢༢ ༽ རྨོངས་པས་བྲན་དུ་བཟུང་བ་ཡིས། །གང་ཞིག་ཁྱོད་དང་ཞེ་འགྲས་པ། །དེ་ཡིས་རང་བཞིན་མེད་པའི་སྒྲ། །མི་བཟོད་གྱུར་ལ་མཚར་ཅི་ཡོད།

༢༣ ༽ ཁྱོད་ཀྱི་གསུང་གི་གཅེས་པའི་མཛོད། །བརྟེན་ནས་འབྱུང་བར་ཁས་བླངས་ནས། །སྟོང་ཉིད་ང་རོ་མི་བཟོད་པ། །འདི་ལ་ཁོ་བོ་ངོ་མཚར་གྱུར། །

༢༤ ༽ རང་བཞིན་མེད་ལ་བགྲི་བའི་སྒོ། །བླ་མེད་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྱུང་གི།མིང་ཉིད་ཀྱིས་ནི་རང་བཞིན་དུ། །འཛིན་ན་ད་ཀོ་སྐྱེ་བོ་འདི། །

༢༥ ༽ འཕགས་མཆོག་རྣམས་ཀྱིས་ལེགས་བགྲོད་པའི། །འཇུག་ངོགས་བླ་དང་བྲལ་གྱུར་པ།ཁྱོད་དགྱེས་གྱུར་པའི་ལམ་བཟང་དེར། །

ཐབས་གང་གིས་ནི་བགྲི་བར་བྱ། །

༢༦ ༽ རང་བཞིན་བཅོས་མིན་ལྟོས་མེད་དང་། །རྟེན་འབྲེལ་ལྟོས་དང་བཅོས་མ་གཉིས། །ཇི་ལྟ་བུར་ན་གཞི་གཅིག་ལ། །མི་འགལ་འདུ་བ་ཉིད་དུ་འགྱུར། །

༢༧ ༽ དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གང་། །རང་བཞིན་གྱིས་ནི་གདོད་མ་ནས། །རྣམ་པར་དབེན་ཡང་དེར་སྣང་བས། །འདི་ཀུན་སྒྱུ་མ་བཞིན་དུ་གསུངས།

༢༨ ༽ ཁྱོད་ཀྱིས་ཇི་ལྟར་བསྟན་པ་ལ། །རྒོལ་བ་འགས་ཀྱང་ཆོས་མཐུན་དུ། །གླགས་མི་རྙེད་པར་གསུངས་པ་ཡང་། །འདི་ཉིད་ཀྱིས་ནི་ལེགས་པར་འགྲེམས། །

༢༩ ༽ ཅི་སླད་ཅེ་ན་འདི་བཤད་པས། །མཐོང་དང་མ་མཐོང་དངོས་པོ་ལ། །སྒྲོ་འདོགས་པ་དང་སྐུར་འདེབས་ཀྱི། །གོ་སྐབས་རིང་དུ་མཛད་ཕྱིར་རོ༔

༣༠ ༽ ཁྱོད་ཀྱི་སྨྲ་བ་ཟླ་མེད་པར། །མཐོང་བའི་རྒྱུ་མཚན་རྟེན་འབྱུང་གི།ལམ་འདི་ཉིད་ཀྱིས་གསུང་གཞན་ཡང་། །ཚད་མར་གྱུར་པར་ངེས་པ་སྐྱེ། །

༣༡ ༽ དོན་བཞིན་གཟིགས་ནས་ལེགས་གསུངས་པ།ཁྱོད་ཀྱི་རྗེས་སུ་སློབ་པ་ལ། །རྒུད་པ་ཐམས་ཅད་རིང་དུ་གྱུར། །ཉེས་ཀུན་རྩ་བ་ལྡོག་ཕྱིར་རོ།

༣༢ ༽ ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་ལས་ཕྱིར་ཕྱོགས་པས། །ཡུན་རིང་དལ་བ་བསྟེན་བྱས་ཀྱང་། །ཕྱི་ཕྱིར་སྐྱོན་རྣམས་བོས་པ་བཞིན། །བདག་ཏུ་ལྟ་བ་བརྟན་ཕྱིར་རོ། །

༣༣ ༽ ཨེ་མའོ་མཁས་པས་འདི་གཉིས་ཀྱི།ཁྱད་པར་ཁོང་དུ་ཆུད་གྱུར་པ། །དེ་ཚེ་རྐང་གི་ཁོང་ནས་ནི།ཁྱོད་ལ་ཅི་ཕྱིར་གུས་མི་འགྱུར།

༣༤ ༽ ཁྱོད་གསུང་དུ་མ་ཅི་ཞིག་སྨོས། །ཆ་ཤས་རེ་ཡི་དོན་ཙམ་ལའང་། །འོལ་སྤྱི་ཙམ་གྱི་ངེས་རྙེད་པ། །དེ་ལའང་མཆོག་གི་བདེ་བ་སྟེར། །

༣༥ ༽ ཀྱི་ཧུད་བདག་བློ་རྨོངས་པས་བཅོམ། །འདི་འདྲའི་ཡོན་ཏན་ཕུང་པོ་ལ༔།རིང་ནས་སྐྱབས་སུ་སོང་གྱུར་ཀྱང་། །ཡོན་ཏན་ཆ་ཙམ་མ་འཚལ་ཏོ། །

༣༦ ༽ འོན་ཀྱང་འཆི་བདག་ཁར་ཕྱོགས་པའི། །སྲོག་གི་རྒྱུན་ནི་མ་ནུབ་པར།ཁྱོད་ལ་ཅུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། ། ཁྱོད་ལ་ཅུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། །འདི་ཡང་སྐལ་བ་བཟང་སྙམ་བགྱིད། །

༣༧ ༽ ༈ སྟོན་པའི་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་སྟོན་པ་དང་། །ཤེས་རབ་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་ཤེས་པ་གཉིས། །འཇིག་རྟེན་དག་ན་རྒྱལ་བའི་དབང་པོ་བཞིན། །ཕྱུལ་བྱུང་ལེགས་པར་ཁྱོད་མཁྱེན་གཞན་གྱིས་མིན།

༣༨ ༽ ཁྱེད་ཀྱིས་ཇི་སྙེད་བཀའ་སྩལ་པ། །རྟེན་འབྲེལ་ཉིད་ལས་བརྩམས་ཏེ་འཇུག།དེ་ཡང་མྱ་ངན་འདའ་ཕྱིར་ཏེ། །ཞི་འགྱུར་མིན་མཛད་ཁྱོད་ལ་མེད། །

༣༩ ༽ ཀྱེ་མའོ་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ནི། །གང་གི་རྣ་བའི་ལམ་སོང་བ༔།དེ་དག་ཐམས་ཅད་ཞི་འགྱུར་ཕྱིར། །ཁྱོད་བསྟན་འཛིན་པར་སུ་མི་གུས། །

༤༠ ༽ ཕས་རྒོལ་མཐའ་དག་འཇོམས་པ་དང་། །ལྷག་འོག་འགལ་འདུས་སྟོང་པ་དང་། །སྐྱེ་རྒུའི་དོན་གཉིས་སྟེར་བྱེད་པ། །ལུགས་འདིར་ཁོ་བོ་སྤྲོ་བ་འཕེལ། །

༤༡ ༽ འདི་ཡི་ཕྱིར་དུ་ཁྱོད་ཀྱིས་ནི། །ལ་ལར་སྐུ་དང་གཞན་དུ་སྲོག།སྡུག་པའི་གཉེན་དང་ལོངས་སྤྱོད་ཚོགས། །གྲངས་མེད་བསྐལ་པར་ཡང་ཡང་བཏང་། །

༤༢ ༽ གང་གི་ཡོན་ཏན་མཐོང་བ་ཡིས། །ལྟུགས་ཀྱུས་ཉལ་ཇི་བཞིན་དུ། །ཉིད་ཀྱིས་ཐུགས་དྭངས་ཆོས་དེ་ནི།ཁྱོད་ལས་མ་ཐོས་སྐལ་བ་ཞན། །

༤༣ ༽ དེ་ཡི་མྱ་ངན་ཤུགས་ཀྱིས་ནི། །སྡུག་པའི་བུ་ལ་མ་ཡི་ཡིད། །རྗེས་སུ་སོང་བ་ཇི་བཞིན་དུ། །བདག་གི་ཡིད་ནི་གཏོང་མི་བྱེད། །

༤༤ ༽ འདི་ལའང་ཁྱོད་གསུང་བསམས་པ་ན། །མཚན་དཔེའི་དཔལ་གྱིས་རབ་ཏུ་འབར། །འོད་ཀྱི་དྲ་བས་ཡོངས་བསྐོར་བའི། །སྟོན་པ་དེ་ཡི་ཚངས་དབྱངས་ཀྱིས། །

༤༥ ༽ འདི་ནི་འདི་ལྟར་གསུངས་སྙམ་དུ། །ཡིད་ལ་ཐུབ་པའི་གཟུགས་བརྙན་ནི། །ཤར་བ་ཙམ་ཡང་ཚ་བ་ཡིས། །གདུངས་ལ་ཟླ་ཟེར་བཞིན་དུ་སྨན། །

༤༦ ༽ དེ་ལྟར་རྨད་དུ་བྱུང་བ་ཡི། །ལུགས་བཟང་དེ་ཡང་མི་མཁས་པའི། །སྐྱེ་བོས་བལ་པ་ཛ་བཞིན་དུ། །རྣམ་པ་ཀུན་ཏུ་འཛིངས་པར་བྱས༔

༤༧ ༽ །ཚུལ་འདི་མཐོང་ནས་བདག་གིས་ནི། །འབད་པ་དུ་མས་མཁས་པ་ཡི༔།རྗེས་སུ་འབྲངས་ནས་ཁྱོད་ཀྱི་ནི། །དགོངས་པ་ཡང་དང་ཡང་དུ་བཙལ། །

༤༨ ༽ དེ་ཚེ་རང་གཞན་སྡེ་པ་ཡི། །གཞུང་མང་དག་ལ་སྦྱངས་པ་ན། །ཕྱི་ཕྱིར་ཐེ་ཚོམ་དྲ་བ་ཡིས། །བདག་གི་ཡིད་ནི་ཀུན་ཏུ་གདུངས།

༤༩ ༽ ཁྱོད་ཀྱི་བླ་མེད་ཐེག་པའི་ཚུལ། །ཡོད་དང་མེད་པའི་མཐའ་སྤངས་ཏེ། །ཇི་བཞིན་འགྲེལ་པར་ལུང་བསྟན་པ། །ཀླུ་སྒྲུབ་གཞུང་ལུགས་ཀུནྡའི་ཚལ། །

༥༠ ༽ དྲི་མེད་མཁྱེན་པའི་དཀྱིལ་འཁོར་རྒྱས། །གསུང་རབ་མཁའ་ལ་ཐོགས་མེད་རྒྱུ། །མཐར་འཛིན་སྙིང་གི་མུན་པ་སེལ། །ལོག་སྨྲའི་རྒྱུ་སྐར་ཟིལ་གནོན་པ། །

༥༡ ༽ དཔལ་ལྡན་ཟླ་བའི་ལེགས་བཤད་ཀྱི། །འོད་དཀར་འཕྲེང་བས་གསལ་བྱས་པ། །བླ་མའི་དྲིན་གྱིས་མཐོང་བའི་ཚེ། །བདག་གི་ཡིད་ཀྱིས་ངལ་གསོ་ཐོབ། །

༥༢ ༽ མཛད་པ་ཀུན་ལས་གསུང་གི་ནི། །མཛད་པ་མཆོག་ཡིན་དེ་ཡང་ནི། །དེ་ཉིད་ཡིན་ཕྱིར་མཁས་པ་ཡིས། །འདི་ལས་སངས་རྒྱས་རྗེས་དྲན་བྱོས། །

༥༣ ༽ སྟོན་དེའི་རྗེས་སུ་རབ་ཏུ་བྱུང་གྱུར་ཏེ། །རྒྱལ་བའི་གསུང་ལ་སྦྱངས་པ་མི་དམན་ཞིང་། །རྣལ་འབྱོར་སྤྱོད་ལ་བརྩོན་པའི་དགེ་སློང་ཞིག།
དྲང་སྲོང་ཆེན་པོ་དེ་ལ་དེ་ལྟར་གུས། །

༥༤ ༽ སྟོན་པ་བླ་ན་མེད་པའི་བསྟན་པ་དང་། །མཇལ་བ་འདི་འདྲ་བླ་མའི་དྲིན་ཡིན་པས། །དགེ་བ་འདི་ཡང་འགྲོ་བ་མ་ལུས་པ། །
བཤེས་གཉེན་དམ་པས་འཛིན་པའི་རྒྱུ་རུ་བསྔོ། །

༥༥ ༽ ཕན་མཛད་དེ་ཡི་བསྟན་པའང་སྲིད་པའི་མཐར། །ངན་རྟོག་རླུང་གིས་རྣམ་པར་མི་ཡོ་ཞིང་། །བསྟན་པའི་ངང་ཚུལ་ཤེས་ནས་སྟོན་པ་ལ། །ཡིད་ཆེས་སྙིང་པས་ རྟག་ཏུ་གང་བར་ཤོག།

༥༦ ༽ བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་དེ་ཉིད་གསལ་མཛད་པ། །ཁ་པའི་ལུགས་བཟང་སྐྱེ་བ་ཐམས་ཅད་དུ། །ལུས་དང་སྲོག་ཀྱང་བཏང་ནས་འཛིན་པ་ལ། །སྐད་ཅིག་ཙམ་ཡང་ལྷོད་པར་མ་གྱུར་ཅིག།

༥༧ ༽ འདྲེན་པ་མཆོག་དེས་དཀའ་བ་དཔག་མེད་ཀྱིས། །ནན་ཏན་སྙིང་པོར་མཛད་ནས་བསྒྲུབས་པ་འདི། །ཐབས་གང་ཞིག་གིས་འཕེལ་བར་འགྱུར་སྙམ་པའི། །རྣམ་པར་དཔྱོད་པས་ཉིན་མཚན་
འདའ་བར་ཤོག།

༥༨ ༽ ལྷག་བསམ་དག་པས་ཚུལ་དེར་བརྩོན་པ་ན། །ཚངས་དང་དབང་པོ་འཇིག་རྟེན་སྐྱོང་བ་དང་། །ལེགས་ལྡན་ནག་པོ་ལ་སོགས་སྲུང་མས་ཀྱང་། །གཡེལ་བ་མེད་པར་རྟག་ཏུ་གྲོགས་བྱེད་ཤོག།

ཅེས་བསྟོད་པ་ལེགས་བཤད་སྙིང་པོ་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ནི་མང་དུ་ཐོས་པའི་དགེ་སློང་བློ་བཟང་གྲགས་པའི་དཔལ་གྱིས་སྦྱར་བའོ། །

Việt (Vietnamese)| **Tạng (Tibetan)** | Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)

Việt (Vietnamese)| Tạng (Tibetan) | **Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)**

རྟེན་འབྲེལ་བསྟོད་པ་བཞུགས་སོ། །

Xưng Tán Duyên Khởi

IN PRAISE OF DEPENDENT ORIGINATION

Je Tsongkhapa – Lama Tông Khách Ba

༄༅། །ན་མོ་གུ་རུ་མཉྫུ་གྷོ་ཥ་ཡ།

Kính lạy đức Văn Thù Diệu Âm

Nam mô Guru Manjughoshaya

༡། ·གང་ཞིག་གཟིགས་ཤིང་གསུངས་པ་ཡི། །

1.Người nào thuyết pháp / từ sự chứng biết,

He who speaks on the basis of seeing,

མཁྱེན་དང་སྟོན་པ་བླ་ན་མེད། །

trí ấy, giáo ấy / không một ai hơn.

This makes him a knower and teacher unexcelled,

རྒྱལ་བ་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་། །

Con xin kính lễ / đức Phật tối thắng,

I bow to you, O Conqueror, you who saw

གཟིགས་ཤིང་འདོམས་པ་དེ་ལ་འདུད། །

Bậc chứng rồi giảng / giáo pháp duyên sinh.

Dependent origination and taught it.

༢། འཇིག་རྟེན་རྒྱུད་པ་ཇི་སྙེད་པ། །

2. Cõi thế gian này / có bao suy thoái,

Whatever degenerations there are in the world,

དེ་ཡི་རྩ་བ་མ་རིག་སྟེ། །

hết thảy đều từ / gốc rễ vô minh.

The root of all these is ignorance;

གང་ཞིག་མཐོང་བས་དེ་སྐྱོན་པ། །

Đức Phật dạy rằng / bất kể là ai,

You taught that it is dependent origination,

རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བར་གསུངས། །

chứng được duyên sinh / là dẹp được cả.

The seeing of which will undo this ignorance.

༣་། དེ་ཚེ་བློ་དང་ལྡན་པ་ཡིས། །

3. Nên người có trí

So how can an intelligent person

རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ལམ།

đâu thể không hiểu

Not comprehend that this path

ཆོས་ཀྱི་བསྟན་པའི་གནད་ཉིད་དུ། །

rằng pháp duyên sinh

Of dependent origination is

རྗེ་ལྟར་ཁོང་དུ་ཆུད་མི་འགྱུར།

chính là cốt tủy / giáo pháp Phật dạy.

The essential point of your teaching?

༤་། དེ་ལྟ་ལགས་ན་ མགོན་ཁྱོད་ལ། །

4. Vậy xưng tán Phật,

This being so, who will find, O Savior,

བསྟོད་པའི་སྒོར་ནི་ སུ་ཞིག་གིས། །

đâu có lối nào

A more wonderful way to praise you

བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གསུངས་པ་ལས། །

mầu nhiệm hơn là

Than [to praise you] for having taught
ངོ་མཚར་གྱུར་པ་ཅི་ཞིག་རྙེད། །
xưng tán bậc thuyết / giáo pháp duyên sinh.
This origination through dependence?

༥་༡ གང་གང་རྐྱེན་ལ་རག་ལས་པ། །
5. “Việc gì đã tùy / nhân duyên sinh ra
“Whatsoever depends on conditions,
དེ་དེ་རང་བཞིན་གྱིས་སྟོང་ཞེས། །
thì việc ấy vốn / không có tự tánh.”
That is devoid of intrinsic existence.”
གསུངས་པ་འདི་ལས་ཡ་མཚན་པའི། །
Có lời dạy nào / tuyệt diệu hơn là
What excellent instruction can there be
ལེགས་འདོམས་ཚུལ་ནི་ཅི་ཞིག་ཡོད། །
lời dạy này đây.
More amazing than this proclamation?

༦་༡ གང་དུ་བཟུང་བས་བྱིས་པ་རྣམས། །
6. Vì bám vào đó / mà kẻ ấu trĩ
By grasping at it the childish
མཐར་འཛིན་འཆིང་བ་བརྟན་བྱེད་པ། །
ràng buộc biên kiến / càng thêm kiên cố;
Strengthen bondage to extreme views;
དེ་ཉིད་མཁས་ལ་སྤྲོས་པ་ཡི། །
cũng chính nơi đó / lại là cửa ngỏ
For the wise this very fact is the doorway
དྲ་བ་མ་ལུས་གཅོད་པའི་སྒོ། །
cho người có trí / xẻ lưới niệm khởi.
To cut free from the net of elaborations.

༧་༡ བསྟན་འདི་གཞན་དུ་མ་མཐོང་བས། །
7. Pháp này nơi khác / chưa từng nghe qua
Since this teaching is not seen elsewhere,
སྟོན་པ་ཞེས་བྱ་ཁྱོད་ཉིད་དེ། །
nên gọi Phật là / đạo sư duy nhất.
You alone are the Teacher;
ཕ་སྐྱེས་ལ་ནི་སེང་གེ་བཞིན། །
Nếu gọi ngoại đạo / [là bậc đạo sư] / thì khác gì gọi / cáo là sư tử,
Like calling fox a lion, for a Tirthika
མུ་སྟེགས་ཅན་ལའང་གཅམ་བུའི་ཚིག།
chỉ giống như lời / tâng bốc mà thôi.
It would be a word of flattery.

༨་༡ ཨེ་མའོ་སྟོན་པ་ཨེ་མའོ་སྐྱབས། །
8. Tuyệt thay đạo sư! Tuyệt thay chỗ nương!

Wondrous teacher! Wondrous refuge!

ཨེ་མའོ་སྟོན་མཆོག་ཨེ་མའོ་མགོན། །

Tuyệt thay luận sư! Tuyệt thay cứu độ!

Wondrous speaker! Wondrous savior!

རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྱུང་ལེགས་གསུངས་པའི། །

Đối trước bậc Thầy / khéo thuyết duyên khởi,

I pay homage to that teacher

སྟོན་པ་དེ་ལ་བདག་ཕྱག་འཚལ། །

con xin đảnh lễ.

Who taught well dependent origination.

༩་༽ ཕན་མཛད་ཁྱོད་ཀྱིས་འགྲོ་བ་ལ། །

9. Để giúp chữa bệnh / nên đấng Lợi Sinh

To help heal sentient beings,

སྨན་པའི་སྨྲད་དུ་བཀའ་སྩལ་བ། །

dạy cho hữu tình

O Benefactor, you have taught

བསྟན་པའི་སྙིང་པོ་སྟོང་པ་ཉིད། །

lý luận vô song

The peerless reason to ascertain

ངེས་པའི་རྒྱུ་མཚན་ བླ་མེད་པ། །

xác định tánh không, / trái tim chánh pháp

Emptiness, the heart of the teaching.

༡༠་༽ རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་བར་འབྱུང་བའི་ཚུལ། །

10. Lối duyên khởi này

This way of dependent origination,

འགལ་བ་དང་ནི་མ་གྲུབ་པར། །

nếu thấy mâu thuẫn, / không thể xác minh

Those who perceive it

མཐོང་བ་འདི་ཡིས་ཁྱོད་ཀྱི་ལུགས། །

thì pháp của Phật

As contradictory or as unestablished,

ཇི་ལྟར་ཁོང་དུ་ཆུད་པར་ནུས༑

làm sao có thể / thông đạt cho được?

How can they comprehend your system?

༡༡་༽ ཁྱོད་ནི་ནམ་ཞིག་སྟོང་པ་ཉིད། །

11. Với Phật, bao giờ

For you, when one sees emptiness

རྟེན་འབྱུང་དོན་དུ་མཐོང་བ་ན། །

chứng được tánh không / qua nghĩa duyên khởi

In terms of the meaning of dependent origination,

རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་དང་། །

sẽ thấy tuy rằng / không có tự tánh

Then being devoid of intrinsic existence and

བྱ་བྱེད་འཐད་པའང་མི་འགལ་ཞིང་། །

vẫn tạo tác dụng, / không hề mâu thuẫn.
Possessing valid functions do not contradict.

༡༢ ༽ དེ་ལས་ལྡོག་པར་མཐོང་བ་ན། །
12. Phật dạy nếu như / thấy điều ngược lại,
Whereas when one sees the opposite,
སྟོང་ལ་བྱ་བ་མི་རུང་ཞིང་། །
ở trong tánh không / không có tác dụng
Since there can be no function in emptiness
བྱ་དང་བཅས་ལ་སྟོང་མེད་པས། །
có tác dụng lại / không có tánh không,
Nor emptiness in what has functions,
ཉམ་ངའི་གཡང་དུ་ལྷུང་བར་བཞེད། །
sẽ phải rơi vào / vực sâu hung hiểm.
One falls into a dreadful abyss, you maintain.

༡༣ ༽ དེ་ཕྱིར་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ལ། །
13. Vì lý do này / giáo pháp Phật dạy
Therefore in your teaching
རྟེན་འབྱུང་མཐོང་བ་ལེགས་པར་བསྔགས། །
hết mực đề cao / chứng ngộ duyên khởi;
Seeing dependent origination is hailed;
དེ་ཡང་ཀུན་ཏུ་མེད་པ་དང་། །
không phải hoàn toàn / là không hiện hữu,
That too not as an utter non-existence
རང་བཞིན་གྱིས་ནི་ཡོད་པས་མིན། །
mà cũng không phải / là có tự tánh.
Nor as an intrinsic existence.

༡༤ ༽ ལྟོས་མེད་ནམ་མཁའི་མེ་ཏོག་བཞིན། །
14. Sự tự-có như / hoa đốm giữa trời,
The non-contingent is like a sky flower,
དེས་ན་མ་བརྟེན་ཡོད་མ་ཡིན། །
vì vậy không gì / là không tùy thuộc.
Hence there is nothing that is not dependent.
ངོ་བོས་གྲུབ་ན་དེ་འགྲུབ་པ། །
Nếu sự vật nhờ / chính mình mà có
If things exist through their essence, their dependence on
རྒྱུ་དང་རྐྱེན་ལ་ལྟོས་པ་འགལ། །
thì không thể nào / tùy thuộc nhân duyên.
Causes and conditions for their existence is a contradiction.

༡༥ ༽ དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་ལས། །
15. Nên Phật dạy rằng “vì không có gì
“Therefore since no phenomena exist
མ་གཏོགས་ཆོས་འགའ་ཡོད་མིན་པས། །

không từ duyên khởi
Other than origination through dependence,
རང་བཞིན་གྱིས་ནི་སྟོང་པ་ལས། །
nên trừ phi là / không có tự tánh,
No phenomena exist other than
ས་གཏོགས་ཆོས་འགའ་མེད་པར་གསུངས། །
bằng không chẳng có / pháp nào tồn tại.”
Being devoid of intrinsic existence,” you taught.

༡༦ ཅེ། རང་བཞིན་གྱུར་པ་མེད་པའི་ཕྱིར། །
16. Phật dạy: “Tự tánh / không hề biến chuyển,
“Because intrinsic nature cannot be negated,
ཆོས་རྣམས་རང་བཞིན་འགའ་ཡོད་ན། །
nên nếu các pháp / có chút tự tánh
If phenomena possess some intrinsic nature,
མྱ་ངན་འདས་པ་མི་རུང་ཞིང་། །
thì quả niết bàn / không thể nào có,
Nirvana would become impossible
སྤྲོས་ཀུན་ཞི་གཏ་པ་མེད་པར་གསུངས། །
niệm khởi cũng không / cách nào tịch diệt
And elaborations could not be ceased,” you taught.

༡༧ ཅེ། དེཕྱིར་རང་བཞིན་རྣམ་བུལ་ཞེས། །
17. Vì vậy nhiều lần / trước hàng trí giả
Therefore who could challenge you?
སེང་གེའི་སྒྲ་ཡིས་ཡང་ཡང་བྱ། །
đức Phật nói bằng / tiếng sư tử hống,
You who proclaim with lion’s roar
མ་ཁས་པའི་ཚོགས་སུ་ལེགས་གསུངས་པ། །
rằng “sự vật vốn / tách lìa tự tánh”
In the assembly of learned ones repeatedly
འདི་ལ་སུ་ཡིས་འཕོངས་བར་རྟོག། །
Lời này đố ai / đủ sức phản biện.
That everything is utterly free of intrinsic nature?

༡༨ ཅེ། རང་བཞིན་འགའ་ཡང་མེད་པ་དང་། །
18. Tự tánh mảy may / cũng không hề có,
That there is no intrinsic existence at all
འདི་ལ་བརྟེན་ནས་འདི་འབྱུང་བའི། །
mọi sự đều là / “tùy vào cái này
And that all functions as “this arising
རྣམ་བཞག་ཐམས་ཅད་འཐད་པ་གཉིས། །
mà cái kia sinh.” / Có cần phải nói
In dependence on that,” what need is there to say
མི་འགལ་འདུ་བ་སྨོས་ཅིར་གོས། །
rằng hai điều này / không hề mâu thuẫn?

That these two converge without conflict?

༡༩་༽ བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་རྒྱུ་མཚན་གྱིས། །

19. Vì hiện khởi nên

“It is through the reason of dependent origination

མཐར་ལྟ་བ་ལ་མི་བརྟེན་ཞེས། །

không vướng biên kiến”

That one does not lean towards an extreme;”

ལེགས་གསུངས་འདི་ནི་མགོན་ཁྱོད་ཀྱི། །

Chính vì đức Phật / khéo thuyết như vậy

That you’ve declared this excellently is the reason,

སྨྲ་བ་བླ་ན་མེད་པའི་རྒྱུ། །

nên gọi Ngài là / luận sư vô song

O Savior, of your being an unexcelled speaker.

༢༠་༽ འདི་ཀུན་ངོ་བོས་སྟོང་པ་དང་། །

20. “Hết thảy mọi sự / chân tánh vốn không”;

“All of this is devoid of essence,”

འདི་ལས་འདི་འབྲས་འབྱུང་བ་ཡི། །

“từ điều này mà / quả kia sinh ra”:

And “From this arises that effect” –

ངེས་པ་གཉིས་པོ་ཕན་ཚུན་དུ། །

hai khẳng định này hỗ trợ lẫn nhau

These two certainties complement

གེགས་མེད་པར་ནི་གྲོགས་བྱེད་པ། །

không hề mâu thuẫn.

Each other with no contradiction at all.

༢༡་༽ འདི་ལས་ངོ་མཚར་གྱུར་པ་དང་། །

21. Nhiệm mầu nào hơn?

What is more amazing than this?

འདི་ལས་རྨད་དུ་བྱུང་བ་གང་། །

kỳ diệu nào hơn?

What is more marvellous than this?

ཚུལ་འདིས་ཁྱོད་ལ་བསྟོད་ན་ནི། །

Tán dương như vậy mới là tán dương,

If one praises you in this manner,

བསྟོད་པར་འགྱུར་གྱི་གཞན་དུ་མིན། །

bằng không chẳng xứng.

This is real praise, otherwise not.

༢༢་༽ རྨོངས་པས་བྲན་དུ་བཟུང་བ་ཡིས། །

22. Những ai vì bởi / mê muội khống chế

Being enslaved by ignorance

གང་ཞིག་ཁྱོད་དང་ཞེ་འགྲས་པ། །

bất thuận với Phật / thì trước âm thanh

Those who fiercely oppose you,
དེ་ཡིས་རང་བཞིན་མེད་པའི་སྒྲ། །
của không tự tánh / chẳng thể nào kham,
What is so astonishing about their being
མི་བཟོད་གྱུར་ལ་མཚར་ཅི་ཡོད།
việc này không lạ.
Unable to bear the sound of no intrinsic existence?

༢༣་༽ ཁྱོད་ཀྱི་གསུང་གི་གཅེས་པའི་མཛོད། །
23. Nhưng nếu tin nhận / kho tàng trân quí
But having accepted dependent origination,
བརྟེན་ནས་འབྱུང་བར་ཁས་བླངས་ནས། །
của lời Phật dạy / về thuyết duyên khởi,
The precious treasure of your speech,
སྟོང་ཉིད་ང་རོ་མི་བཟོད་པ། །
mà không kham nổi / tiếng gầm tánh không
Then not tolerating the roar of emptiness –
འདི་ལ་ཁོ་བོ་ངོ་མཚར་གྱུར། །
mới thật lạ kỳ.
This I find amazing indeed!

༢༤་༽ རང་བཞིན་མེད་ལ་བཀྲི་བའི་སྒོ། །
24-25. Lý duyên khởi là / cánh cửa vô thượng,
The door that leads to no intrinsic existence,
བླ་མེད་རྟེན་ཅིང་འབྲེལ་འབྱུང་གི།
lối ngỏ dẫn vào / sự không tự tánh.
This unexcelled [door of] dependent origination,
མིང་ཉིད་ཀྱིས་ནི་རང་བཞིན་དུ། །
Nếu kẻ phàm phu / dựa danh duyên khởi
Through its name alone, if one grasps
འཛིན་ན་ད་ཀོ་སྐྱེ་བོ་འདི། །
mà chấp tự tánh / thì phàm phu ấy
At intrinsic existence, now this person

༢༥་༽ འཕགས་མཆོག་རྣམས་ཀྱིས་ལེགས་བགྲོད་པའི། །
lạc mất lối ngỏ
Who lacks the unrivalled entrance,
འཇུག་ངོགས་བླ་དང་བྲལ་གྱུར་པ།
mà chư thánh giả đã từng khéo qua.
Well travelled by the Noble Ones,
ཁྱོད་དགྱེས་གྱུར་པའི་ལམ་བཟང་དེར། །
Đâu là phương tiện / đưa họ về lại
By what means should one guide him
ཐབས་གང་གིས་ནི་བཀྲི་བར་བྱ། །
với con đường lành / khiến cho Phật vui?
To the excellent path that pleases you?

༢༦།། རང་བཞིན་བཅོས་མིན་ལྷོད་མེད་དང་། །

26. “Tự tánh, không giả, và không tùy thuộc”
Intrinsic nature, uncreated and non-contingent,

རྟེན་འབྲེལ་ལྷོད་དང་བཅོས་མ་གཉིས། །

cùng với “duyên sinh, tùy thuộc, giả hợp”,
Dependent origination, contingent and created –

ཇི་ལྟ་བུར་ན་གཞི་གཅིག་ལ། །

Làm sao có thể / qui về một chỗ
How can these two converge

མི་འགལ་འདུ་བ་ཉིད་དུ་འཇུག

mà không mâu thuẫn?
Upon a single basis without contradiction?

༢༧།། དེ་ཕྱིར་བརྟེན་ནས་འབྱུང་བ་གང་། །

27. Vì thế điều gì / từ duyên sinh ra,
Therefore whatever originates dependently,

རང་གཞིན་གྱིས་ནི་གདོད་མ་ནས། །

mặc dù bản lai / vốn lìa tự tánh,
Though primordially free of intrinsic existence,

རྣམ་པར་དག་ཡང་དེར་སྣང་བས། །

nhưng mà tướng hiện / lại giống như có,
Appears as if it does [possess intrinsic existence];

འདི་ཀུན་སྒྱུ་མ་གཞིན་དུ་གསུངས།

nên Phật nói rằng / mọi sự hư huyễn.
So you taught all this to be illusion-like.

༢༨།། ཚུལ་གྱིས་ཇི་ལྟར་བསྟན་པ་ལ། །

28. Vì lý do này / nên con hiểu được
Through this very fact I understand well

ཆོལ་བ་འགལ་ཀྱང་ཆོས་མཐུན་དུ། །

dù ai chống đối / nơi lời Phật dạy
The statement that, to what you have taught,

བློགས་མི་རྣེད་པར་གསུངས་པ་ཡང་། །

vẫn không làm sao / xét đúng luận lý
Those opponents who challenge you

འདི་ཉིད་ཀྱིས་ནི་ལེགས་པར་འགྲུབས། །

mà tìm ra được / chút sơ hở nào.
Cannot find faults that accord with reason.

༢༩།། ཅི་སྟབ་ཅེ་ན་འདི་བཤད་པས། །

29. Tại sao như vậy? Vì lời giảng này
Why is this so? Because by declaring these

མཐོང་དང་མ་མཐོང་དངོས་པོ་ལ། །

khiến cho sự vật / –dù là thấy được / hay không thể thấy–
Chances for reification and denigration

སྐྱོ་འདོགས་པ་དང་སྐུར་འདེབས་ཀྱི། །

khả năng khẳng định / hay là phủ định

Towards things seen and unseen

གོ་སྐབས་རིང་དུ་མཛད་ཕྱིར་རོ༔

đều lìa rất xa.

Are made most remote.

༣༠༽ ཁྱོད་ཀྱི་སྨྲ་བ་ བླ་མེད་པར། །

30. Chính nhờ con đường / duyên khởi này đây,

Through this very path of dependent origination,

མཐོང་བའི་རྒྱུ་མཚན་རྟེན་འབྱུང་གི།

thấy được lời Phật / thật không đâu sánh.

The rationale for your speech being peerless,

ལམ་འདི་ཉིད་ཀྱིས་གསུང་གཞན་ཡང་། །

Vì lẽ này mà / khởi niềm xác quyết

Convictions arise in me [also]

ཚད་མར་གྱུར་པར་ངེས་པ་སྐྱེ། །

Pháp nào của Phật / cũng đều đúng cả.

That your other words are valid too.

༣༡༽ དོན་བཞིན་གཟིགས་ནས་ལེགས་གསུངས་པ།

31. Phật chứng như nghĩa / rồi khéo nói ra,

You who speak excellently by seeing as it is,

ཁྱོད་ཀྱི་རྗེས་སུ་སློབ་པ་ལ། །

những ai dụng công / theo gót chân Ngài,

For those who train in your footsteps,

རྒུད་པ་ཐམས་ཅད་རིང་དུ་གྱུར། །

bao nhiêu suy thoái / hết thảy đều xa,

All degenerations will become remote;

ཉེས་ཀུན་རྩ་བ་ལྡོག་ཕྱིར་རོ།

bao gốc lỗi lầm / đều hồi đầu cả.

For the root of all faults will be undone.

༣༢༽ ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་ལས་ཕྱིར་ཕྱོགས་པས། །

32. Còn người quay lưng / với lời Phật dạy

But those who turn away from your teaching,

ཡུན་རིང་ངལ་བ་བསྟེན་བྱས་ཀྱང་། །

thì dù lao lực / trong thời gian dài

Though they may struggle with hardship for a long time,

ཕྱི་ཕྱིར་སྐྱོན་རྣམས་བོས་པ་བཞིན། །

lỗi vẫn tăng thêm / –như thể gọi mời–

Faults increase ever more as if being called forth;

བདག་ཏུ་ལྟ་བ་བརྟན་ཕྱིར་རོ། །

là vì nương vào / tri kiến chấp ngã.

For they make firm the view of self.

༣༣༽ ཨེ་མའོ་མཁས་པས་འདི་གཉིས་ཀྱི།

33. Tuyệt vời lắm thay! Khi người có trí
Aha! When the wise comprehend
ཁྱད་པར་ཁོང་དུ་ཆུད་གྱུར་པ། །
hiểu sự khác biệt / giữa hai điều này,
The differences between these two,
དེ་ཚེ་རྐང་གི་ཁོང་ནས་ནི།
khi ấy đáy lòng / không thể nào không
Why would they not at that point
ཁྱོད་ལ་ཅི་ཕྱིར་གུས་མི་འགྱུར།
sâu xa kính Phật.
Revere you from the depths of their being?

༣༤༽ ཁྱོད་གསུང་དུ་མ་ཅི་ཞིག་སྨོས། །
34. Hãy khoan nói đến / vô lượng giáo pháp,
Let alone your numerous teachings,
ཆ་ཤས་རེ་ཡི་དོན་ཙམ་ལའང་། །
chỉ cần ý nghĩa một nhánh nhỏ thôi
Even in the meaning of a small part,
འོལ་སྤྱི་ཙམ་གྱི་ངེས་རྙེད་པ། །
dù chỉ đại khái có được lòng tin
Those who find ascertainment in a cursory way,
དེ་ལའང་མཆོག་གི་བདེ་བ་སྩེར། །
cũng vẫn đạt được niềm vui thù thắng.
This brings supreme bliss to them as well.

༣༥༽ ཀྱི་ཧུད་བདག་བློ་རྨོངས་པས་བཅོམ། །
35. Than ôi! con vì / tâm trí mê muội,
Alas! My mind was defeated by ignorance;
འདི་འདྲའི་ཡོན་ཏན་ཕུང་པོ་ལ༑
khối thiện đức ấy / qui y đã lâu,
Though I’ve sought refuge for a long time,
།རིང་ནས་སྐྱབས་སུ་སོང་གྱུར་ཀྱང་། །
thế nhưng cho dù / chỉ một mẩu nhỏ
In such an embodiment of excellence,
ཡོན་ཏན་ཆ་ཙམ་མ་འཚལ་ཏོ། །
cũng chưa hề có.
I possess not a fraction of his qualities.

༣༦༽ འོན་ཀྱང་འཆི་བདག་ཁར་ཕྱོགས་པའི། །
36. Tuy vậy, trước khi / sinh mạng một dòng
Nonetheless, before the stream of this life
སྲོག་གི་རྒྱུན་ནི་མ་ནུབ་པར།
chảy cạn hết vào / miệng của Thần chết,
Flowing towards death has come to cease
ཁྱོད་ལ་ཅུང་ཟད་ཡིད་ཆེས་པ། །
tín tâm nơi Phật / con được chút ít,

That I have found slight faith in you –

འདི་ཡང་སྐལ་བ་བཟང་སྙམ་བགྱིད། །

thiết nghĩ đó cũng là điều đại hạnh.

Even this I think is fortunate.

༣༧༽ ཡྂ སྟོན་པའི་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་སྟོན་པ་དང་། །

37. Bậc thuyết duyên khởi / trong khắp giảng sư;

Among teachers, the teacher of dependent origination,

ཤེས་རབ་ནང་ན་རྟེན་འབྲེལ་ཤེས་པ་གཉིས། །

Trí chứng duyên khởi / trong khắp các trí;

Amongst wisdoms, the knowledge of dependent origination –

འཇིག་རྟེན་དག་ན་རྒྱལ་བའི་དབང་པོ་བཞིན། །

Chỉ có Phật như / đế vương tôn thắng / trong cõi thế gian

You, who’re most excellent like the kings in the worlds,

ཕུལ་བྱུང་ལེགས་པར་ཁྱོད་མཁྱེན་གཞན་གྱིས་མིན།

mới khéo biết được, / người khác chẳng thể.

Know this perfectly well, not others.

༣༨༽ ཁྱེད་ཀྱིས་ཇི་སྙེད་བཀའ་སྩལ་པ། །

38. Bất kể là Phật / dạy cho pháp gì,

All that you have taught

རྟེན་འབྲེལ་ཉིད་ལས་བརྩམས་ཏེ་འཇུག།

đều phát xuất từ / giáo lý duyên sinh

Proceeds by way of dependent origination;

དེ་ཡང་མྱ་ངན་འདའ་ཕྱིར་ཏེ། །

và đều hướng đến / mục tiêu niết bàn.

That too is done for the sake of nirvana;

ཞི་འགྱུར་མིན་མཛད་ཁྱོད་ལ་མེད། །

Phật không hạnh nào / không khiến tịnh an.

You have no deeds that do not bring peace.

༣༩༽ ཀྱི་མའོ་ཁྱོད་ཀྱི་བསྟན་པ་ནི། །

39. Ôi! Giáo pháp Phật

Alas! Your teaching is such,

གང་གི་རྣ་བའི་ལམ་སོང་བ;

rơi vào tai ai

In whosoever’s ears it falls,

།དེ་དག་ཐམས་ཅད་ཞི་འགྱུར་ཕྱིར། །

đều khiến bình an,

They all attain peace; so who would not be

ཁྱོད་བསྟན་འཛིན་པར་སུ་མི་གུས། །

hỏi ai lại chẳng / thiết tha giữ gìn.

Honoured to uphold your teaching?

༤༠༽ ཕས་རྒོལ་མཐའ་དག་འཇོམས་པ་དང་། །

40. Pháp này tận diệt / hết thảy đối địch;

It overcomes all opposing challenges;
ལྟག་འོག་འགལ་འདུས་སྟོང་པ་དང་། །
làm tan biến hết / mâu thuẫn trước sau;
It’s free from contradictions between earlier and latter parts;
སྐྱེ་རྒུའི་དོན་གཉིས་སྟེར་བྱེད་པ། །
giúp cho toàn thành / cả hai lợi ích;
It grants fulfilment of beings’ two aims –
ལུགས་འདིར་ཁོ་བོ་སྤྲོ་བ་འཕེལ། །
nhờ diệu pháp này / hoan hỉ càng tăng.
For this system my joy increases ever more.

༤༡་༄ འདི་ཡི་ཕྱིར་དུ་ཁྱོད་ཀྱིས་ནི། །
41. Chính vì vậy mà
For its sake you have given away,
ལ་ལར་སྐུ་དང་གཞན་དུ་སྲོག།
Phật vô số kiếp / cho rồi lại cho:
Again and again over countless eons,
སྡུག་པའི་གཉེན་དང་ལོངས་སྤྱོད་ཚོགས། །
khi thì cho thân / lúc lại cho mạng,
Sometimes your body, at others your life,
གྲངས་མེད་བསྐལ་པར་ཡང་ཡང་བཏང་། །
cho cả thân nhân, / thọ dụng tài sản.
As well as your loving kin and resources of wealth.

༤༢་༄ གང་གི་ཡོན་ཏན་མཐོང་བ་ཡིས། །
42. Thấy được thiện đức / của giáo pháp này,
Seeing the qualities of this teaching
ལྕགས་ཀྱུས་ཉལ་ཇི་བཞིན་དུ། །
con thật như là / con cá mắc câu,
Pulls [hard] from your heart,
ཉིད་ཀྱིས་ཐུགས་དྲངས་ཆོས་དེ་ནི།
từ nơi tim Phật / bị cuốn phăng vào.
Just like what a hook does to a fish;
ཁྱོད་ལས་མ་ཐོས་སྐལ་བ་ཞན། །
Chẳng thể chính tai / nghe lời Phật dạy / thật là bất hạnh.
Sad it is not to have heard it from you.

༤༣་༄ དེ་ཡི་མྱ་ངན་ཤུགས་ཀྱིས་ནི། །
43. Nỗi thương tâm này / ray rức mãnh liệt,
The intensity of that sorrow
སྡུག་པའི་བུ་ལ་མ་ཡི་ཡིད། །
níu mãi không buông / tâm trí của con.
Does not let go of my mind,
རྗེས་སུ་སོང་བ་ཇི་བཞིན་དུ། །
Cũng tựa như là / trái tim người mẹ
Just like the mind of a mother

བདག་གི་ཡིད་ནི་གཏོང་མི་བྱེད། །
giữ mãi không rời / đứa con thân yêu.
[Constantly] goes after her dear child.

༤༤་༽ འདི་ལའང་ཁྱོད་གསུང་བསམས་པ་ན། །
44. Mỗi khi con nhớ / đến lời Phật dạy,
Here too, as I reflect on your words, I think,
མཚན་དཔེའི་དཔལ་གྱིས་རབ་ཏུ་འབར། །
là ý nghĩ này / lại hiện trong con.
“Blazing with the glory of noble marks
འོད་ཀྱི་དྲ་བས་ཡོངས་བསྐོར་བའི། །
“Bổn sư đứng giữa / vùng hào quang sáng,
And hallowed in a net of light rays,
སྟོན་པ་དེ་ཡི་ཚངས་དབྱངས་ཀྱིས། །
tướng hảo chánh phụ / rực rỡ rạng ngời,
This teacher, in a voice of pristine melody,

༤༥་༽ འདི་ནི་འདི་ལྟར་གསུངས་སྙམ་དུ། །
45. đã dùng Phạm Âm / mà thuyết như vậy.”
Spoke thus in such a way.”
ཡིད་ལ་ཐུབ་པའི་གཟུགས་བརྙན་ནི། །
Ảnh Phật khi ấy / hiện ra trong con,
The instant such a reflection of the Sage’s form
ཤར་བ་ཙམ་ཡང་ཚ་བ་ཡིས། །
xoa dịu trái tim / rát bỏng mòn mỏi,
Appears in my mind it soothes me,
གདུངས་ལ་ཟླ་ཟེར་བཞིན་དུ་སྨན། །
như trăng thanh mát / dịu cõi nóng khô.
Just as the moon-rays heal fever’s pains.

༤༦་༽ དེ་ལྟར་རྨད་དུ་བྱུང་བ་ཡི། །
46. Đối với giáo pháp / kỳ diệu này đây,
This excellent system, most marvellous,
ལུགས་བཟང་དེ་ཡང་མི་མཁས་པའི། །
phàm phu kém trí
Some individuals who are not so learned
སྐྱེ་བོས་བལ་པ་ཛ་བཞིན་དུ། །
thấy rối mịt mờ
Have entangled it in utter confusion,
རྣམ་པ་ཀུན་ཏུ་འཛིངས་པར་བྱས༑
như là cỏ bện.
Just like the tangled *balbaza* grass.

༤༧་༽ །ཚུལ་འདི་མཐོང་ནས་བདག་གིས་ནི། །
47. Nhìn thấy cảnh này / con đã lắm lần
Seeing this situation, I strove

འབད་པ་དུ་མས་མཁས་པ་ཡི།

theo bậc trí giả

With a multitude of efforts

།རྗེས་སུ་འབྲངས་ནས་ཁྱོད་ཀྱི་ནི། །

cố gắng nỗ lực

To follow after the learned ones

དགོངས་པ་ཡང་དང་ཡང་དུ་བཙལ། །

tìm rồi lại tìm / ý thật của Phật.

And sought your intention again and again.

༤༨་༡ དེ་ཚེ་རང་གཞན་སྡེ་པ་ཡི། །

48. Khi ấy con học

At such times as I studied the numerous works

གཞུང་མང་དག་ལ་སྦྱངས་པ་ན། །

rất nhiều kinh luận / tông môn trong ngoài,

Of both our own [Middle Way] and other schools,

ཕྱི་ཕྱིར་ཐེ་ཚོམ་དྲ་བ་ཡིས། །

tâm triền miên khổ

My mind became tormented ever more

བདག་གི་ཡིད་ནི་ཀུན་ཏུ་གདུངས།

vì lưới hoài nghi.

Constantly by a network of doubts.

༤༩་༡ ཁྱོད་ཀྱི་བླ་མེད་ཐེག་པའི་ཚུལ། །

49-51. Cỗ xe vô thượng / mà Phật để lại,

The night-lily grove of Nagarjuna’s treatises –

ཡོད་དང་མེད་པའི་མཐའ་སྤངས་ཏེ། །

hai đầu có-không / đều lìa bỏ hết,

Nagarjuna whom you prophesized

ཇི་བཞིན་འགྲེལ་པར་ལུང་བསྟན་པ། །

được đức Long-thọ – người Phật thọ ký – giảng đúng như thật.

Would unravel your unexcelled vehicle as it is,

ཀླུ་སྒྲུབ་གཞུང་ལུགས་ཀུནྡའི་ཚལ། །

Vườn hoa kun-da / của luận Long thọ

Shunning extremes of existence and non-existence –

༥༠་༡ དྲི་མེད་མཁྱེན་པའི་དཀྱིལ་འཁོར་རྒྱས། །

ngời ánh nguyệt quang / của luận Nguyệt Xứng

Illuminated by the garland of white lights

གསུང་རབ་མཁའ་ལ་ཐོགས་མེད་རྒྱུ། །

trắng sáng rạng soi / tỏ tường khắp cả,

Of Candra’s well-uttered insights –

མཐར་འཛིན་སྙིང་གི་མུན་པ་སེལ། །

trí tuệ vô cấu / một khối tròn đầy,

Candra, whose stainless wisdom orb is full,

ལོག་སྨྲའི་རྒྱུ་སྐར་ཟིལ་གནོན་པ། །

du hành vô ngại / giữa trời giáo thuyết,
Who glides freely across scriptures’ space,

༥༡་༽ དཔལ་ལྡན་ཟླ་བའི་ལེགས་བཤད་ཀྱི། །
xóa tan tăm tối / trái tim chấp thủ,
Who dispels the darkness of extremist hearts
འོད་དཀར་འཕྲེང་བས་གསལ་བྱས་པ། །
ngàn sao tà thuyết / đều phải lu mờ.
And outshines the constellations of false speakers –
བླ་མའི་དྲིན་གྱིས་མཐོང་བའི་ཚེ། །
Nhờ ơn đạo sư / thấy được điều này,
When, through my teacher’s kindness, I saw this
བདག་གི་ཡིད་ཀྱིས་ངལ་གསོ་ཐོབ། །
tâm con khi ấy / mới thật bình yên.
My mind found a rest at last.

༥༢་༽ མཛད་པ་ཀུན་ལས་གསུང་གི་ནི། །
52. Trong mọi thiện hạnh / mà Phật đã làm / thuyết pháp là nhất.
Of all your deeds, your speech is supreme;
མཛད་པ་མཆོག་ཡིན་དེ་ཡང་ནི། །
Pháp thuyết cũng vậy / là pháp này đây.
Within that too it is this very speech;
དེ་ཉིད་ཡིན་ཕྱིར་མཁས་པ་ཡིས། །
Vì vậy kẻ trí / nên từ chỗ này
So the wise should remember the Buddha
འདི་ལས་སངས་རྒྱས་རྗེས་དྲན་བྱ། །
mà nhớ đến Phật.
Through this [teaching of dependent origination].

༥༣་༽ སྟོན་པ་དེའི་རྗེས་སུ་རབ་ཏུ་བྱུང་གྱུར་ཏེ། །
53. Theo gót đấng bổn sư / tôi xuất gia thanh tịnh
Following such a teacher and having become a renunciate,
རྒྱལ་བའི་གསུང་ལ་སྦྱངས་པ་མི་དམན་ཞིང་། །
tu học lời Phật dạy / không để cho kém cỏi
Having studied the Conqueror’s words not too poorly,
རྣལ་འབྱོར་སྤྱོད་ལ་བརྩོན་པའི་དགེ་སློང་ཞིག།
Tỷ kheo này cố gắng / tu tập hạnh du già
This monk who strives in the yogic practices,
དྲང་སྲོང་ཆེན་པོ་དེ་ལ་དེ་ལྟར་གུས། །
để tỏ lòng tôn kính / bậc Đại Chân Thật giả
Such is [the depth of] his reverence to the great Seer!

༥༤་༽ སྟོན་པ་བླ་ན་མེད་པའི་བསྟན་པ་དང་། །
54. Gặp được giáo pháp này / của bậc Thầy vô thượng
Since it is due to my teacher’s kindness
མཇལ་བ་འདི་འདྲ་བླ་མའི་དྲིན་ཡིན་པས། །

hết thảy đều nhờ vào / lòng từ của Ân sư
I have met with the teaching of the unexcelled teacher,
དགེ་བ་འདི་ཡང་འགྲོ་བ་མ་ལུས་པ། །
Vậy công đức ở đây / tôi nguyện xin hồi hướng
I dedicate this virtue too towards the cause
བཤེས་གཉེན་དམ་པས་འཛིན་པའི་རྒྱུ་རུ་བསྔོ། །
cho chúng sinh luôn được / bậc chân sư giữ gìn.
For all beings to be sustained by sublime spiritual mentors.

༥༥་༡ ཕན་མཛད་དེ་ཡི་བསྟན་པའང་སྲིད་པའི་མཐར། །
55. Pháp của đấng Lợi Sinh / nguyện cùng tận sinh tử
May the teaching of this Beneficent One till world’s end
ངན་རྟོག་རླུང་གིས་རྣམ་པར་མི་གཡོ་ཞིང་། །
không bao giờ khuynh động / bởi ngọn gió tà niệm
Be unshaken by the winds of evil thoughts;
བསྟན་པའི་ངང་ཚུལ་ཤེས་ནས་སྟོན་པ་ལ། །
nguyện luôn đầy ắp người / chứng cảnh giới lời Phật
May it always be filled with those who find conviction
ཡིད་ཆེས་རྙེད་པས་ རྟག་ཏུ་གང་བར་ཤོག།
nhờ đó tâm xác quyết / tin tưởng đấng đạo sư
In the teacher by understanding the teaching’s true nature.

༥༦་༡ བརྟེན་ནས་འབྱུང་བའི་དེ་ཉིད་གསལ་མཛད་པ། །
56. Nguyện trì pháp Mâu ni
May I never falter even for an instant
ཐུབ་པའི་ལུགས་བཟང་སྐྱེ་བ་ཐམས་ཅད་དུ། །
sáng soi lý duyên khởi
To uphold the excellent way of the Sage,
ལུས་དང་སྲོག་ཀྱང་བཏང་ནས་འཛིན་པ་ལ། །
mọi đời kiếp về sau / xả bỏ cả thân mạng
Which illuminates the principle of dependent origination,
སྐད་ཅིག་ཙམ་ཡང་ལྷོད་པར་མ་ཀྱུར་ཅིག།
không bao giờ xao lãng / dù chỉ thoáng chốc thôi
Through all my births even giving away my body and life.

༥༧་༡ འདྲེན་པ་མཆོག་དེས་དཀའ་བ་དཔག་མེད་ཀྱིས། །
57. “Bậc dẫn đường tối thượng / bỏ công khó vô lượng
May I spend day and night carefully reflecting,
ནན་ཏན་སྙིང་པོར་མཛད་ནས་བསྒྲུབས་པ་འདི། །
mới đạt được pháp này
“By what means can I enhance
ཐབས་གང་ཞིག་གིས་འཕེལ་བར་འགྱུར་སྙམ་པའི། །
nay dùng cách nào đây / để hoằng dương chánh pháp?”
This teaching achieved by the supreme savior
རྣམ་པར་དཔྱོད་པས་ཉིན་མཚན་འདའ་བར་ཤོག།

nguyện tôi ngày lẫn đêm / luôn quán xét điều này
Through strenuous efforts over countless eons?”

༥༨་ཀ ལྷག་བསམ་དག་པས་ཚུལ་དེར་བརྩོན་པ་ན། །

58. Khi nỗ lực như vậy / với đại nguyện trong sáng
As I strive in this with pure intention,

ཚངས་དང་དབང་པོ་འཇིག་རྟེན་སྐྱོང་བ་དང་། །

Nguyện Phạm Thiên, Đế Thích, / cùng chư vị hộ thế
May Brahma, Indra and the world’s guardians

ལེགས་ལྡན་ནག་པོ་ལ་སོགས་སྲུང་མས་ཀྱང་། །

và hộ pháp như là / đức Mahakala
And protectors such as Mahakala

གཡེལ་བ་མེད་པར་རྟག་ཏུ་གྲོགས་བྱེད་ཤོག།

luôn nâng đỡ cho tôi / không bao giờ lơi nghỉ
Unswervingly, always assist me.

ཅེས་བསྟོད་པ་ལེགས་བཤད་སྙིང་པོ་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ནི་མང་དུ་ཐོས་པའི་དགེ་སློང་བློ་བཟང་གྲགས་པའི་དཔལ་གྱིས་སྦྱར་བའོ

Bài pháp tên “Tinh Túy Trí Khéo Thuyết” này do bậc Tỷ kheo Đa văn Losang Dragpa trước tác.
Hồng Như Thupten Munsel chuyển Việt ngữ từ Tạng ngữ (Kopan Monastery Prayer Book), tham khảo với các bản dịch Anh ngữ của Thupten Jinpa Kilty Galvin, 12 tháng 5 năm 2019
This hymn entitled “Essence of Well-Uttered Insights,” praising the unexcelled Teacher – the great friend to the entire world [even] to the unfamiliar – for teaching the profound dependent origination, was composed by the well-read monk Lobsang Drakpai Pal. It was written at the heavenly retreat of Lhading on the towerng mountain of Odé Gungyal, otherwise known as [Ganden] Nampar Gyalwai Ling. The scriber was Namkha Pal.Translated from the Tibetan by Geshe Thupten Jinpa. © Geshe Thupten Jinpa.

Việt (Vietnamese)| Tạng (Tibetan) | **Tạng-Việt-Anh (Tibetan-Vietnamese-English)**

Geshe Dawa: XƯNG TÁN 21 ĐỨC TARAS – Chánh Văn & Giảng

Chánh Văn và Giảng về 21 đức Tara theo dòng truyền thừa của đức A-ti-sa – *[Commentaries on the 21 Taras’ Praises according the Atisa’s Lineage]*

Reference for English Readers:
• Ven. Geshe Thubten Dawa**,** *Commentary on Praise to the 21 Taras,* translated by Fedor Stracke **<Download E-book>,**
• Khensur Rinpoche Lama Lhundrup, *A Commentary on Praises to the Twenty-One Taras,* **<Read Online> <Download E-book>**
• Hạ Tải PDF-IPAD (Văn bản & Giảng & Hình): xem Thư Mục <BOOKMARK>
• Đọc Chánh Văn [Read Root Text]: <WEB>
• Tham khảo <TÀI LIỆU HỖ TRỢ > để tìm tài liệu liên quan đến đức Tara: chánh văn, thâu âm...

Tài Liệu Tham Khảo

- Sách này dựa trên các tài liệu tiếng Anh sau đây: Geshe Thubten Dawa, *Luận Giải về bài Tán Dương 21 Tara,* Fedor Stracke chuyển Anh ngữ <Ven. Geshe Thubten Dawa's commentary>, thêm trích đoạn từ hai tài liệu: Khensur Rinpoche Lama Lhundrup, *A Commentary on Praises to the Twenty-One Taras, (*Amitabha Buddhist Centre, Singapore in 05/2005), và Lama Zopa Rinpoche, *Instructions on Tara Meditation*, (Tushita Retreat Centre, March 1986).
- Hình đức Tara được chụp từ thangka riêng của Thầy Geshe Dawa.

Chọn Trang:
21 trang ứng với 21 đức Tara.
– Trang 1: bao gồm phần Dẫn Nhập và Giải Thích Tóm Lược
– Trang 22: bao gồm chánh văn và luận giải của phần Lợi Ích.

Dẫn Nhập

Lama Zopa Rinpoche

Bài tán dương này phổ biến cho cả bốn tông phái Phật giáo Tây Tạng. Không chỉ có chư đại hành giả, đại du già, hay đại thành tựu giả, ngay cả người thường, ai nương vào đức Tara là đều được sự linh ứng thần tốc, thành tựu mọi phúc lạc mong cầu. Đức Tara là hiện thân của thiện hạnh Phật đà, làm lợi chúng sinh bằng cách ban cho mọi nguồn hạnh phúc nhất thời và vĩnh cữu, kể cả nguồn hạnh phúc tuyệt bậc của quả vị Phật. Quí vị phải thành Phật mới có khả năng độ chúng sinh thoát khổ và nguyên nhân tạo khổ, đưa chúng sinh vào địa vị chánh đẳng giác.

Quán tưởng đức Tara và tụng bài tán dương này cũng sẽ giúp quí vị dễ dàng thành tựu tâm đại bi của Phật. Tôn sư của Thầy từng dạy rằng màu xanh lá của thân nhiệm mầu của đức Tara là trạng thái thanh tịnh của phong đại của đức Phật Bất Không Thành Tựu. Trong năm bộ Thiền Phật, đức Bất Không Thành Tựu hiệu thân cho sự thành tựu, vì vậy đức Tara ban thành tựu vô cùng chóng vánh. Nhờ đức Tara mà Ngài Lama Atisa tạo được lợi ích lớn lao cho Phật Pháp và chúng sinh. Vậy quan trọng là phải có lòng tin tuyệt đối khi tụng bài xưng tán này. Không kể đến những thành tựu thế gian như đạt thân trời, thân người trong các kiếp tái sinh về sau, ngay cả vãng sinh vào tịnh độ, thành tựu cao nhất về tâm tôn kính đạo sư, thành tựu mọi nền tảng của mật pháp—tâm buông xả, tâm bồ đề và tri kiến tánh không—cùng hai giai đoạn Mật tông tối thượng du già, tất cả đều có thể đạt được nhờ thỉnh nguyện đức Tara.

Nếu đã thọ đại pháp quán đảnh Cittamani Tara (thuộc hệ Mật tông tối thượng du già), quí vị có thể tự khởi hiện thành đức Tara. Nếu chưa, hãy quán tưởng đức Tara phía trước mặt, giữa một khu vườn đẹp như tịnh độ Tara hay tịnh độ A Di Đà. Giữa hồ nước hiện ra đóa sen 21 cánh. Đức Tara thượng thủ ngồi giữa nhụy sen, xung quanh là hai mươi mốt đức Tara ngồi theo tuần tự chiều bên trái, bắt đầu từ đức Tara thứ nhất là đức Thần Tốc Uy Hùng. Theo mỗi câu kệ, hãy tưởng tượng từng luồng cam lồ ào ạt đổ xuống, tịnh sạch cho quí vị, hay cho thân nhân bằng hữu… bất kể là ai, vướng tật bệnh, kiện cáo hay bất cứ vấn đề khó khăn nào. Khi đọc đến hai chữ "Kính lạy," hãy quán tưởng đức Tara ấy tách ra một bản sao, tan vào quí vị. Khởi niềm tin tưởng mạnh mẽ, rằng mình đã nhận được tất cả mọi đức tánh của đức Tara ấy nên bây giờ đủ khả năng tận diệt chướng ngại, đạt mọi thành tựu, từ kiếp hiện tiền cho đến tận quả vị Phật. Điểm này vô cùng trọng yếu. Khi gặp bất kỳ vấn đề nào, quí vị hãy ngừng ở đức Tara có khả năng tương ứng để tụng minh chú của Ngài. Đó là phương pháp trì chú để tự lợi và lợi

tha. Xét cho cùng, không có vấn đề nào bài pháp này không có khả năng hàng phục. […] Hãy tưởng tượng đặt đỉnh đầu mình nơi bàn chân đưa ra của đức Tara, hai tay níu lấy chân Ngài mà đọc tụng bài tán dương này, từ đáy lòng sâu thẳm cất lời thỉnh cầu đức Tara.

ཨོཾ། །ཨོཾ་རྗེ་བཙུན་མ་འཕགས་མ་སྒྲོལ་མ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

OM JE TSÜN MA PHAG MA DRÖL MA LA CHAG TSHÄL LO
OM! Homage to the Venerable Arya Tara!
嗡尊者聖救度母我頂禮
OM – Tôn Đức Thánh Độ Mẫu Tara, con xin kính lễ

GIẢI THÍCH TÓM LƯỢC

Geshe Dawa

OM JE TSÜN MA PHAG MA DRÖL MA LA CHHAG TSHÄL LO

OM: đối tượng đảnh lễ là Phạn tự OM (ཨོཾ), phối hợp ba mẫu tự A, U và Ma, ứng với thân kim cang, khẩu kim cang, và ý kim cang của Phật.

Tiếng Phạn lấy mẫu tự A (ཨ) làm gốc, trên A thêm naro, thành *O* (ཨོ), trên *naro* thêm *Ma*, hình cái chấm, thành OM (ཨོཾ).

Vì OM hợp nhất ba mẫu tự nên cũng là sự hợp nhất của thân kim cang, khẩu kim cang và ý kim cang của Phật. Đây chính là đức Tara, nơi ta hướng về đảnh lễ.

JE: nguyên nghĩa là bậc *thượng nhân tôn quí*. Tara còn được gọi là Phật Mẫu, vì hành trạng giác ngộ và thị hiện thần biến của Ngài đã độ thoát vô số chúng sinh vào quả vị Phật.

TSUN-MA: ứng với bậc *thanh tịnh trong pháp hành.* Pháp hành nói ở đây là pháp hành của bồ tát sáu hạnh ba la mật và trang nghiêm tam tụ giới [thêm footnote]. Bậc thông tuệ đa văn thì gọi là học giả, bậc pháp hành thanh tịnh thì gọi là *Tsun-pa, Tsun-ma*.

PHAG-MA: nghĩa là thánh giả. Đức Tara siêu thoát hai cực đoan chấp luân hồi và chấp niết bàn. Nói chung, vị nào đạt quả giải thoát sinh tử, thoát chấp luân hồi thì gọi là thánh giả. Nhưng vì đức Tara từ trong đại định pháp Diệt vẫn không ngừng lợi ích chúng sinh nên ngài đồng thời thoát cả sự chấp nơi niết bàn.

DROLMA: là Tạng ngữ của Tara Phạn ngữ. Drolma nghĩa là đấng độ sinh. Có tên như vậy là vì ngài phổ độ vô lượng chúng sinh thoát cảnh khổ đau.

CHAGTSAL-LO: đảnh lễ với ba cửa thân khẩu và ý.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Chủ yếu câu đầu này nói rằng, "*con xin đảnh lễ Mẹ của chư Phật Thế Tôn; là Thân Khẩu và Ý nhiệm mầu của mọi đấng Phật đà.*" Nhớ đức Tara đồng bậc với mọi đấng Phật đà, nhớ thiện hạnh lợi sinh của Ngài nhanh hơn, chóng vánh hơn bất kỳ đức Phật nào khác, nhớ như vậy và đảnh lễ Ngài, bậc hội đủ mọi thiện đức nói trên.

Vì nhớ thiện đức của Thân Khẩu và Ý nhiệm mầu và thiện hạnh của tâm đại bi đại dũng toàn hảo của Ngài, chúng con chí thành quay về nương dựa trọn vẹn nơi đức Tara. Bao giờ có thể giữ được tâm mình với ý nghĩ này trong mọi lúc thì thật sự quá tuyệt vời.

- **21 Đức Tara**: Chánh văn và luận giải
  - **Xưng Tán Gốc Tích:**
    1. Đức Thần Tốc Uy Hùng Độ Mẫu
  - **Xưng Tán Báo Thân Từ Hòa**:
    2. Đức Đại Tịnh Độ Mẫu,
    3. Đức Hoàng Kim Độ Mẫu,
    4. Đức Trang Nghiêm Thắng Đảnh Độ Mẫu,
    5. Đức Thuyết Hum Tự Độ Mẫu,
    6. Đức Chiến Thắng Tam Giới Độ Mẫu,
    7. Đức Phá Huyền Thuật Độ Mẫu
  - **Xưng Tán Báo Thân Oai Nộ:**
    8. Đức Tiêu Ma Thù Độ Mẫu,
    9. Đức Tam Bảo Hộ Úy Độ Mẫu,
    10. Đức Hàng Ma Tam Giới Vương Độ Mẫu,
    11. Đức Tiêu Bần Độ Mẫu,
    12. Đức Thí Kiết Tường Độ Mẫu,
    13. Đức Như Lửa Bừng Độ Mẫu,
    14. Đức Nhíu Mày Oai Nộ Độ Mẫu
  - **Xưng Tán Pháp Thân:**
    15. Đức Đại Tịnh Độ Mẫu
  - **Xưng Tán Công Hạnh:**
    16. Đức HUM Linh Tự Độ Sinh Độ Mẫu,
    17. Đức Chấn Động Tam Giới Độ Mẫu,
    18. Đức Tiêu Độc Bệnh Độ Mẫu,
    19. Đức Tiêu Tranh Chấp Ác Mộng Độ Mẫu,

20. Đức Tiêu Tật Dịch Độ Mẫu,
21. Đức Viên Thành Thiện Hạnh Độ Mẫu

XƯNG TÁN GỐC TÍCH

1. NYURMA PALMO
- Swift Heroic Tara
- THẦN TỐC UY HÙNG ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE WASHAM KURU SVAHA

๑ ། ཕྱག་འཚལ་སྒྲོལ་མ་མྱུར་མ་དཔའ་མོ།།

[1] CHHAG TSHÄL DRÖL MA NYUR MA PA MO

Homage! Tara, swift, heroic!
Kính lạy Tara, thần tốc uy hùng,

སྤྱན་ནི་སྐད་ཅིག་གློག་དང་འདྲ་མ།།

CHÄN NI KÉ CHIG LOG DANG DRA MA
Eyes like lightning instantaneous!
tia mắt chớp nhoáng như là tia chớp.

འཇིག་རྟེན་གསུམ་མཚོན་རྒྱས་ཞལ་གྱི།།

JIG TEN SUM GÖN CHHU KYE ZHÄL GYI
Sprung from op'ning stamens of the
Đấng Hộ Tam Giới trên mặt lệ rơi,

གེ་སར་བྱེ་བ་ལས་ནི་སྐྱེས་མ།།

GE SAR JE WA LÉ NI JUNG MA
Lord of three world's tear-born lotus!
trổ thành đóa sen sinh ra Phật bà.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Thần Tốc Uy Hùng* màu đỏ. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình đỏ ban cho năng lực làm chủ.

Geshe Dawa

Ngài ngồi tòa sen thứ nhất trên đài mặt trăng. Sắc đỏ, một mặt, hai tay. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bình cam lồ làm cô đọng năng lực. Tay trái kết ấn Tam Qui, cầm một đóa ưu đàm nở rộ.

Thân Ngài trang nghiêm nhiều phẩm trang điểm như vương miện, đẹp ngời thượng y hạ y, đầy đủ mọi tướng hảo chánh phụ của một đấng báo thân. Ngài ngồi chân phải duỗi ra chân trái co lại, giữa một vùng hào quang tỏa rạng, với chủng tự OM nơi đầu, AH nơi cổ, và HUM nơi tim.

Ấn thí nguyện nơi bàn tay phải của Ngài hàm ý ban mọi thành tựu thế gian và xuất thế. Ấn Tam Qui nơi bàn tay trái hàm ý chở che hộ trì cho chúng sinh thoát trăm nỗi hiểm họa kinh hãi cõi luân hồi.

Vì tánh đức của chư giác giả ngang bằng như nhau, nên đức Tara không khác gì đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng là chốn qui y của chúng sinh, cùng là hiện thân của Phật Pháp và Tăng.

Cứu Độ, vì Ngài độ chúng sinh thoát khổ sinh tử.

Thần Tốc, vì thiện hạnh giác ngộ của Ngài đặc biệt chóng vánh.

Uy Hùng, vì Ngài hàng phục toàn bộ Tứ Ma [ma phiền não, ma chết, ma ngũ ấm và Thiên ma]

Mắt tuệ phi phàm của Ngài chỉ trong một tia mắt chớp nhoáng có thể nhìn xuyên suốt cõi sinh tử. Chúng ta nhìn bằng mắt phàm, mỗi lúc chỉ có thể thấy được một ít, muốn thấy nhiều hơn phải nhìn quanh. Nhưng mắt tuệ phi phàm của đức Tara có thể nhìn thấu suốt toàn bộ cõi sinh tử chỉ trong một tia nhìn chớp nhoáng.

Ngài sinh ra từ lòng nhụy sen bát ngát, trổ từ giọt nước mắt của đức Quan Thế Âm, đấng Hộ Trì Tam Giới [1].

Đức Quan Thế Âm, sau khi độ thoát hàng trăm triệu chúng sinh, nhìn lại xem sót lại nhiều ít, chẳng ngờ thấy ra chúng sinh trong luân hồi hãy còn nhiều vô số kể. Ngài đau lòng bật khóc, nước mắt rơi

xuống mặt đất, giọt đầu tiên trổ thành đóa sen, từ đó hiện ra đức Tara. Đức Tara thưa với đức Quan Thế Âm: “Xin đừng bận tâm, từ nay tôi sẽ giúp Ngài độ chúng sinh thoát khổ cho đến khi luân hồi diệt tận.”

Câu kệ này tán dương đức Tara qua câu chuyện gốc tích của Ngài.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Nay các bạn đã biết gốc tích của đức Tara. Theo truyền thuyết, đức Tara sinh ra từ giọt lệ của đức quan Thế Âm. Khi đóa sen nở ra, đức Tara cất tiếng nói rằng “Tôi sẽ giúp độ thoát tất cả chúng sinh.” Đức Tara nói, “chỉ cần nhớ đến tên ta, tụng minh chú và nhớ nghĩ đến ta là tịnh được ác chướng, thoát mọi sợ hãi và khổ đau, sớm vượt sinh tử luân hồi.”

Nhờ nương đức Tara, thọ mạng cũng sẽ tăng. Nếu muốn trường thọ thì phải nương theo đức Tara. Có nhiều bậc đại đạo sư trong quá khứ lúc đầu đời thọ mạng ngắn ngủi, nhờ nương đức Tara, tu pháp Tara, có được linh kiến đức Tara, nhờ đó sống rất lâu. Có nhiều trường hợp các bậc thánh giả kéo dài thọ mạng nhờ tu đức Tara.

Như đã nói, các đại đạo sư xứ Ấn trong quá khứ đã nương vào đức Tara. Chư đạo sư đầu tiên ở Tây tạng, chư đại đạo sư dòng Kadampa, tất cả cũng đều nương vào đức Tara. Sơ Tổ Lama Tsongkhapa cùng chư tổ dòng truyền thừa của Ngài cho đến tận ngày nay cũng đều nương vào đức Tara làm đấng Bổn tôn.

Ngài Dromtönpa, đại đạo sư dòng Kadampa, từ trong linh kiến đã gặp đức Tara nói với Ngài rằng, “Ta sẽ đích thân nâng đỡ và trợ giúp cho tất cả đệ tử dòng Kadampa.” Chúng ta là đệ tử của Lama Tsongkhapa, cũng thuộc về dòng truyền thừa Kadampa này, vậy chúng ta chính là đối tượng mà đức Tara đã phát nguyện hộ trì. Nếu hết lòng tin tưởng nương dựa vào đức Tara, chắc chắn sẽ linh ứng. Đây là lời giải thích ngắn gọn về gốc tích của đức Tara.

[1] **Tam thế giới**: thế giới loài rồng; thế giới loài người; thế giới loài trời —*Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel*.

__ || **Trang sau >>>**

XƯNG TÁN BÁO THÂN TỪ HÒA

2. SHIWA CHENMO
– The Extremely Peaceful Tara
– ĐẠI TỊNH ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE SHINTIM KURU SVAHA

༢ ༄ ཕྱག་འཚལ་སྟོན་ཀའི་ཟླ་བ་ཀུན་ཏུ།།

[2] CHHAG TSHÄL TÖN KEI DA WA KÜN TU
Homage! She whose face combines a
Kính lạy Tara, trăng tròn mùa thu

གང་བ་བརྒྱ་ནི་བརྩེགས་པའི་ཞལ་མ།།

GANG WA GYA NI TSEG PEI ZHÄL MA
Hundred autumn moons at fullest!
trăm vầng đầy đặn trên gương mặt bà.

སྐར་མ་སྟོང་ཕྲག་ཚོགས་པ་རྣམས་ཀྱིས།།

KAR MA TONG THRAG TSHOG PA NAM KYI
Blazing with light rays resplendent
Hàng vạn thiên hà cùng về hội tụ,

རབ་ཏུ་ཕྱེ་བའི་འོད་རབ་འབར་མ།།

RAB TU CHHE WEI Ö RAB BAR MA

As a thousand star collection!
cháy rạng ánh sáng rực rỡ uy nghi.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Đại Tịnh* thân màu trắng, tay cầm bảo bình trắng làm sạch loại ác nghiệp và phiền não khiến phát sinh tật bệnh, tà chướng, v.v…

Gyalwa Gedun Drub:

Tán dương dung mạo sáng trong rạng tỏa. Trăng thu độ rằm giữa nền trời quang đãng không vẩn chút mây mù, tỏa sáng rạng ngời trước khi bắt đầu khuyết. Cả trăm vầng trăng thu như vậy cùng tỏa sáng cũng không thể sánh bằng ánh sáng gương mặt của Ngài. Sáng hơn cả trăm ngàn thiên hà, tên gọi của Ngài là Bạch Quang Tara.

Geshe Dawa

Ngài ngồi trên tòa sen thứ hai, trên đài mặt trăng, trắng trong như trăng rằm mùa thu, tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình trắng chứa nước cam lồ làm sạch tật bệnh, quỉ thần.

Gương mặt Ngài tỏa sáng như ánh sáng của trăm vầng trăng rằm trời thu sau trận mưa làm sạch không gian. Sáng như cả ngàn vì sao cùng về hội tụ. Câu này rất nên thơ. Ví như trăng thu, là vì vào mùa thu có những cơn mưa phùn khiến cho không gian trở nên trong trẻo. Không mưa nhiều như mùa hạ, trời không bị mây đen che phủ nên trăng rất sáng. Trăm vầng trăng rằm trời thu là để tả nét sáng trong đẹp ngời của gương mặt Ngài. Ngàn thiên hà là để ví cho sự tỏa sáng của thân Ngài.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Tán dương nét rạng ngời của gương mặt và hào quang rạng chiếu từ thân Ngài.

Sắc tướng Ngài vô cùng từ hòa an tịnh. Chỉ cần nghĩ đến và chiêm bái sắc tướng này của đức Tara, tất cả mọi tâm lý phiền não như tham và sân sẽ tự nhiên thanh tịnh. Hãy nên cố gắng quán tưởng sắc tướng nói trong câu tụng này và thỉnh cầu đức Tara. Rồi quán tưởng nhận được lực gia trì của Ngài.

Tu như vậy sẽ được tăng thọ mạng, công đức, sạch ác nghiệp ác chướng v.v…

Đức Tara làm thế nào để có được diện mạo tuyệt mỹ và sắc thân tuyệt hảo như vậy? Đó là nhờ Ngài đã vì chúng mình mà kiên trì tu hạnh Nhẫn và hạnh Thí trong thời gian dài nhiều đại kiếp. Bao giờ tu như đức Tara, vì chúng sinh hành trì hạnh Nhẫn không lơi nghỉ, trang nghiêm giữ giới, thì dù vẫn còn đang tu học, chúng ta cũng vẫn có được một thân hình tươi đẹp tỏa sáng. Đến khi đạt quả sẽ có được thân tướng tuyệt hảo như đức Tara.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

3. SERDOG CHENMA
– The Golden Tara

– HOÀNG KIM ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE PUSHTIM KURU SVAHA

༣ ། ཕྱག་འཚལ་སེར་སྐྱོ་ཆུ་སྐྱེས་ཀྱི།།

[3] CHHAG TSHÄL SER NGO CHHU NÉ KYE KYI
Homage! Golden-blue one, lotus
Kính lạy Tara, sắc vàng ánh biếc

པདྨས་ཕྱག་ནི་རྣམ་པར་བརྒྱན་མ།།

PÉ MÉ CHHAG NI NAM PAR GYÄN MA
Water born, in hand adorned!
trên tay một đóa sen nở trang nghiêm.

སྦྱིན་པ་བཙོན་འགྲུས་དཀའ་ཐུབ་ཞི་བ།།

JIN PA TSÖN DRÜ KA THUB ZHI WA
Giving, effort, calm, austerities,

Bố thí, tinh tấn, khổ hạnh, tịch tĩnh,
བཟོད་པ་བསམ་གཏན་སྒྲུབ་ཡུལ་ཉིད་མ།།
ZÖ PA SAM TÄN CHÖ YÜL NYI MA
Patience, meditation her field!
an nhẫn, thiền định, là cảnh giới bà.

Lama Zopa Rinpoche

Đấng *Tăng Ích* màu vàng hoàng kim, tay cầm bảo bình ban cho năng lực của thọ mạng, công đức, tài sản và danh tiếng.

Geshe Dawa

Ngài là đức Tara *Tăng Trưởng Lợi Ích*, ngồi tòa sen thứ ba trên đài mặt trăng, thân sắc vàng ánh xanh, tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình vàng chứa nước cam lồ tăng trưởng thọ mạng, quyền lực, tài sản và công đức.

Thân Ngài mượt sắc vàng ròng ánh xanh, ngón cái và ngón đeo nhẫn cầm một nhánh hoa sen. Điều này cho thấy Ngài đã thanh tịnh mười hạnh ba la mật. [Đóa sen Ngài cầm trong tay không phải là hoa sen bình thường trong cõi thế gian này, mà là hiện thân của trí tuệ –*Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel*]

Hai câu cuối nói về nhân tố của Ngài, là sáu hạnh ba la mật: Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Định và Tuệ.

Hai hạnh cuối, Định và Tuệ, là nhân tố chính yếu đưa đến quả giác ngộ, tu được là nhờ bốn hạnh đi trước. Muốn lợi ích chúng sinh thì phải giúp chúng sinh an vui thoát hiểm. Muốn làm việc này, không thể thiếu hạnh Thí và hạnh Giới, vì hạnh Thí mang hạnh phúc đến cho chúng sinh và hạnh Giới bảo vệ chúng sinh thoát hiểm nạn.

Hạnh Thí

Hạnh Thí có bốn:

- Tài thí,
- Từ thí,
- Vô úy thí, và
- Pháp thí,

Côn trùng bị rơi vào dòng nước chảy, đưa tay vớt ra đưa vào chỗ an toàn, đó là vô úy thí. Làm như vậy, chúng sinh ấy sẽ thấy vô cùng biết ơn.

[Tu hạnh Thí, không cần thiết phải có gì để cho ra. Hạnh Thí nằm ở nơi tâm: là cái tâm sẵn sàng cho ra. Tu hạnh Thí là làm cho tâm này càng lúc càng thêm mạnh. Nói đến cái tâm muốn cho ra, cần phát huy mạnh mẽ đến mức có thể mang hết thân thể, tài sản, thiện căn công đức tặng cho hết thảy chúng sinh. Cho dù có rất nhiều tài sản, nhưng nếu cho ra mà tâm không vui thì không phải là hạnh Thí —*Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel*]

Hạnh Giới

Giới là tự giữ mình không phạm mười việc bất thiện (thập ác) và năm nghiệp vô gián (ngũ nghịch), làm như vậy là để bảo vệ cho chúng sinh khỏi bị mình gây hại.

[Giới là gì? Giới là cái tâm muốn bảo vệ. Không chỉ là muốn tránh ác nghiệp như là mười việc bất thiện

(thập ác), không chỉ giới hạn có bấy nhiêu. Ở đây, chúng ta đang nói đến hạnh Giới của đại thừa, bao gồm hai điểm trọng yếu: 1. giữ tâm không chạy theo lợi ích cá nhân [nghĩa là đoạn ngã ái]; và 2. giữ tâm không chạy theo khái niệm chấp vạn pháp có tự tánh [nghĩa là đoạn ngã chấp]. Tu như vậy, hạnh Thí mới không vướng cấu nhiễm và mới trở thành hạnh Thí của Đại thừa. —*Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel*]

Hạnh Nhẫn

Nhẫn là pháp tu trọng yếu giúp ta viên thành sáu hạnh ba la mật. Nếu thiếu hạnh Nhẫn, chúng ta sẽ từ bỏ việc làm phụng sự chúng sinh cho dù đã dâng hiến rất nhiều. Nhưng nếu tu Thí và Giới mà có được hạnh Nhẫn, chúng ta sẽ nhớ được mục tiêu lúc ban đầu, sẽ không buông tay, dù có xảy ra việc gì.

Hạnh Tấn

Hạnh Tấn cũng rất quan trọng. Tấn là thật sự thích thú việc mình đang làm chứ không phải cố ép mình làm những việc không thật sự hứng thú.

[Hạnh Tấn là cái tâm thấy vui khi giúp đỡ chúng sinh và hăng hái vì lợi ích của khắp chúng sinh mà nghe, tư duy và tu tập Phật Pháp. Vì chúng sinh mà làm bất kể làm việc gì với lòng hăng hái vui vẻ thì đó là hạnh tấn. –*Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel*]

Hạnh Định

Hạnh định, ví dụ như tâm tịnh chỉ, cần cho nhiều loại thành tựu. Nói đơn giản, chúng ta cần tu thiền thật nhiều. Tịnh chỉ là ngừng lại trong sự an tịnh nhờ dẹp loạn tâm phiền não.

Hạnh Tuệ

Tịnh chỉ cần đi kèm với tuệ quán. Đại định hợp nhất chỉ quán chính là chánh đạo, là liều thuốc chính hóa giải vọng tâm, và là nhân tố chính yếu dẫn đến quả đại giác ngộ.

Câu kệ này cho thấy nếu muốn đạt quả vị giác ngộ của đức Tara, chúng ta cũng phải nhiều đời tu sáu hạnh ba la mật như vậy. Khi hướng tâm thỉnh cầu đức Tara, cần nhớ rằng Ngài không phải là người phàm đi ngoài chợ, mà là đấng giác ngộ hành trì sáu hạnh ba la mật.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Đức Tara đạt quả giác ngộ nhờ tu với sự hợp nhất của phương tiện và trí tuệ. Phương tiện nói ở đây là tu tâm đại bi và tâm bồ đề. Trí tuệ là trí tuệ chứng tánh không. Với sự hợp nhất của phương tiện và trí tuệ, Ngài hành trì sáu hạnh ba la mật và đạt quả vô thượng bồ đề.

Điều này đối với chúng ta có ý nghĩa gì? Có nghĩa là nếu muốn trở thành giống như đức Tara, chúng ta cần luyện sáu hạnh ba la mật trên đường tu hợp nhất phương tiện và trí tuệ, nghĩa là tâm đại bi và tâm bồ đề phối hợp với trí tuệ chứng tánh không. Tu sáu hạnh ba la mật phối hợp với phương tiện và trí tuệ, chẳng bao lâu chúng ta cũng sẽ đạt quả vô thượng bồ đề. Nếu không tu sáu ba la mật, chúng ta sẽ không làm sao có thể trở thành giống như đức Tara.

---

4. TSUG-TOR NAM-PAR GYAL-MA
– Ushnisha Victorious Golden Tara
– TRANG NGHIÊM THẮNG ĐẢNH ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE AYU JNANA SHRIYE BHRUM SVAHA

༤ ལྷག་ཚལ་དེ་བཞིན་གཤེགས་པའི་གཙུག་ཏོར།།

[4] CHAG TSHÄL DE ZHIN SHEG PEI TSUG TOR
Homage! Crown of tathagatas,
Kính lạy Tara, Như lai thắng đảnh,

མཐའ་ཡས་རྣམ་པར་རྒྱལ་བ་སྤྱོད་མ།།

THA YÉ NAM PAR GYÄL WAR CHÖ MA
She who goes in endless triumph
thiện hạnh của Ngài hàng vô lượng ma,

མ་ལུས་ཕ་རོལ་ཕྱིན་པ་ཐོབ་པའི།།

MA LÜ PHA RÖL CHHIN PA THOB PÄI
Honored much by sons of conquerors
viên mãn tất cả hạnh ba la mật,

རྒྱལ་བའི་སྲས་ཀྱིས་ཤིན་ཏུ་བསྟེན་མ།།

GYÄL WEI SÉ KYI SHIN TU TEN MA
Having reached every Perfection
chỗ nương của khắp con Phật Thế tôn.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Tara Ban Trường Thọ* màu vàng, cầm bảo bình ban cho sự trường thọ.

Geshe Dawa

Các người con của đấng Thế Tôn đều nương nơi Ngài, vì chư bồ tát địa thứ mười đều đặt Ngài trên đỉnh đầu bằng trọn lòng tôn kính.

Ngài là đức Tara trường thọ, diệt hiểm họa chết đúng thời và phi thời, ngồi tòa sen thứ tư trên đài mặt trăng. Thân Ngài màu cam, bàn tay bên trái kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình cam lồ làm tăng thọ mạng.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Đến cả chư Phật đà bồ tát cũng đều đảnh lễ tôn kính Ngài, huống chi chúng sinh như chúng ta đây, nhất định phải quan tâm. Nên nhớ rằng đức Tara khác với chư Phật đà, ở chỗ thiện hạnh giác ngộ của Ngài nhanh hơn, chóng vánh hơn. Chúng ta cần nhớ điều này khi tán dương đảnh lễ đức Tara.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

5. HUNG DRA DROG MA
– Tara Proclaiming HUM
– THUYẾT HUM-TỰ ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE (name) AKAR CHAYA HRIH SVAHA

༥ ། ཕྱག་འཚལ་ཏུཏྟ་ར་ཧཱུྃ་ཡི་གེ།།

[5] CHHAG TSHÄL TUTTARA HUM YI GE
[5] Homage! Filling with TUTTARE,
[5] Kính lạy Tara, TU-TA-RA, HUM

འདོད་དང་ཕྱོགས་དང་ནམ་མཁའ་གང་མ།།

DÖ DANG CHHOG DANG NAM KHA GANG MA
HUM, desire, direction, and space!
lấp đầy cõi dục, phương hướng, không gian.

ཇིག་རྟེན་བདུན་པོ་ཞབས་ཀྱིས་མནན་ཏེ།།

JIG TEN DÜN PO ZHAB KYI NÄN TE
Trampling with her feet the seven worlds,
Chân Ngài trấn đạp cả bảy thế giới.

ལུས་པ་མེད་པར་འགུགས་པར་གྱུར་མ།།

LÜ PA ME PAR GUG PAR NÜ MA
Able to draw forth all beings!
nhiếp thọ hữu tình không sót một ai.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Thuyết Hum-Tự* màu đỏ cam. Tay cầm bảo bình ban năng lực thu nhiếp, với mục đích mang Phật pháp đến cho người mình muốn thu phục, dẫn dắt người ấy đến với quả vô thượng bồ đề.

Ngulchu Dharmabhadra

Hào quang phóng ra từ chuỗi minh chú Tuttara và âm thanh rền vang từ chủng tự HUM của trí tuệ từ bi, lấp đầy cả bảy thế giới.

- **Dục**: Năm đường tái sinh cõi dục giới: địa ngục, ngạ quĩ, súc sinh, người và trời
- **Phương hướng**: cõi sắc giới
- **Không gian**: cõi vô sắc giới.

Không những Ngài dùng ánh sáng và âm thanh minh chú lấp đầy bảy cõi tái sinh, Ngài còn dùng chân trấn đạp, nghiến nát. Do đó Ngài có năng lực thu hút tất cả chúng sinh trong các cõi này, không sót một ai, không cho quyền chọn lựa [Ngài đặt tất cả, không sót một ai, vào nguồn hạnh phúc —*Gyalwa Gedun Drub*]

Geshe Dawa

Ngài ngồi ghế thứ năm, trên đài mặt trời, thân sắc đỏ. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ thu nhiếp tâm trí chúng sinh, khiến chúng sinh mất khả năng cảm nhận. Chúng sinh bị hớp hồn, không còn chọn lựa nào khác hơn là trở thành bằng hữu. Đức Tara trở thành bạn bước vào vòng thân hữu. Đức Tara này có thể giúp lôi cuốn nam hay nữ.

Ngài có thể thu thập hết thảy chúng sinh của bảy thế giới: cõi địa ngục, cõi ngạ quĩ, cõi súc sinh, cõi người, cõi trời dục giới, cõi trời sắc giới và cõi trời vô sắc giới. Thu thập bằng hào quang từ chuỗi minh chú nơi tim, từ bảo bình,bằng âm thanh chủng tự HUM, chói sáng, rền vang, lấp đầy bảy thế giới, và bằng bàn chân trấn đạp trên bảy thế giới.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Bây giờ chúng ta đã biết Tara lấp đầy toàn bộ cõi luân hồi với ánh sáng từ minh chú như thế nào. Âm thanh chủng tự HUM nơi tim Ngài cũng rền vang khắp cõi luân hồi. Nhờ đó, Ngài câu triệu và điều phục khắp chúng sinh, vì lợi ích của họ. Đức Tara làm việc cho chúng ta, trong mọi lúc. Ánh sáng từ chuỗi minh chú của Ngài luôn tỏa sáng trên chúng ta, và âm thanh từ linh tự HUM nơi tim Ngài luôn rền vang trên toàn cõi thế, dù chúng ta không nghe. Nhớ nghĩ như vậy, giữ lòng tin, đức Tara sẽ luôn cạnh bên chúng ta, làm việc cho chúng ta.

---

6. JIGTEN SUMLE NAMPAR GYALMA – Tara Victorious Over the Three World – CHIẾN THẮNG TAM GIỚI ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE SARVA TUTTI CHURU SVAHA

༦ ། ཕྱག་འཚལ་བརྒྱ་བྱིན་མེ་ལྷ་ཚངས་པ།།

[6] CHHAG TSHÄL GYA JIN ME LHA TSHANG PA
Homage! Worshipped by the all-lords,
Kính lạy Tara. Đế Thiên, Đế Thích,

རྒྱང་ལྷ་སྡུ་ཚོགས་དབང་ཕྱུག་མཆོད་མ།།

LUNG LHA NA TSHOG WANG CHHUG CHHÖ MA
Shakra, Agni, Brahma, Marut!
Hoả Thiên, Phạm Thiên, và Phong Lôi Thiên,
འཇུང་པོ་རོ་ལངས་དྲི་ཟ་རྣམས་དང་།།
JUNG PO RO LANG DRI ZA NAM DANG
Honored by the hosts of spirits,
hết lòng hiến cúng. Quỷ thần: khởi thi,
གཞོད་སྦྱིན་ཚོགས་ཀྱིས་མདུན་ནས་བསྟོད་མ།།
NÖ JIN TSHOG KYI DÜN NÉ TÖ MA
Corpse-raisers, gandharvas, yakshas!
dạ xoa, thát bà, hết lòng tôn vinh.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Chiến Thắng Tam Giới* màu đỏ đen, tay cầm bảo bình chứa năng lực làm mê mẩn tâm trí loài la sát, quỉ thần.

Gyalwa Gedun Drub:

Thứ năm, tán dương bởi thần linh thế tục.

Đức Tara này được Đế Thích Indra, Hỏa Thiên Agni, Phạn Thiên Brahma, Phong Lôi Thiên Vayudeva, và các bậc thiên vương khác. Ngài cũng được tán dương bởi vua quỉ Ganesha, vua quỉ khởi thi Indra, vua càn thát bà Surpü Ngaba, vua dạ xoa Vaisravana cùng vô số tùy tùng. Tên Ngài là Tối Thắng Độ Mẫu.

Geshe Dawa

Vị Tara này thuần phục quỉ thần có thể thuần phục, làm tan biến quỉ thần không thể hàng phục. Ngài ngồi tòa sen thứ sáu, trên đài mặt trời, thân sắc đỏ đen, sắc tướng hơi oai nộ. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam hồ hàng phục quỉ thần.

Thần linh bốn phương, Indra, Agni, Brahma, Vayude và Ishvara và chúng tùy tùng quỉ khởi thi, càn thát bà v.v... đều tán dương đức Tara này.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Khi có niềm xác quyết và tín tâm nơi Tara, chúng ta sẽ không bị loài người và loài không phải người quỉ thần tác hại. Vì sao? Vì hết thảy đều tôn kính qui y đức Tara.

Cũng như có tượng đức Tara ở nhà, sẽ được sự chở che tương tự, chỉ cần có được niềm tin xác quyết và tín tâm nơi đức Tara. Còn nếu tín tâm đã không có, lại còn thiếu đạo đức, không giữ giới hạnh, sẽ không hưởng được lợi ích. Còn nếu sống biết giữ giới, có niềm tin xác quyết lại có tín tâm nơi đức Tara thì nhất định không làm sao có thể bị các loài quỉ thần kia tác hại.

---

7. SHEN JOM MA
– Tara Destroying Spells
-PHÁ HUYỀN THUẬT ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE BEDYE BUDDHO WARANAYA ZHU SVAHA

༧ ༦ ཕྱག་འཚལ་ཏྲད་ཅེས་བྱ་དང་པཊ་ཀྱིས།།

[7] CHHAG TSHÄL TRAD CHE JA DANG PHAT KYI
Homage! With her TRAD and PHAT sounds
Kính lạy Tara. TRÊ, PÊY thốt ra

ཕ་རོལ་འཁྲུལ་འཁོར་རབ་ཏུ་འཇོམས་མ།།

PHA RÖL THRÜL KHOR RAB TU JOM MA

Crusher of foes magic diagrams!
nghiến tan tất cả luân xa huyền thuật.

གཡས་བསྐུམ་གཡོན་བརྒྱངས་ཞབས་ཀྱིས་མནན་ཏེ།།

YÉ KUM YÖN KYANG ZHAB KYI NÄN TE
Putting her feet left out, right back
phải co trái duỗi, chân Ngài trấn đạp

མེ་འབར་འཁྲུག་པ་ཤིན་ཏུ་འབར་མ།།

ME BAR THRUG PA SHIN TU BAR MA
Blazing in a raging fire-blaze!
bừng bừng bốc cháy lửa xoáy muôn trùng.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Phá Huyền Thuật* màu đen, tướng hơi oai nộ, cầm bảo bình ban năng lực phá huyền thuật. Đức Tara này đối trị tà chú. Ngài ngồi tòa sen thứ bảy, trên đài mặt trời và thân sắc đen, hơi oai nộ. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa cam lồ cứu thoát sợ hãi và hiểm nguy.

Geshe Dawa

Ngài phá tà thuật và tà chú, chận đứng huyền thuật bằng âm thanh Trê và Pây. Chân phải của Ngài—tượng trưng cho trí tuệ—co lại, và chân trái—tượng trưng cho phương tiện—duỗi ra. Ngài trí giữa biển lửa trí tuệ. Chân trái duỗi ra có nghĩa là Ngài thuộc dạng oai nộ.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Khi cảm thấy thân và tâm bị trúng tà lực như bị huyền thuật ám hại, hay nhà cửa bị "nhiễm" theo cách nào đó, điều cần phải làm là quán đức Tara dạng hơi oai nộ này ngồi giữa vùng lửa xoáy, cầu xin Ngài làm tan tà lực. Tưởng tượng đức Tara thốt lên âm TRÊ và PÂY. Chỉ bằng cách thốt lên âm ấy, Ngài hàng phục tất cả tà ám. Rồi quán tưởng lửa từ thân Ngài đi vào trong ta và cháy bùng khắp không gian, phá hủy và làm sạch mọi tà lực ám hại. Quí vị có thể quán tưởng tất cả bọn chúng đều tan vào đức Tara. Lợi ích của pháp quán này là có thể quét sạch tà ám đồng thời chuyển tâm kẻ gây hại bằng lòng từ bi. Nhớ được như vậy rất tốt. Chúng ta phải luôn tin tưởng nơi đức Tara, phải luôn thỉnh cầu bằng cái tâm thấy Tara chính là bổn sư. Làm được như vậy, với tín tâm, mọi mong cầu đều sẽ thành tựu một cách tự nhiên, không có điều gì không thể thành tựu.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

8. DU DRA JOM-MA
– Tara Destroying Demons and Enemies
– TIÊU MA THÙ ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE AMAGASHATRUM MARAYA HUM PHAT SVAHA

༸ ། ཕྱག་འཚལ་ཏུ་རེ་འཇིགས་པ་ཆེན་མོས།།

[8] CHHAG TSHÄL TURE JIG PA CHHEN PO
Homage! TURE, very dreadful!
Kính lạy Tara, bậc đại bố uý,

བདུད་ཀྱི་དཔའ་བོ་རྣམ་པར་འཇོམས་མ།།

DÜ KYI PA WO NAM PAR JOM MA
Destroyer of Mara’s champion(s)!
chủng tự TU-RÊ diệt quân hùng ma.

ཆུསྐྱེས་ཞལ་ནི་ཁྲོ་གཉེར་ལྡན་མཛེད།།

CHHU KYE ZHÄL NI THRO NYER DÄN DZÄ
She with frowning lotus visage
gương mặt đóa sen oai thần phẫn nộ,

དགྲ་བོ་ཐམས་ཅད་མ་ལུས་གསོད་མ།།

DRA WO THAM CHÉ MA LÜ SÖ MA

Who is slayer of all enemies!
quét sạch thù địch không sót một ai.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Tiêu Ma Thù* màu đỏ đậm, tay cầm bảo bình ban cho năng lực tiêu diệt ma và thù.

Gyalwa Gedun Drub

"Ture" là bậc giải thoát, bậc *Đại Bố Úy.* "Quân hùng ma" là nhiễm tâm phiền não. Ngài chính là bậc tiêu diệt tứ ma. Hơn nữa, mày chau, trán nhíu, gương mặt thủy sinh của Ngài hiện tướng hung nộ làm tiêu tan kẻ thù phiền não chướng—là điều che chướng quả giải thoát, và trí chướng—là điều che chướng quả toàn giác, bao gồm cả tập khí. Ngài được gọi là *Ban Thắng Lực Độ Mẫu*.

Ngulchu Dharmabhadra

Đức *Đại Bố Úy* là bậc cực kỳ oai nộ, dùng sắc tướng này để diệt bốn ma, kể cả loại tà ma khó hàng phục nhất của nhiễm tâm. Gương mặt thủy sinh đẹp ngời của Ngài, đẹp như đóa sen hé nở, hiện tướng chau mày oai nộ, với nét chau mày này, Ngài cũng đồng thời diệt sạch mọi kẻ thù ngoại tại. Kẻ thù của giải thoát là phiền não chướng, và kẻ thù của trí toàn giác là trí chướng (sở tri chướng).

Geshe Dawa

Ngài ngồi tòa sen thứ tám trên đài mặt trời, thân sắc đỏ đậm. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ diệt thù.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

"*Kính lạy đức Tara*": chúng ta đảnh lễ đức Tara tên gọi là "*Bậc Đại Bố Úy*." "*TURE*" là hiện thân của khẩu nhiệm mầu của Ngài. Với tiếng gầm âm thanh TURE, Ngài "diệt quân hùng ma."

Trong câu kệ này, Tara mang sắc tướng cực kỳ hung nộ. Với sắc tướng hung nộ này, Ngài diệt ma vô cùng khó diệt. Ma nào là ma khó diệt? Ma phiền não.

Gương mặt nhiệm mầu của ngài là gương mặt "thủy sinh". Ở đây "thủy sinh" có nghĩa là "đóa sen." Gương mặt của Ngài tựa như đóa sen lớn. Đồng thời mang sắc tướng oai nộ. Với sắc tướng này, Ngài tận diệt mọi kẻ thù ngoại tại, không sót một ai.

Có bốn loại ma:

- Ma phiền não [phiền não ma]
- Ma ngũ uẩn [ngũ ấm ma]
- Ma chết [tử ma]
- Thiên ma

Trong bốn loại ma này, tệ nhất và khó trị nhất là ma phiền não, vì phiền não—những trạng thái tâm lý xáo trộn tiêu cực—là nguyên nhân của khổ. Nhìn lại, gốc rễ của các loại tâm lý phiền não này là khái niệm ngã chấp và ngã ái. Các loại phiền não khác—kiêu, sân, ganh ghen, v.v… đều phát sinh từ ngã chấp và ngã ái.

Ngã chấp là gốc, từ đó phát sinh phiền não, vì phiền não mà tái sinh trong luân hồi với hợp thể thân tâm ô nhiễm. Thân tâm ô nhiễm này được gọi là ma ngũ uẩn, do phiền não mà có, đặc biệt là do khái niệm ngã chấp. Một khi có hợp thể thân tâm ô nhiễm này, chúng ta bắt buộc phải chịu khổ, hoàn toàn

không có sức tự chủ, cũng không có quyền chọn lựa. Bản chất của hợp thể thân tâm này ngay từ đầu vốn đã là khổ đau. Chúng không bền và chúng vốn không có khả năng điều khiển chúng.

Vì sinh ra với hợp thể thân tâm này, lại không có khả năng tự chủ tự lập nào cả, nên sớm muộn gì chúng ta cũng phải chết. Không có chọn lựa nào khác, chúng ta bắt buộc phải bỏ thân này lại phía sau. Chết là điều chắc chắn, lại không biết chết lúc nào. Đó là điều được gọi là "ma chết".

Rồi lại có *Thiên Ma Devaputra* [Ma Ba Tuần]. Vì bị nhiễm tâm phiền não tác động cho nên loài người, loài không phải người và loài trời, tất cả đều phải chịu dày vò bởi đủ loại tâm lý phiền não. Thiên Ma Ba Tuần [Devaputra] sống trong cõi trời dục giới, vì không hoan hỉ với người tu nên thường tạo đủ mọi vấn đề nhằm gây cản trở cho người tu. Kinh sách dạy rằng Thiên Ma bắn ra năm loại tên. Trúng bất cứ mũi tên nào cũng sẽ khiến phiền não sẵn có trong tâm ứng với tác hại của Thiên ma bên ngoài, khiến cho phiền não tăng bồi, tạo chướng ngại cho đường tu.

Bao giờ cảm thấy phiền não cứ tăng bồi mất hết khả năng điều khiển, hay là cảm thấy đang bị tà ám, vào lúc bấy giờ phải nhớ nghĩ đến Tara, đặc biệt là vị Tara sắc tướng oai nộ này, thỉnh cầu Ngài giúp ta quét chướng ngại, và cũng có thể tụng chú Tara. Phải tin tưởng thỉnh cầu và tụng chú, làm như vậy nhất định sẽ nhận được lực gia trì Thân Khẩu Ý của đức Tara, phiền não sẽ tan và những loại chướng ngại khác gặp phải cũng sẽ biến mất.

Trong bốn ma thì ma phiền não là tệ hại nhất. Ma này chính là phiền não và tập khí của phiền não, ngăn không cho chúng ta đạt quả giải thoát và giác ngộ.

Điều gì ngăn cản không cho chúng ta đạt quả giải thoát? Ngăn trở quả giải thoát chính là vọng tâm chấp thật có. Các loại phiền nào này đi kèm với tập khí của phiền não—là điều được gọi là trí chướng—đây là những gì ngăn cản không cho chúng ta đạt quả đại giác ngộ.

Một khi dẹp được hai chướng ngại này—giải thoát chướng và toàn giác chướng—thì ba loại ma kia sẽ tiêu tan. Dẹp được bốn ma thì đạt quả giác ngộ.

Điều khiến chúng ta không thể đạt quả giải thoát chủ yếu nằm ở vọng tâm chấp thật có. Nói vậy là nghĩa gì? Khi nhìn vào bất cứ sự vật gì, chúng ta đều tin rằng sự vật ấy thật sự hiện hữu, có một điều gì đó có thật, một cách khách quan. Sự vật hiện ra trong trí của chúng ta như vậy. Tuy nhiên, mặc dù thấy vậy nhưng có thật là sự vật cũng hiện hữu giống như những gì ta thấy hay không?

Hãy nghĩ đến ảnh hiện trong gương. Bất cứ vật gì cũng có thể hiện ra trong gương. Quí vị cũng biết hình ảnh hiện ra trong gương chỉ là hình ảnh phản chiếu, không phải là món vật thật sự. Mặc dù nhìn rất giống, nhưng chúng ta đều biết rõ đó không phải là món vật thật sự. Tương tự như vậy, sự vật không hiện hữu giống như ta thấy. Nhưng vấn đề nằm ở đây: chúng ta thấy sao tin vậy. Sự vật nhìn thấy giống như là có thật, có một cách độc lập khách quan. Nên khi nói đến sự vật chúng ta luôn chấp vào, cho rằng tất cả mọi sự đều hiện hữu chắc thật, đều có thật một cách khách quan, mặc dù sự thật không phải là như vậy.

Không những sự vật hiện ra trong mắt của chúng ta giống như là có thật một cách độc lập khách quan, chúng ta lại còn tin vào điều này, bám chặt vào đó. Rồi chuyện gì xảy ra? Vọng tướng kia đi kèm với vọng tâm chấp tướng hiện sẽ khiến ta phát sinh đủ loại vọng tưởng, để khi tiếp xúc với đối cảnh, ta không ngừng hoặc là gán đặt những phẩm chất không hề có, hoặc là gạt bỏ những phẩm chất thật có.

Làm như vậy sẽ khiến nổi lên các loại nhiễm tâm phiền não như là lòng tham. Nếu không chấp hiện hữu chắc thật, tham không thể phát sinh. Vì tin đối cảnh kia là thật có nên mới nổi lòng tham. Đến khi nào hiểu được đối cảnh kia vốn không hiện hữu giống như ta thấy, lúc ấy sẽ không còn nền tảng cho lòng tham hay các phiền não khác phát sinh. Vì vậy khẩn thiết nhất là phải dốc sức để học cho được

cách làm sao thấy ra rằng sự vật, thật ra, không hề hiện hữu thật sự, nói cách khác, không hề hiện hữu một cách độc lập, khách quan.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

9. JIG-PA KUN KYAB-MA
– Tara Symbolising the Three Jewels
– TAM BẢO HỘ ÚY ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE NUPA SARVA RAKSHA SVAHA

༩ ། ཕྱག་འཚལ་དཀོན་མཆོག་གསུམ་མཚོན་ཕྱག་རྒྱའི།།

[9] CHAG TSHÄL KÖN CHOG SUM TSHÖN CHAG GYEI

Homage! She adorned with fingers,
Kính lạy Tara. Ngón tay Phật bà

སོར་མོས་ཐུགས་ཀར་རྣམ་པར་རྒྱན་མ།།

SOR MÖ THUG KAR NAM PAR GYEN MA
At her heart, in Three Jewel mudra!
Tam Bảo thủ ấn trang điểm nơi tim.

མ་ལུས་ཕྱོགས་ཀྱི་འཁོར་ལོས་བརྒྱན་པའི།།

MA LÜ CHOG KYI KHOR LÖ GYEN PEI
She with universal wheel adorned.
Bánh xe trang nghiêm khắp mười phương chiếu,

རང་གི་འོད་ཀྱི་ཚོགས་རྣམས་འཕྲུག་མ།།

RANG GI Ö KYI TSHOG NAM THRUG MA
Warring masses of their own light
Tự tỏa ánh sáng chói rực bừng bừng.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Biểu Hiện Tam Bảo* màu trắng, cầm bảo bình chứa năng lực hộ trì chúng sinh thoát sợ hãi hiểm nạn.

Geshe Dawa

Vị Tara này hộ trì cho chúng ta thoát mọi hiểm nạn đời này và mọi kiếp về sau. Ngài ngồi tòa sen thứ chín, trên đài mặt trăng, thân sắc trắng, trẻ trung, tướng an hòa. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ cứu thoát sợ hãi.

Tay trái nơi tim kết ấn Tam Bảo. Điều này cho thấy chúng sinh không cần hoảng sợ, vì Ngài sẽ hộ trì cho chúng sinh giống y như sự hộ trì của Tam Bảo.

Ấn Tam Bảo này có khi là ngón trỏ và ngón cái chụm lại, có khi là ngón đeo nhẫn và ngón cái chụm lại, cách nào cũng có ba ngón tay [đưa lên] tượng trưng cho Tam Bảo. Theo ngài Ngulchu Dharmabhadra, ba ngón đưa lên là ngón trỏ, ngón giữa và ngón út, vậy ngón đeo nhẫn và ngón cái chụm lại.

Tay phải kết ấn thí thành tựu, trong lòng bàn tay điểm bánh xe chánh pháp, ánh sáng rạng chiếu khắp mười phương. Ánh sáng này sáng hơn bất cứ nguồn ánh sáng nào trên cõi thế gian. Tụng chú của Ngài trở thành nguồn hộ trì tối thượng.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Lòng bàn tay điểm bánh xe chánh Pháp, đó là một trong những tướng hảo của Phật đà.

Ấn Tam Bảo cho chúng ta nhớ bản chất của đức Tara là Tam Bảo. Tam Bảo là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Mặc dù chúng ta quán tưởng đức Tara duy nhất một sắc tướng, nhưng thực chất cả Tam bảo đều bao gồm trong sắc tướng này. Thân nhiệm mầu của Ngài là Tăng bảo, Khẩu nhiệm mầu của Ngài là Pháp bảo và Ý nhiệm mầu của Ngài là Phật bảo.

Đồng thời, hãy nghĩ rằng đức Tara trong quán tưởng của quí vị bất nhị với bổn sư. Vì bất nhị với bổn

sư, nên:

- Thân nhiệm mầu của bổn sư bất nhị với đức Tara, và cũng là Tăng bảo.
- Khẩu nhiệm mầu của bổn sư bất nhị với đức Tara, và cũng là Pháp bảo.
- Ý nhiệm mầu của bổn sư bất nhị với đức Tara, và cũng là Tăng bảo.

Quí vị cũng cần suy nghĩ xem bổn sư của mình là hiện thân của Tam bảo như thế nào, và là hiện thân của tất cả mọi thiện hạnh giác ngộ của tất cả Phật đà như thế nào.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

10. DU DANG JIG-TEN WANG-DU DZE-MA – Tara Subduing Demons and Worlds – HÀNG TAM GIỚI MA ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE SARVA MARA PRAMA TAYA HUM PHAT SVAHA

༡༠ ། ཕྱག་འཚལ་རབ་ཏུ་དགའ་བས་བརྗིད་པའི།།

[10] CHAG TSHÄL RAB TU GA WA JI PEI
Homage! She of joyous, radiant,
Kính lạy Tara, đỉnh đầu tỏa rạng

དབུ་རྒྱན་འོད་ཀྱི་ཕྲེང་བས་སྤྲོལ་མ།།

U GYEN Ö KYI THRENG WA PEL MA
Diadem emitting light-wreaths
chuỗi hào quang sáng, rực rỡ tươi vui.

བཞད་པ་རབ་བཞད་ཏུཏྟ་ར་ཡིས།།

ZHE PA RAB ZHE TUTTARA YI
Mirthful, laughing with TUTTARE,
Với TU-TTA-RA, tiếng cười rộn rã

བདུད་དང་འཇིག་རྟེན་དབང་དུ་མཛད་མ།།

DÜ DANG JIG TEN WANG DU DZE MA

Subjugating maras, devas!
thu phục toàn bộ Ma vương, Thiên vương.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Diệt Ma Ngự Tam Giới Vương* màu đỏ, tay cầm bảo bình ban lực diệt ma vương trị vì cõi thế.

Ngulchu Dharmabhadra:

Ngài là đấng *Rạng Sáng*, cho niềm vui lớn bằng cách toàn thành ước nguyện của người có lòng tin và soi sáng người không có lòng tin bằng chuỗi hào quang rực rỡ ngũ sắc chiếu sáng từ mũ miện trên đỉnh. Với tiến cười Tuttara rộn rã, Ngài hàng Thiên ma Garab Wangjuk [ma Ba Tuần], chúa tể cõi dục giới, và hết thảy chúa tể của các cõi thế giới khác.

Geshe Dawa

Tara *Diệt Ma Tam Giới*: Ngài ngồi tòa sen thứ mười, trên đài mặt trăng, thân sắc đỏ. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ diệt ma vương lực.

Đối với người có lòng tin nơi Ngài, Ngài dùng ánh hào quang chiếu ra từ mũ miện giúp toàn thành mọi ước nguyện cho tâm ý họ tươi đẹp hoan hỉ. Đối với người không có lòng tin, Ngài hàng phục bằng ánh hào quang chiếu ra từ đỉnh đầu. Ngài thu phục Garab Wangjuk (Thiên ma Ba Tuần] và toàn cõi thế bằng tiếng cười Tuttara rộn rã.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Để nhận lợi ích và lực gia trì từ đức Tara, nhân tố chính yếu là tín tâm vững chắc nơi Ngài. Với tín tâm, có ước nguyện gì Ngài cũng đều toàn thành cho ta. Và điều này cũng khiến cho tâm trí đức Tara vô cùng hoan hỉ.

Vậy người không có lòng tin thì sao? Ngài cũng thuần phục người không có lòng tin: chỉ cần nhìn thấy ảnh tượng của đức Tara, Ngài có thể thuần phục người không có tín tâm.

Chỉ cần có tín tâm. Bất kể là ai, với tín tâm thỉnh cầu đức Tara, mọi mong cầu đều sẽ như nguyện.

Trang sức của Ngài, vòng tay, vòng chân, mũ miện, chuỗi đeo v.v... tất cả đều rất đẹp. Không như phẩm trang sức cõi thế gian, trang sức của đức Tara tự nhiên tỏa hào quang khắp mười phương, làm việc lợi ích cho chúng sinh. Các phẩm trang sức trên người đức Tara là tướng hiện của Ý nhiệm mầu của Ngài, và tượng trưng cho mọi thiện đức của Ngài.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

11. PONG-PA SEL-MA
– She Who Eradicates Poverty

– TIÊU BẦN ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE VASU DARE SVAHA

༡༡ ལྷག་འཚལ་ས་གཞི་སྐྱོང་བའི་ཚོགས་རྣམས།།

[11] CHAG TSHÄL SA ZHI KYONG WEI TSHOG NAM
Homage! She able to summon
Kính lạy Tara, chúng thần sở tại

ཐམས་ཅད་འགྲུགས་པར་རྒྱས་པ་ཉིད་མ།།

THAM CHE GUG PAR NÜ MA NYI MA
All earth-guardians' assembly!
đều về qui thuận dưới uy Phật bà.

ཁྲོ་གཉེར་གཡོ་བའི་ཡི་གེ་རྡུ་གིས།།

THRO NYER YO WEI YI GE HUM GI
Shaking, frowning, with her HUM sign

Cau mày, rung chuyển, với linh tự HUM,
ཕོངས་པ་ཐམས་ཅད་རྣམ་པར་སྒྲོལ་མ།།
PHONG PA THAM CHE NAM PAR DRÖL MA
Saving from every misfortune!
cứu khắp chúng sinh thoát cảnh bần cùng.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Tiêu Bần* màu cam, tay cầm bảo bình chứa năng lực làm tiêu tan bần cùng.

Geshe Dawa

Ngài ngồi tòa sen thứ mười một trên đài mặt trăng, thân sắc cam. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ cứu nghèo.

Nghèo có nhiều loại: nghèo bạn, nghèo tiền tài, nghèo sức khỏe. Nhưng đáng nói nhất là nghèo trí tuệ, nghèo từ bi, nghèo chánh pháp v.v... Đức Tara cứu nghèo bằng năng lực minh chú của Ngài.

Gyalwa Gedun Drub

Chau mày có nghĩa là Ngài với sắc tướng hơi oai nộ, phóng hào quang từ chữ HUM nơi tim, cứu thoát chúng sinh nghèo niềm vui, bị khổ đau đè nặng. Ngài có tên là *Nhiếp Thọ Độ Mẫu.*

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Thổ địa bao gồm mười vị hộ thần phương hướng cùng chúng tùy tùng, giữ gìn và nuôi dưỡng đất đai. Vị Tara này có khả năng câu triệu mười vị hộ thần phương hướng cùng tùy tùng, sai sử họ để thực hiện nhiều thiện hạnh.

Khi gặp cảnh túng quẩn, tài chánh khó khăn, chúng ta phải nhớ nghĩ đến đức Tara. Mục tiêu phải là để thành tựu vô thượng giác vì chúng sinh, hay chí ít phải phát xuất từ động cơ vị tha. Với động cơ ấy, quán tưởng vị Tara này, khởi tâm tôn kính tin tưởng sâu xa mà thỉnh cầu đức Tara giúp xóa cảnh nghèo.

Nghèo có rất nhiều loại. Nói nghèo không phải chỉ là nghèo tiền nghèo của, mà còn nghèo Phật Pháp, ví dụ như nghèo kinh nghiệm, nghèo chứng ngộ. Chúng ta có thể cầu khẩn đức Tara này xóa đi tất cả mọi thứ nghèo.

Quán tưởng từ linh tự HUM nơi tim Ngài, hào quang dưới dạng móc sắt phóng ra khắp mười phương, câu về tất cả mọi điều cần thiết, như thọ mạng, tài sản, của cải v.v... Tất cả tan về chủng tự HUM nơi tim Ngài, và lực gia trì dưới dạng ánh sáng cam lồ rót vào cho quí vị. Quí vị cần quán tưởng tất cả chúng sinh đều hưởng được lợi ích này, đặc biệt chúng sinh đang chịu cảnh bần cùng khó khăn. Khi dòng cam lồ rót xuống, hãy nghĩ rằng mình nhận được thọ mạng lâu dài, tài sản của cải v.v...

Tâm keo bẩn là nguyên nhân khiến ta phải chịu cảnh bần hàn, vì vậy đồng thời hãy nghĩ rằng mọi chướng ngại bao gồm tâm keo bẩn và tập khí của tâm này, tất cả đều được thanh tịnh triệt để. Nghĩ rằng bây giờ ta đã có được kho báu bất tận. Nghĩ như vậy sẽ khiến thanh tịnh loại ác nghiệp mang đến cảnh bần cùng. Ác nghiệp này thanh tịnh thì điều lành sẽ đến với chúng ta.

Chúng ta có thể tu pháp này khi gặp khó khăn trong công việc, hay tài chính trắc trở trong kinh doanh

v.v... Tuy vậy, không bao giờ được tác pháp vì lợi ích cá nhân, ước cho “công việc của tôi được thuận tiện suông sẻ.” Nhất định phải tu với cái tâm mong muốn lợi người, hướng về quả giác ngộ để độ sinh. Thiếu đi tâm nguyện này thì dù có tu cũng không thành chánh pháp.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

12. TRA-SHI TAM-CHE JIN-MA – Tara Creating Auspiciousness – THÍ KIẾT TƯỜNG ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE MANGALAM PUSHTIM KURU SVAHA

[12] CHAG TSHÄL DA WEI DUM BÜ U GYEN
Homage! Crown adorned with crescent
Kính lạy Tara, đỉnh đầu Phật Bà

བཅྱུན་པ་ཐམས་ཅད་ཤིན་ཏུ་འབར་མ།།

GYEN PA THAM CHE SHIN TU BAR MA
Moon, all ornaments most shining!
trăng non trang điểm. Bao phẩm trang nghiêm

རལ་པའི་ཁྲོད་ནས་འོད་དཔག་མེད་ལས།།

RÄL PEI KHUR NA Ö PAG ME LE
Producing, from Amitabha
chói ngời rạng chiếu. / Đức Phật Di Đà

རྟག་པར་ཤིན་ཏུ་འོད་ཟབ་མཛེད་མ།།

TAG PAR SHIN TU Ö RAB DZE MA
In her hair-mass, always much light!
từ lọn tóc Ngài / tỏa sáng vô biên.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Làm Cho Tất Cả Kiết Tường* màu cam, tay cầm bảo bình ban cho sự kiết tường.

Gyalwa Gedun Drub

Thứ năm, tán dương phẩm trang điểm trên đỉnh đầu Ngài. Phẩm trang điểm chính là vầng trăng non, tỏa sáng rạng rỡ, sáng hơn mọi mặt trăng, quét sạch khổ não. Phẩm trang điểm thứ hai nằm trong búi tóc giữa vô lượng hào quang, tỏa hào quang không gián đoạn làm lợi cho khắp chúng sinh. Ngài được gọi là *Đức Tara Hộ Trì Kiết Tường*.

Geshe Dawa

Đức Tara *Thí Kiết Tường* ngồi tòa sen thứ mười hai, trên đài mặt trăng, thân sắc cam. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ kiết tường. Trên đỉnh đầu Ngài trang nghiêm một vầng trăng non, hào quang rạng chiếu. Đức A Di Đà ngự trên đỉnh, điều này có nghĩa là Ngài thuộc Liên Hoa Phật Bộ.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Từ đức Phật A Di Đà trên đỉnh, hào quang muôn sắc phóng ra làm việc lợi ích cho chúng sinh. Tara và đức Phật A Di Đà bất nhị với bổn tôn của quí vị.

Quí vị có thể quán tưởng vị Tara này khi thân thể bất an: nhuốm bệnh, buồn phiền, bực dọc hay căng thẳng. Quán tưởng, nhớ nghĩ đến đức Tara và thỉnh cầu Ngài. Tưởng tượng ánh sáng cam lồ từ thân nhiệm mầu của đức Tara và đức Phật A Di Đà—cả hai bất nhị với bổn sư—đi vào thân tâm, quét sạch mọi vấn đề, mọi phiền muộn, đồng thời hãy nghĩ mình thọ nhận lực gia trì Thân Khẩu Ý nhiệm mầu của đức Tara. Làm như vậy nhất định sẽ được lợi ích.

---

13. ME TAR BAR MA
– She Who Blazes Like Fire
– NHƯ LỬA BỪNG ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE BHAYA BHASMIM KURU SVAHA

༡༣ ། ཕྱག་འཚལ་བསྐལ་པའི་ཐ་མའི་མེ་ལྟར།།

[13] CHAG TSHÄL KÄL PEI THA MEI ME TAR
Homage! She 'mid wreath ablaze like
Kính lạy Tara, như lửa hoại kiếp

འབར་བའི་ཕྲེང་བའི་དབུས་ན་གནས་མ།།

BAR WEI THRENG WEI Ü NA NE MA
Eon-ending fire abiding!
giữa chuỗi lửa rực, Phật bà an định,

གཡས་བརྒྱང་གཡོན་བསྐུམ་ཀུན་ནས་བསྐོར་དགའ།།

YE KYANG YÖN KUM KÜN NE KOR GÉ
Right stretched, left bent, joy surrounds you
phải duỗi, trái co, niềm vui vây quanh

དགྲ་ཡི་དཔུང་ནི་རྣམ་པར་འཇོམས་མ།།

DRA YI PUNG NI NAM PAR JOM MA
Troops of enemies destroying!
làm tiêu tan hết đội quân thù địch.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Lửa Bừng* màu đỏ, tay cầm bảo bình chứa năng lực tiêu hủy đâm thủng kẻ thù. Mục tiêu chính của việc làm này là để cho quí vị có khả năng vì chúng sinh mà thành tựu đường tu giác ngộ, hoằng dương Phật Pháp và cũng để ngăn chận không cho kẻ thù tạo thêm ác nghiệp, dắt về với chánh pháp và rồi đưa kẻ thù về với quả giải thoát, giác ngộ.

Geshe Dawa

Tara *Lửa Bừng*: Ngài ngồi tòa sen thứ mười ba, trên đài mặt trăng, thân sắc đỏ. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ tiêu thù. Ngài ngồi giữa chuỗi lửa trí giác, sánh bằng lửa hoại kiếp thiêu rụi toàn cõi thế gian cuối đại kiếp này. Ngài vui với việc chuyển đẩy bánh xe chánh pháp, thuần thục chúng sinh. Ngài tận diệt nội ma.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Chúng ta đang đảnh lễ đức Tara ngồi giữa biển lửa "như lửa hoại kiếp". Vào một thời điểm nhất định trong tương lai, thế giới của chúng ta sẽ bị một ngọn lửa vô cùng nóng thiêu rụi tất cả, [gọi là lửa hoại kiếp]. Vị Tara này ngồi giữa ngọn lửa giống như vậy. Nhưng lửa của Ngài là lửa trí tuệ. Ngài ngồi chân phải duỗi ra, chân trái co lại. Đức Tara này có khả năng hủy diệt mọi đội quân thù nghịch bên trong và bên ngoài bằng cách chuyển bánh xe chánh pháp. Kẻ thù bên trong là phiền não của chúng ta. Kẻ thù bên ngoài bao gồm loài người và loài không phải người, và tất cả các loại vấn đề chướng ngại phát sinh từ phiền não trong tâm. Nhờ nương vào đức Tara, chúng ta có thể diệt tất cả mọi kẻ thù như vậy.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

14. THRO NYER CHEN MA – She Who Is Frowning Wrathfully – NHÍU MÀY OAI NỘ ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE VAJRA MAHA PUTAYA BASMI KURU SVAHA

༡༤ ། ཕྱག་འཚལ་ས་གཞིའི་ངོས་ལ་ཕྱག་གི།།

[14] CHAG TSHÄL SA ZHI NGÖ LA CHAG GI
[14] Homage! She who strikes the ground with
[14] Kính lạy Tara, Phật bà trấn địa

མཐིལ་གྱིས་བསྡུན་ཅིང་ཞབས་ཀྱིས་བརྡུངམ།།

THIL GYI NÜN CHING ZHAB KYI DUNG MA
Her palm, and with her foot beats it!
với bàn tay vỗ và gót chân đạp.

ཁྲོ་གཉེར་སྦྱན་མཛེད་ཡི་ག་ཧཱུྃ་གིས།།

THRO NYER CHEN DZE YI GE HUM GI
Scowling, with the letter HUM the
Ánh mắt oai thần và chủng tự HUM,

རིམ་པ་བདུན་པོ་རྣམས་ནི་འགེམས་མ།།

RIM PA DÜN PO NAM NI GEM MA

Seven levels she does conquer!
hết thảy bảy địa Ngài đều chinh phục

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Nhíu Mày Oai Nộ* màu đen, tướng hơi hung nộ, cầm bảo bình ban cho năng lực triệt tiêu kẻ tạo chướng ngại.

Geshe Dawa

Ngài ngồi tòa sen thứ mười bốn trên đài mặt trời, tướng hơi hung nộ, màu đen. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ hành phục kẻ tạo cản trở.

Bàn tay Ngài che kín mặt đất toàn cõi thế gian, và chân Ngài trấn đạp. Từ chữ HUM nơi lòng bàn tay và gót chân, kim cang lửa phóng ra, hàng phục khắp loài hữu tình dưới bảy tầng đất sâu như long chúng, a-tu-la, yêu tinh, nhiều loại quỉ dữ khác, cùng các loại vọng tâm.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Vô số chùi kim cang lửa làm tiêu tan hết mọi ác tâm muốn gây nhiễu hại. Họ có bao nhiêu ý tưởng tác quái, Tara quét sạch tất cả. Họ có bao nhiêu khả năng tác quái, đức Tara cũng làm cho tiêu tan hết. Đức Tara khiến cho họ trở nên vô hại.

Khi bị các loài không phải người tác hại, ví dụ như bị long chúng hay ma quỉ tác quái, chúng ta phải nương vào vị Tara oai nộ này mà thỉnh nguyện. Quán tưởng từ chủng tự HUM màu xanh dương nơi lòng bàn tay và nơi gót chân của Ngài, chùi kim cang lửa phóng ra, đi vào trong chúng ta và các loài gây hại cho chúng ta. Nhận lực gia trì này, tất cả mọi phiền não, nhất là ý nghĩ muốn gây nhiễu hại cho kẻ khác, trong tâm của chúng ta và trong tâm các loài gây hại cho ta đều được hàng phục, quét sạch triệt để. Tâm của ta và của những loài gây hại cho ta trở nên sạch trong. Không còn sót lại bất kỳ ý tưởng tác hại nào. Bị tà ám mà tu được như vậy lợi ích lớn lao vô cùng.

Nhờ tán dương đức Tara dưới cả hai sắc tướng từ hòa và oai nộ, chúng ta hoàn tất phần tán dương Báo thân của đức Tara. Tiếp theo là phần tán dương Pháp thân đức Tara.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

15. SHI WA CHEN MA
– She of Supreme Peacefulness
– ĐẠI TỊNH ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE SARVA PAPAM PUTA MANAYE SVAHA

༡༥ ཀ ཕྱག་འཚལ་བདེ་མ་དགེ་མ་ཞི་མ།།

[15] CHAG TSHÄL DE MA GE MA ZHI MA
Homage! Happy, virtuous, peaceful!
Kính lạy Tara, vui, hiền, tịch tĩnh

མྱ་ངན་འདས་ཞི་སྤྱོད་ཡུལ་ཉིད་མ།།

NYA NGEN DE ZHI CHÖ YÜL NYI MA
She whose field is peace, nirvana!
cảnh giới cứu cánh thanh tịnh niết bàn.

སྭཱ་ཧྟ་ཨོཾ་དང་ཡང་དག་ལྡན་པས།།

SVAHA OM DANG YANG DAG DEN PE
She endowed with OM and SVAHA,
Đầy đủ tất cả Sô-Ha và Ôm

སྡིག་པ་ཆེན་པོ་འཇོམས་པར་ཉིད་མ།།

DIG PA CHEN PO JOM PA NYI MA

Destroyer of the great evil!
đập tan toàn bộ tà ma đại ác.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Đại Tịnh* màu trắng, cầm bảo bình ban cho năng lực tiêu tai.

Geshe Dawa

Tán dương *Pháp Thân Đại Tịnh*: Ngài ngồi tòa sen thứ mười lăm trên đài mặt trăng, thân sắc trắng. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ làm tiêu ác lực.

"*Vui*" vì Ngài luôn trú trong niềm vui vắng khổ; "*Hiền"* vì Ngài chỉ làm việc thiện; "*Tịch Tĩnh*" vì Ngài đã diệt hết vọng tâm. Ngài có thể an trú không gián đoạn trong chánh định siêu thoát khổ đau, lấy pháp diệt siêu việt nhị chướng làm đề mục.

Vì Ngài có những thiện đức như vừa kể, tụng minh chú của Ngài sẽ giúp tịnh mười việc ác, năm tội vô gián, viên thành bồ công đức, đưa người tu vào quả vị siêu thoát khổ đau.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Ngài siêu thoát khổ đau, là quả vị tận diệt nhị chướng, là chướng ngại cản trở quả giải thoát và chướng ngại cản trở quả toàn giác.

Ngài luôn trú trong cảnh giới tịch tĩnh của đại định siêu việt nhị chướng. Nhờ năng lực của trí tuệ này mà sinh ra minh chú. Chánh văn nói "*Đầy đủ tất cả Sô-ha và OM*." Giữa Sô Ha và OM là các âm khác của chuỗi minh chú, TARE TUTTARE TURE. Cả thảy là mười âm minh chú đức Tara: OM TARE TUTTARE TURE SVAHA.

Vừa quán tưởng đức Tara vừa tụng minh chú của Ngài với lòng tin sâu xa, đến cả ác nghiệp nặng nề như năm nghiệp vô gián, nghiệp từ bỏ chánh pháp, cùng với nguyên nhân tạo nghiệp là nhiễm tâm phiền não như tham và sân, hết thảy mọi nhiễm tâm sâu dày nhất cùng quả khổ từ đó sinh ra, tất cả đều tịnh sạch, không sót lại mảy may dấu tích.

Câu kệ này xưng tán đức Tara là Pháp thân. Ý nhiệm mầu của đức Tara luôn an trú trong cảnh giới đại định tịch tĩnh. Vừa trú trong cảnh giới ấy, Ngài vừa thi triển thiện hạnh làm lợi cho khắp chúng sinh một cách tự nhiên, không dụng công. Đây là việc mà chúng sinh không thể làm, vì đã nhập vào trong định thì không thể làm bất cứ việc gì khác. Chỉ có Phật mới có khả năng này, vừa trú trong chánh định, vừa thi triển thiện hạnh làm lợi ích cho chúng sinh một cách tự nhiên không dụng công. Đây là đặc điểm của Phật.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

16. RIG PA HUNG LE DROL MA

– Tara Liberating Through Hum
– LINH TỰ HUM ĐỘ SINH ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE SARVA DHARMA PRATI SHUD DHA YA SVAHA

༡༦ ། ཕྱག་འཚལ་ཀུན་ནས་བསྐོར་རབ་དགའ་བའི།།

[16] CHAG TSHÄL KÜN NE KOR RAB GA WEI
Homage! Of those glad at turning
Kính lạy Tara, vây quanh Phật bà

དགྲ་ཡི་ལུས་ནི་རབ་ཏུ་འགེམས་མ།།

DRA YI LÜ NI NAM PAR GEM MA
Tearing foes' bodies asunder,
đầy ắp niềm vui tan xác kẻ thù.

ཡི་གེ་བཅུ་པའི་རྣག་ནི་བཀོད་པའི།།

YI GE CHU PEI NGAG NI KÖ PEI

Liberating with HUM-mantra
Mười âm trang điểm tiếng lời mầu nhiệm,
རིག་པ་ཧཱུྃ་ལས་སྒྲོལ་མ་ཉིད་མ།།
RIG PA HUM LE DRÖL MA NYI MA
Word-array of the ten syllables
chữ HUM – trí tuệ phổ độ chúng sinh.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Trí Tuệ Hum Độ Sinh* màu đỏ, tay cầm bảo bình chứa năng lực tăng trưởng tác dụng của minh chú.

Geshe Dawa

Tán dương thiện hạnh của Ngài.

Tara *Giải Thoát Bằng Chữ HUM*: Ngài ngồi tòa sen thứ sáu, trên đài mặt trăng, thân sắc đỏ. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ làm tăng trưởng minh chú.

Ngài vui với việc chuyển pháp luân và thuần phục chúng đệ tử bằng cách này. Ngài hàng phục kẻ gây cản trở và kẻ thù bằng hào quang chiếu ra từ chuỗi minh chú mười âm nơi tim và bằng âm thanh chủng tự HUM.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

"*Tan xác kẻ thù / mười âm trang điểm tiếng lời mầu nhiệm*": Xưng tán đức Tara khéo chuyển bánh xe chánh pháp mang lợi ích đến cho tâm của chúng đệ tử bằng cách tiêu diệt kẻ thù bên ngoài và bên trong tâm thức.

"*Mười âm*" ứng vào chuỗi minh chú của đức Tara. Có cả hai câu minh chú, từ hòa và oai nộ:

Chú từ hòa là OM TARE TUTTARE TURE SVAHA, quanh chủng tự TAM nơi tim Ngài.

Chú oai nộ là OM NAMA TARE NAMO HARE HUM HARE SVAHA, quanh chủng tự HUM nơi tim Ngài.

Từ hai chuỗi minh chú từ hòa và oai nộ này, hào quang lớn phóng ra, cứu ta thoát hết mọi kẻ thù và chướng ngại.

Khi cần tác pháp tiêu tai, ví dụ để tiêu bệnh, tật, tà chướng, hãy quán tưởng đức Tara với chủng tự TAM nơi tim, xung quanh là chuỗi minh chú từ hòa OM TARE TUTTARE TURE SVAHA. Quán tưởng thọ nhận lực gia trì của đức Tara và mọi vấn đề đều nhẹ nhàng tan biến.

Khi cần tác pháp oai nộ, ví dụ khi gặp chướng ngại đến từ loài người hay loài không phải người, gây hại cho Phật Pháp, làm tổn hại thọ mạng của đạo sư v.v... quán tưởng đức Tara với chủng tự HUM nơi tim, xung quanh là chuỗi minh chú oai nộ OM NAMA TARE NAMO HARE HUM HARE SVAHA quét sạch mọi trở ngại một cách mãnh liệt.

Khi cần thực hiện những pháp này, hãy quán tưởng chuỗi minh chú thích hợp, với pháp quán tương ứng.

17. JIG TEN SUM YO WA DROL MA
– Tara Moving Worlds
– CHẤN ĐỘNG TAM GIỚI ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE SARVA TAM BANE DELE SVAHA

༡༧ ཅེ ཕྱག་འཚལ་ཏུ་རེའི་ཞབས་ནི་བརྡབས་པས།།

[17] CHAG TSHÄL TURE ZHAB NI DEB PE
Homage! Swift One! The foot-stamper
Kính lạy Tara, chân Ngài dậm xuống,

ཧཱུྃ་གི་ནམ་པའི་ས་བོན་ཉིད་མ།།

HUM GI NAM PEI SA BÖN NYI MA
With for seed the letter HUM's shape
tuyên ngôn TU-RÊ. Chủng tự sắc HUM

རི་རབ་མན་དྷ་ར་དང་བིག་ཇེ།།

RI RAB MANDHARA DANG BIG JE
She who shakes the triple world and
chấn động ba cõi cùng núi Tu Di,

འཇིག་རྟེན་གསུམ་རྣམས་གཡོ་བ་ཉིད་མ།།

JIG TEN SUM NAM YO WA NYI MA
Meru, Mandara, and Vindhya!
núi Măn-đa-ra, và Vin-đi-a.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Chấn Động Tam Giới* màu cam, tay cầm bảo bình chứa năng lực làm chủ và tiêu hủy năng lực của huyền chú.

Geshe Dawa

Ngài ngồi tòa sen thứ mười bảy, trên đài mặt trăng, thân sắc cam. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ hàng phục bùa chú.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Tán dương đức Tara là bậc khéo chấn động ba cõi.

"*Chân Ngài dậm xuống / tuyên ngôn TURE*": "*TURE*" ở đây có nghĩa là đức *Thần Tốc*, ứng vào đức Tara. Ngài oai nộ đạp xuống bằng đôi chân nhiệm mầu. "*Chủng tự sắc HUM*": ứng với cách đức Tara khởi hiện sắc tướng: [...] Từ nơi tánh không hoạt hiện chủng tự HUM, rồi từ chủng tự HUM hoạt hiện thành đức Tara oai nộ.

Chúng ta đảnh lễ tán dương đức Tara có năng lực làm chấn động ba cõi. Chánh văn nói rằng Ngài làm "*chấn động ba cõi, cùng núi Tu Di, núi Mandhara, và Vindhya*." Các ngọn núi này là nơi cư ngụ của thiên chúng, long chúng v.v... Tán dương đức Tara làm chấn động những ngọn núi lớn này. Đến cả ba cõi Ngài cũng có khả năng làm chấn động, cùng khắp chúng hữu tình sống trong các cõi ấy.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

18. DUG SEL MA
– Tara Pacifying and Eliminating Poisons and Sickness

– TIÊU ĐỘC ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE SARVA NAGA BIKSHA SHANTING KURU SVAHA

༡༨ ལ། ཕྱག་འཚལ་ལྷ་ཡི་མཆོ་ཡི་རྣམ་པའི།།

[18] CHAG TSHÄL LHA YI TSHO YI NAM PEI
Homage! Holding in her hand
Kính lạy Tara, như biển hồ thiên

རི་དྭགས་རྟགས་ཅན་ཕྱག་ན་བསྣམས་མ།།

RI DAG TAG CHEN CHAG NA NAM MA
the deer-marled moon, of deva-lake form
vầng trăng ngọc thỏ trên tay Phật bà.

ཏཱ་ར་གཉིས་བརྗོད་ཕཊ་ཀྱི་ཡི་གེས།། དུག་

TARA NYI JÖ PHAT KYI YI GE
With twicespoken TARA and PHAT,

Với hai TARA và chủng tự PÂY,

རྡུག་སྣམ་མ་ལུས་པར་ནི་སེལ་མ།།

DUG NAM MA LÜ PA NI SEL MA
Totally dispelling poison!
hết thảy độc tố đều tiêu tan cả.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Tiêu Độc* màu trắng, tay cầm bảo bình ban năng lực làm tiêu tan độc tố.

Geshe Dawa

Ngài ngồi tòa sen thứ mười tám trên đài mặt trăng, thân sắc trắng. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ làm sạch và tiêu tan chất độc và tật bệnh. Ngài cầm trong tay một vầng trăng, trắng như biển hồ cõi thiên, trên đó phản chiếu hình ảnh của các loài thú hiền như nai, thỏ v.v... Với vầng trăng này, Ngài làm sạch và tiêu tan chất độc, tật bệnh.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Tán dương đức Tara là bậc khéo trừ chất độc.

Đức Tara làm tiêu tan chất độc cầm trong tay một vầng trăng tròn, tựa như tấm gương, điểm hình ngọc thố. Soi vào vầng trăng này, mọi chất độc trong người đều tiêu tan cả. Chất độc nói ở đây không chỉ ứng vào loại chất độc bình thường mà còn ứng vào cả loại chất độc phiền não trong tâm.

"*Với hai TARA và chủng tự PÂY*": hai TARA ứng vào hai chữ TARA trong minh chú: OM TARE TUTTARE. Thay vì OM TARE TUTTARE TURE SVAHA, Ngài thốt OM TARE TUTTARE TURE PHAT. Với vầng trăng trong tay, Ngài cho chúng sinh soi vào và thốt lên OM TARE TUTTARE TURE PHAT, nhờ đó diệt tan mọi chất độc trong chúng sinh, không chỉ chất độc bên ngoài, mà gồm cả chất độc phiền não trong tâm.

Chất độc có nhiều loại. Chúng ta có thể bị người khác làm cho ngộ độc, hoặc cũng có thể tự mình lầm ăn phải món có độc, trúng phải các loại độc tố, v.v... Những lúc như vậy, hay khi muốn giúp người bị trúng độc, hãy quán tưởng đức Tara này ở khoảng không trước mặt. Quán tưởng Ngài cầm trong tay một vầng trăng như tấm gương cho mình và chúng sinh soi vào, đồng thời Ngài đọc minh chú OM TARE TUTTARE TURE PÂY. Quán tưởng nhận được lực gia trì, thấy rằng tất cả mọi độc tố trong ngoài của mình và chúng sinh đều hoàn toàn tịnh sạch.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

19. DUG NGAL THAM CHE SEL WEI DROL MA – Tara Eliminating Disputes and Bad Dreams – TIÊU TRANH CHẤP ÁC MỘNG ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE MUCHANA YA SVAHA

༡༩ ། ཕྱག་འཚལ་ལྷ་ཡི་ཚོགས་རྣམས་རྒྱལ་པོ།།

[19] CHAG TSHÄL LHA YI TSHOG NAM GYÄL PO
Homage! She whom gods and their kings
Kính lạy Tara, thiên vương, chư thiên,

ལྷ་དང་མིའམ་ཅི་ཡིས་བསྟེན་མ།།

LHA DANG MI AM CHI YI TEN MA
God and Kinnares do honour
và Khẩn Na la đều nương Phật bà.

ཀུན་ནས་གོ་ཆ་དགའ་བའི་བརྗིད་ཀྱིས།།

KÜN NE GO CHA GA WEI JI GYI
She whose joyfull splendour dispels
Giáp bào lộng lẫy, niềm vui tỏa sáng,

ཙོད་དང་སྨིལམ་ངན་པ་སེལ་མ།།

TSÖ DANG MI LAM NGEN PA SEL MA

Conflict and bad dreams of the armoure
phá tan tất cả ác mộng, chấp tranh.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Tiêu Tranh Chấp Ác Mộng* màu trắng, tay cầm bảo bình ban năng lực làm cho tiêu tan chấp tranh—ví dụ như bị kiện tụng—và ác mộng.

Geshe Dawa

Tara *Tiêu Tranh Chấp Ác Mộng*: Ngài ngồi tòa sen thứ mười chín trên đài mặt trăng, thân sắc trắng. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ làm tiêu tan tranh chấp và ác mộng.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Tán dương đức Tara là bậc khéo làm tan tranh chấp và ác mộng. Đây là vị Tara mà "*thiên vương, chư thiên, và Khẩn Na la đều nương*" vào. Chư thiên nói ở đây ứng vào chư thiên cõi dục giới. Chúa tể cõi trời dục giới là Indra, ngoài ra còn các thần linh thế tục khác như Brahma v.v... Các vị này đều tôn kính đặt đỉnh đầu của mình ngang chân đức Tara.

Hãy quán tưởng đức Tara này và tụng minh chú, nét rạng rỡ chói sáng của Ngài sẽ làm tiêu tan mọi khổ nạn như tranh chấp, cãi vã, xung đột, cùng ác mộng. Tất cả những điều này đều sẽ tan biến. Ác mộng khiến ta không vui. Khi gặp cảnh xung đột tranh chấp với người khác, như bị kiện tụng v.v..., cần quét nghịch cảnh bằng cách nương dựa vào sắc tướng này của đức Tara. Quán tưởng đức Tara ở khoảng không trước mặt, rót ánh sáng cam lồ màu đỏ vào cho quí vị, làm sạch mọi ác mộng, mọi vấn đề đang gặp phải như kiện tụng, tranh chấp v.v.. Đủ loại vấn đề, cùng nguyên nhân khiến phát sinh vấn đề, tất cả đều tiêu tan, không sót lại dù chỉ mảy may vi trần. Pháp quán này sẽ giúp cho quí vị khi gặp cảnh khổ đại loại.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

20. RIM NE SEL WEI DROL MA – Tara Eliminating Plaques: – TIÊU TẬT DỊCH ĐỘ MẪU

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE VISARE SVAHA

༢༠ ཀ ཕྱག་འཚལ་ཉིམ་རྒྱ་བ་རྒྱས་པའི།།

[20] CHAG TSÄL NYI MA DA WA GYE PEI
Homage! She whose two eyes bright with
Kính lạy Tara, đôi mắt nhật nguyệt

སྤྱན་གཉིས་པོ་ལ་འོད་རབ་གསལ་མ།།

CHEN NYI PO LA Ö RAB SÄL MA
Radiance of sun and full moon!
tỏa chiếu rạng ngời hào quang rực sáng.

ཧ་ར་གཉིས་བརྗོད་ཏུཏྟ་རེ་ཡིས།།

HARA NYI JÖ TUTTARA YI
With twice HARA and TUTTARE
HA-RA hai lần, và TU-TTA-RA,

ཤིན་ཏུ་དྲག་པོའི་རིམས་ནད་སེལ་མ།།

SHIN TU DRAG PÖI RIM NE SEL MA

She dispels severe contagion!
tiêu tan tất cả tật dịch truyền nhiễm.

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Tiêu Tật Dịch* màu cam, tay cầm bảo bình chứa năng lực hủy diệt mọi tật dịch truyền nhiễm.

Geshe Dawa

Tara *Tiêu Tật Dịch*: Ngài ngồi tòa sen thứ hai mươi, trên đài mặt trăng, thân sắc cam. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ làm tiêu tan tật dịch. Bằng cách thốt lên hai lần HARA và TUTTARA, Ngài xua tan tật dịch

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Tán dương đức Tara là bậc khéo làm tiêu tan dịch truyền nhiễm.

"*Đôi mắt nhật nguyệt*" ứng vào cả hai sắc tướng oai nộ và từ hòa của đức Tara. Với sắc oai nộ, đôi mắt như mặt trời cháy sáng: đôi mắt của sắc tướng oai nộ lớn, đỏ và tròn, tỏa ra ánh sáng nóng. Với sắc từ hòa, đôi mắt như trăng tròn: đôi mắt của sắc tướng từ hòa tỏa ánh sáng lạnh.

"*HA-RA hai lần, và TU-TTA-RA*": câu này ứng vào minh chú oai nộ OM NAMA TARE NAMO HARE HUM HARE SVAHA, và minh chú từ hòa OM TARE TUTTARE TURE SVAHA. Tụng hai minh chú oai nộ và từ hòa này, dù là bệnh tật dữ dội bậc nhất như bệnh dịch, bệnh truyền nhiễm, ác bệnh nan y khó lành, đều có thể khỏi.

Thế giới ngày nay có quá nhiều loại bệnh dữ, nhất là các chứng bệnh dịch kinh hoàng. Sống thời như vậy, việc thanh tịnh tật dịch trở thành nhu cầu khẩn thiết. Chúng ta có thể quán tưởng đức Tara, nhớ nghĩ đến thiện đức thân khẩu ý nhiệm mầu của Ngài, với lòng thâm tín, tụng hai minh chú oai nộ và từ hòa này. Đồng thời quán tưởng ánh sáng từ đức Tara rót xuống, làm cho mình và chúng sinh tịnh sạch tất cả mọi tật dịch, bệnh truyền nhiễm và nguyên nhân của tật bệnh. Tất cả đều hoàn toàn tịnh sạch.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

21. TRINLE THAMCHE YONG SU DZOG PAR JE PEI DROLMA
– Tara Accomplishing Virtuous Activities
– Tara Bậc Viên Thành Thiện Hạnh –

Minh Chú: OM TARE TUTTARE TURE SARVA SIDDHI SVAHA

༢༡ ། ཕྱག་འཚལ་དེ་ཉིད་གསུམ་རྣམས་བགོད་པས།།

[21] CHAG TSÄL DE NYI SUM NAM KÖ PE
Homage! Full of liberating
Kính lạy Tara, với tam chân như,

ཞི་བའི་མཐུ་དང་ཡང་དག་ལྡན་མ།།

ZHI WEI THÜ DANG YANG DAG DEN MA
Power by set of three Realities!
sung mãn năng lực tịch tĩnh tự tại.

གདོན་དང་རོ་ལང་ནོ་ཇིན་ཚོགས་རྣམས།།

DÖN DANG RO LANG NÖ JIN TSHOG NAM
Crushing crowds of spirits, yakshas
Tà ma ác quỉ, dạ xoa, khởi thi,

འཇོམས་པ་ཏུ་རེ་རབ་མཆོག་ཉིད་མ།།

JOM PA TURE RAB CHOG NYI MA

And corpse-raisers! Supreme! TURE!
đập tan hết thảy. TU – RÊ! Tối thắng!

Lama Zopa Rinpoche

Đức *Làm Mọi Thiện Hạnh* màu trắng, tay cầm bảo bình ban cho năng lực hoàn tất mọi việc làm một cách mỹ mãn.

Geshe Dawa

Tara *Thành Tựu Thiện Hạnh*: Ngài ngồi tòa sen thứ hai mươi mốt, trên đài mặt trăng, thân sắc trắng. Tay phải kết ấn thí thành tựu, cầm bảo bình chứa nước cam lồ làm cho thành tựu mọi thiện hạnh.

Trang nghiêm nơi thân Ngài điểm ba tinh túy: OM trắng trên đỉnh; AH đỏ nơi cổ; và HUM xanh dương nơi tim. Với ba tinh túy điểm trên thân, Ngài hoàn tất mọi thiện hạnh giác ngộ của tất cả các vị Tara trước.

Gyalwa Gedun Drub:

Sáu là thiện hạnh diệt tà ma ác quỉ và quỉ khởi thi.

Ba tinh túy trên thân Ngài là chân như của Thân Khẩu Ý:

- tinh túy của thân: OM trên đỉnh
- tinh túy của khẩu: AH nơi cổ
- tinh túy của ý: HUM nơi tim

Nhờ năng lực sẵn có nơi ba tinh túy, Ngài hàng phục được mọi chất độc nhiễm tâm. Ngài chính là đấng *Độ Mẫu TURE*, bậc tối thắng diệt chất độc di chuyển (moving poisons) của loài quỉ *Don,* quỉ khởi thi, và quỉ dạ xoa. Tên Ngài là *Viên Thành Độ Mẫu*.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Tán dương đức Tara là bậc khéo diệt tà ma và quỉ khởi thi.

Phần quán tưởng dưới đây dành cho người tu pháp Tara Du Già, nói cách khác, dành cho người [đã thọ đại pháp quán đảnh Tara] đang tu pháp tự khởi hiện thành đức Tara.

- Quán tưởng mình là đức Tara.
- Trên đỉnh có chủng tự OM trắng, là thân của đức Tara.
- Nơi cổ có chữ AH đỏ, là khẩu của đức Tara.
- Nơi tim có chữ HUM xanh dương, là ý của đức Tara.

Với ba chủng tự ở ba điểm, hết thảy mọi ác nghiệp ác chướng của ba cửa thân khẩu ý đều được quét sạch triệt để, không sót lại mảy may.

"Tà ma ác quỉ, dạ xoa, khởi thi, đập tan hết thảy": Chữ "*dön*" tiếng Tạng được dịch là "tà ma ác quỉ." Kinh sách dạy rằng chủ yếu có mười tám loài ma quỉ, quỉ ăn máu tươi, quỉ có tà thuật, quỉ dạ xoa (giống quỉ ăn sinh khí). Nương vào đức Tara, tất cả các loại tà ma quỉ dữ này đều sẽ bị tiêu hủy.

Cho người chuyên tu pháp Tara, tự khởi hiện thành đức Tara với ba điểm—đầu, cổ và tim, trang

nghiêm ba chủng tự, OM trăng, AH đỏ, và HUM xanh dương—làm như vậy sẽ tịnh được mọi ác nghiệp ác chướng của thân khẩu và ý cùng mọi tập khí của ác nghiệp ác chướng này.

Người tu cũng có thể dùng pháp quán này để làm lợi cho chúng sinh: […] quán tưởng từ ba chủng tự phóng ra hào quang lớn, quét sạch mọi ác nghiệp ác chướng nơi thân khẩu ý của khắp chúng sinh. Sau khi sạch mọi ác nghiệp ác chướng, hãy tưởng tượng đưa tất cả chúng sinh vào quả vị Tara. Quán như vậy chúng sinh sẽ được lợi ích và kho bồ phước đức của bản thân cũng sẽ mau chóng viên thành.

<<< Trang trước | Trang sau >>>

༢༢ ། རྩ་བའི་སྔགས་ཀྱི་བསྟོད་པ་འདི་དང་།།

[22] TSA WEI NGAG KYI TÖ PA DI DANG
With this praise of the root mantra
Đây là tiếng lời tán dương bổn chú,

ཕྱག་འཚལ་བ་ནི་ཉི་ཤུ་རྩ་གཅིག།

CHAG TSHÄL WA NI NYI SHU TSA CHIG
Twenty-one (times I've paid) homage.
đảnh lễ Tara, đủ hai mươi mốt.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

Đây là hai hàng chót kết thúc bài tán dương.

"Bổn chú" ứng vào hai chú từ hòa và oai nộ đã nói qua. Có tất cả 21 câu kệ tán dương, cùng hai mươi mốt lần đảnh lễ. "Đây là tiếng lời tán dương bổn chú, đảnh lễ Tara, đủ hai mươi mốt."

Prayer of the Benefits – BÀI NGUYỆN LỢI ÍCH

ལྷ་མོ་ལ་གྱས་ཡང་དག་ལྡན་པའི།

LHA MO LA GÜ YANG DAG DEN PEI
Whoever is endowed with devotion for the goddess
Ai người có lòng / tin đấng bổn tôn,

ློ་ལྡན་གང་གིས་རབ་དད་བརྩེ་དེ།།

LO DEN GANG GI RAB DE JÖ DE
And recites this with supreme faith
rạng đông hoàng hôn /

སྲོད་དང་ཐོ་རངས་ལངས་པར་བྱས་ནས།

SÖ DANG THO RANG LANG PAR JE NE
Remembering it at dawn upon waking and at the evenings
chuyên tâm trì tụng

དྲན་པས་མི་འཇིགས་ཐམས་ཅད་རབ་སྤྱིར།

DREN PE MI JIG THAM CHE RAB TER
Will be granted all fearlessness
tiếng lời rõ ràng / sẽ được hộ trì

སྡིག་པ་ཐམས་ཅད་རབ་ཏུ་ཞི་བ།

DIG PA THAM CHE RAB TU ZHI WA
Will perfectly pacify all negativities
lìa mọi sợ hãi, / sạch mọi ác chướng,

ངན་འགྲོ་ཐམས་ཅད་འཇོམས་པ་ཉིད་དོ།།

NGEN DRO THAM CHE JOM PA NYI THOB
And will eleminate all unfortunate migrations
thoát cảnh đọa sinh.

རྒྱལ་བ་བྱེ་བ་ཕྲག་བདུན་རྣམས་ཀྱིས།

GYÄL WA JE WA THRAG DÜN NAM KYI
The multitude of conquerors
Được bảy trăm vạn / đức Phật Thế Tôn /

མྱུར་དུ་དབང་ནི་བསྐུར་བར་འགྱུར་ལ།

NYUR DU WANG NI KUR WAR GYUR LA
Will quickly grant initiation
sớm truyền quán đảnh,

འདི་ལས་ཆེ་བ་ཉིད་ནི་ཐོབ་ཅིང་།

DI LE CHE WA NYI NI THOB CHING
Thus, endowed with this greatness
nhờ đại duyên này

སངས་རྒྱས་གོ་ཕང་ཐར་ཐུག་དེར་འགྲོ།

SANG GYE GO PHANG THAR THUG DER DRO
One will eventually reach the state of a buddha
chóng đạt quả Phật.

དེ་ཡི་དུག་ནི་དྲག་པོ་ཆེན་པོ།

DE YI DUG NI DRAG PO CHHEN PO
If affected by the most terrible poison
Tâm niệm bổn tôn / thì mọi độc tố / kinh hoàng bậc nhất

བཏེན་གནས་པ་ཞམ་གཞན་ཡང་འགྲོ་བ།

TEN NE PA ZHAM ZHEN YANG DRO WA
Whether ingested, drunk, or from a living being
từ nơi môi trường / hay từ sinh vật, /

ཟོས་པ་དང་ནི་འཐུངས་པ་ཉིད་ཀྱང་།

ZÖ PA DANG NI THUNG PA NYI KYANG
Just by remembering
dù ăn, dù uống,

དྲན་པས་རབ་ཏུ་སེལ་བ་ཉིད་ཐོབ།།

DREN PE RAB TU SEL WA NYI THOB
Will one be thoroughly cleansed
cũng không thể hại. /

གདོན་དང་རིམས་དང་དུག་གིས་གཟིར་བའི།

DÖN DANG RIM DANG DUG GI ZIR WEI
If this prayer is recited two, three or seven times
Tụng bài pháp này / hai, ba, bảy lần, /

སྡུག་བསྔལ་ཚོགས་ནི་རྣམ་པར་སྤོང་སྟེ།

DÜL NGEL TSHOG NI NAM PAR PONG TE
It will pacify all the sufferings of torments
Thoát khổ tật dịch, /

སེམས་ཅན་གཞན་པ་རྣམས་ལ་ཡང་ངོ་།

SEM CHEN ZHEN PA NAM LA YANG NGO
Caused by spirits, fevers, and poisons
truyền nhiễm, ngộ độc /

གཉིས་གསུམ་བདུན་དུ་མའོན་པར་བརྗོད་ན།།

NYI SUM DÜN DU NGÖN PAR JÖ NA
And by other beings as well
Hay vì chúng sinh. /

བུ་འདོད་པས་ནི་བུ་ཐོབ་འགྱུར་ཞིང་།

BU DÖ PE NI BU THOB GYUR ZHING
If you wish for a child you will get a child
Cầu con được con, /

ནོར་འདོད་པས་ནི་ནོར་རྣམས་ཉིད་ཐོབ།

NOR DÖ PE NI NOR NAM NYI THOB
If you wish for wealth you will receive wealth
cầu của được của, / hết thảy mong cầu /

འདོད་པ་ཐམས་ཅད་ཐོབ་པར་འགྱུར་ཏེ།

DÖ PA THAM CHE THOB PAR GYUR LA
All your wishes will be fulfilled
đều được như nguyện, / không chút chướng ngại /

བགེགས་རྣམས་མེད་ཅིང་སོ་སོར་འཇོམས་འགྱུར།།

GEG NAM ME CHING SO SOR JOM GYUR CHIG
And all obstacles pacified
vì mọi chướng ngại / đều đã tịnh yên.

Khensur Rinpoche Lama Lhundrup Rinsel

TRÌNH BÀY LỢI ÍCH PHÁP TU

A. Tâm nguyện đúng đắn

> *Ai người có lòng tin đấng bổn tôn*
> *Chuyên tâm trì tụng...*

Câu này nói rõ người tụng bài pháp này cần phải tụng bằng cái tâm như thế nào. Đâu là thái độ cần phải có? Cần phải hướng tâm về đức Tara với lòng kính ngưỡng sâu xa, nhớ lòng từ ái của Ngài. Hiểu

rõ mọi thiện đức Thân Khẩu Ý của Ngài, giữ lòng tin vững bền, lòng tôn kính vượt bực. Tụng bài xưng tán này với cái tâm như vậy thì mọi lợi ích nói ở đây đều sẽ thành sự thật.

Khi tụng bài tán dương phải luôn nhớ lại thiện hạnh Thân Khẩu Ý của đức Tara, tâm đại bi, đại trí và đại dũng của Ngài. Nghĩ xem lúc ban đầu Ngài đã từng vì chúng sinh mà phát tâm bồ đề như thế nào, đã từng làm những gì trước khi đạt quả vô thượng giác, đã từng làm tất cả những gì để trở thành đức Tara như ngày hôm nay.

Nghĩ xem đức Tara phụng sự chúng sinh bằng bốn pháp hành tiêu tai, tăng ích, câu triệu và hàng phục như thế nào. Nhớ lại xem đức Tara vận dụng sắc tướng thị hiện phong phú, cầm phẩm trang sức để phụng sự chúng sinh như thế nào.

Nói cho cùng, bất kể là phần nào trên thân của Ngài cũng đều luôn thi triển thiện hạnh, làm lợi cho chúng sinh. Không có nơi nào trên thân nhiệm mầu của đức Tara là không đang phụng sự cho chúng sinh. Đức Tara có đủ mọi thiện đức này.

Bất kể kỳ một ai hướng tâm gọi đến Ngài, dù giàu hay nghèo, sang hay hèn, Ngài đều trợ giúp. Tình thương và sự tận tụy của Ngài dành cho chúng sinh không khác gì của mẹ hiền dành cho con một. Đức Tara luôn sẵn sàng hộ trì cho chúng sinh, không chút ngần ngại. Ngài chờ đợi thời cơ, nhân duyên vừa chín mùi, thiện hạnh giác ngộ của Ngài sẽ tức thì linh ứng.

Chúng ta phải luôn nhớ đến mọi thiện đức khác nhau của Thân Khẩu Ý của đức Tara. Càng nhớ nghĩ, hiểu rõ về thiện đức của đức Tara, tự nhiên sẽ chúng ta sẽ càng thêm tin tưởng, niềm tôn kính càng tăng, sâu xa hướng tâm về Ngài.

Quí vị có thể nghĩ rằng “bất kể gặp được việc tốt lành nào điều lành nào cũng đều nhờ lòng từ ái của đức Tara.” Nói tóm lại, niềm tin càng vững vàng chắc chắn thì sự linh ứng thiện hạnh giác ngộ của đức Tara lại càng thêm mãnh liệt chóng vánh. Cả việc đời thường đã là như vậy. Ví dụ có hai người bạn rất thân, tương thân tương kính, tin tưởng lẫn nhau, vì có mối tương quan mật thiết như vậy nên làm việc gì cũng rất dễ dàng. Với đức Tara cũng là như vậy.

THỜI ĐIỂM

> *Rạng đông hoàng hôn chuyên tâm trì tụng*
> *Sẽ được hộ trì lìa mọi sợ hãi,*
> *Sạch mọi ác chướng,*
> *thoát cảnh đọa sinh.*

Câu này giải thích thời điểm hành trì, thời gian nên tụng bài xưng tán này. Thời gian tụng sẽ có tác dụng đến kết quả.

Khi gặp các loại vấn đề như bệnh tật, kẻ thù, cướp, trộm v.v... cần tụng bài xưng tán vào buổi chiều tà, trước khi mặt trời lặn, nhớ đến đức Tara dạng oai nộ. Sẽ được lợi ích.

Nếu muốn sạch ác nghiệp, không muốn đọa sinh ba cõi ác đạo thì phải tụng bài xưng tán vào buổi sáng, lúc bình minh, nhớ đến đức Tara dạng từ hòa.

Chúng ta sẽ nhận được lợi ích tương ứng nếu đọc tụng bài xưng tán này với tâm nguyện đúng đắn, vào thời điểm tương ứng trong ngày. Nói cho ngắn gọn, chúng ta sẽ được hộ trì thoát mọi sợ hãi, bao gồm sợ hãi bên ngoài và bên trong, và sẽ được ban cho quả vô úy. Chúng ta cũng sẽ không đọa sinh vào cõi ác đạo, như cõi địa ngục. Tất cả đều hoàn toàn tịnh sạch nhờ tu pháp tu Tara.

LỢI ÍCH

Tiếp theo chánh văn giải thích về lợi ích tụng bài xưng tán. Phần này chia thành hai phần lợi ích cho mình và cho người. Hành trì pháp tu này cho ai thì người ấy cũng sẽ được lợi ích.

Tự lợi

Với tâm nguyện đúng đắn đọc tụng bài xưng tán này sẽ được lợi ích như thế nào?

> *Được bảy trăm vạn đức Phật Thế Tôn*
> *sớm truyền quán đảnh,*
> *nhờ đại duyên này*
> *chóng đạt quả Phật.*

"*Bảy trăm vạn*" là bảy triệu đức Phật. Đức Tara và xung quanh là bảy triệu đức Phật đà do chính Ngài thị hiện sẽ truyền quán đảnh với lực gia trì ánh sáng cam lồ.

Việc gì xảy ra khi thọ quán đảnh như vậy từ đức Tara? Hết thảy mọi điều chúng ta hưởng dụng—nhà cửa, tài sản, của cải, thân thể, tùy tùng—đều trở nên tuyệt hảo, đó là một vài lợi ích nhất thời trước mắt khi thọ quán đảnh từ đức Tara. Lợi ích dài lâu là sẽ mau chóng vượt qua các chứng đạo, chứng địa, đạt quả vô thượng giác.

Phần này lại chia ra làm ba tiểu phần:

- Lợi ích quay lưng với lầm lỗi
- Lợi ích quay lưng với nhân tạo khổ
- Lợi ích quanh lưng với quả báo khổ đau.

Lợi ích quay lưng với lầm lỗi

> *Tâm niệm bổn tôn thì mọi độc tố kinh hoàng bậc nhất*
> *từ nơi môi trường hay từ sinh vật,*
> *dù ăn, dù uống,*
> *cũng không thể hại.*

Độc tố kinh hoàng bậc nhất nói ở đây là gì? Điều gì cản trở không cho chúng ta đạt đến nguồn hạnh phúc nhất thời và dài lâu, lợi ích cứu cánh nói ở đây? Chính là phiền não trong tâm của chúng ta. Phiền não—như sân, như tham—thật sự là chất độc gây ra mọi khổ đau kinh hoàng mà chúng ta phải gánh chịu. Đây là chất độc dữ dội, cướp mất sự tái sinh vào cõi trời và cõi người của chúng ta. Là chất độc vô cùng mãnh liệt, từ đó sinh ra mọi thống khổ cõi ác đạo và cõi luân hồi nói chung.

Lợi ích quay lưng với nhân tạo khổ

Chúng ta ai người bị trúng "*độc tố / kinh hoàng bậc nhất / từ nơi môi trường / hay từ sinh vật, dù ăn, dù uống*" chỉ cần nhớ đến đức Tara và tụng bài xưng tán này với tâm đúng đắn, tất cả sẽ được tịnh sạch.

Nhớ đến đức Tara và tụng bài xưng tán này với tâm đúng đắn, thì đến cả nguyên nhân tạo khổ cũng đều sẽ bị chận đứng.

Lợi ích quay lưng với quả báo khổ đau.

Câu kệ tiếp theo nói rõ về lợi ích chận đứng quả báo khổ đau.

Thoát khổ tật dịch,
truyền nhiễm, ngộ độc,
hay vì chúng sinh.

Nhờ tụng bài xưng tán đức Tara, cả khối khổ đau như là khổ vì bị các loại tà ma ám chướng, vì bị các loại bệnh khổ, tật dịch hành hạ, độc tố bên ngoài và bên trong v.v... tất cả đều có thể bỏ hết.

Lợi tha

Luận giải tiếp theo nói về lợi ích đọc tụng dùm người khác. Khi vì chúng sinh khác mà đọc tụng bài xưng tán này, chúng sinh ấy sẽ được lợi ích gì?

Tụng bài pháp này / hai, ba, bảy lần,
Cầu con được con, / cầu của được của,
hết thảy mong cầu / đều được như nguyện,
không chút chướng ngại / vì mọi chướng ngại
đều đã tịnh yên.

Nói "*hai, ba, bảy lần*" là nghĩa gì? "Hai" nghĩa là ngày và đêm. "Ba" nghĩa là tụng ban ngày ba lần và ban đêm ba lần. "Bảy" nghĩa là mỗi thời tụng bảy lần bài xưng tán. Tụng bài xưng tán hai, ba, bảy lần theo như vừa giải thích thì sẽ "*cầu con được con, / cầu của được của, / hết thảy mong cầu / đều được như nguyện, / không chút chướng ngại / vì mọi chướng ngại / đều đã tịnh yên*."

Nếu không thể hành trì theo như vậy vẫn có thể làm theo như pháp *Cúng Dường Tara*, chia thành ba phần, phần đầu tụng bài xưng tán hai lần, phần thứ hai tụng ba lần, phần thứ ba tụng bảy lần. Đây cũng là một cách tu. Sẽ có tác dụng nếu quí vị có được niềm tin, lòng tự tín, và tin tưởng rằng pháp tu này sẽ linh ứng. Niềm tin không đủ mạnh thì cho dù cả ngày đọc tụng cũng không để làm gì.

Tụng bài xưng tán đức Tara này, mọi mong cầu đều sẽ như nguyện, mọi chướng ngại áng ngữ đều sẽ bị hủy diệt hoàn toàn, và nói vậy nghĩa là chướng ngại nào chưa sinh sẽ không phát sinh, chướng ngại nào đã sinh sẽ bị hủy diệt.

Tới đây hoàn tất lời giảng về xưng tán 21 đức Tara và bài kệ nói về lợi ích đọc tụng bài xưng tán này.

Tất cả quí vị đều bận rộn công ăn việc làm, điều hành cơ sở kinh doanh, chăm sóc cho gia đình v.v... Tuy vậy, buổi sáng thức dậy, hãy cố gắng đừng quên nhớ nghĩ đến đức Tara, nghĩ rằng Ngài vốn bất nhị với bổn sư của quí vị.

Tiếp theo, phải xác định lại mục tiêu sống của ngày hôm nay, phải vì lợi ích của chúng sinh. Quí vị cần xác định lại mục tiêu của mình theo đúng như pháp tu dành cho ba loại căn cơ của giáo pháp lamrim.

Quán tưởng đức Tara bất nhị với bổn sư, hướng tâm thỉnh cầu và quyết chí làm cho mọi hoạt động trong ngày "đều được thành công." Quí vị làm việc không phải vì lợi riêng mà vì lợi tha, làm để đạt quả giác ngộ, vì lợi ích của khắp chúng sinh.

Nếu có thể, hãy mỗi ngày tụng bài xưng tán 21 đức Tara, sẽ rất tốt vì bài kệ này chứa nguồn năng lực gia trì rất đặc biệt. Hết thảy chư đại thánh giả trong quá khứ đã từng nương vào pháp này để phụng sự chúng sinh, mang đến cho chúng sinh nguồn an vui phúc lợi.

Nếu không thể mỗi ngày tụng bài xưng tán, ít nhất quí vị có thể tụng chú của đức Tara: OM TARE TUTTARE TURE SVAHA, vừa trì chú vừa quán tưởng đức Tara, với niềm tin tưởng sâu xa. Làm như vậy sẽ được lực gia trì không khác gì tụng bài xưng tán đức Tara. Nếu có được lòng tin khi tụng chú Tara, quí vị sẽ tịnh được ác nghiệp, tăng trưởng phước đức.

Trì chú của đức bổn tôn là một phương pháp đặc biệt, đưa tâm về gần gũi đức bổn tôn, làm cho đức bổn tôn vui lòng đẹp dạ. Điểm then chốt là phải có niềm tin khi trì chú.

Khi đi ngủ cũng vậy. Hãy nhớ nghĩ đến đức Tara, hướng tâm thỉnh cầu Ngài.

Mỗi ngày chúng ta đều phải ăn uống. Mỗi khi ăn uống, hãy quán tưởng đức Tara ở phía trước mặt, thấy Ngài bất nhị với bổn sư của mình, rồi cúng dường. Nếu đã từng thọ pháp quán đảnh Tara, quí vị có thể tự khởi hiện thành đức Tara, khởi tâm tự tín nhiệm mầu để dùng thức ăn thức uống. Vì chúng ta cứ phải ăn uống liên tục nên tu như vậy sẽ giúp chúng ta liên tục tích lũy thiện căn công đức.

Điểm trọng yếu ở đây là phải chăm sóc tâm của mình trong từng ngày sống. Mặc dù luôn bận rộn vì công ăn việc làm, nhưng việc gì ta làm cũng đều liên quan đến kẻ khác. Vì vậy khi làm nên giữ tâm địa vị tha, được như vậy sẽ rất tốt.

Mỗi sáng khi vừa thức dậy, quí vị phải nên xác định lại mục tiêu sống cho ngày mới. Cần nghĩ lại xem thân người quí hiếm khó gặp biết bao vậy mà nay đã có được rồi, nhờ đó sẽ thực hiện được việc lớn lao đến mức nào. Cần mỗi ngày nhớ nghĩ như vậy. Đây là điều cần phải làm.

Mỗi sáng thức dậy, tự nhủ với mình rằng "Chỉ được một lần này thôi, có được thân người quí hiếm này. Nhưng sớm muộn gì cũng sẽ mất đi khi chết. Không còn cơ hội nào tốt hơn ngày hôm, phải hành trì Phật Pháp."

Mỗi ngày đều cần nhớ nghĩ như sau:

- Thân người với đủ mọi tự do thuận tiện khó đạt như thế nào;
- Có được thân người sẽ làm được việc lớn đến đâu;
- Rồi cũng phải chết, cái chết là điều chắc chắn;
- Chết lúc nào lại không thể biết chắc.

Nếu mỗi ngày đều nhớ nghĩ đến những điều này, ý chí muốn tu sẽ tự nhiên nảy sinh trong tâm của quí vị. Bằng không, quí vị sẽ không muốn tu. Đây là phương pháp chính để đưa tâm về với pháp hành.

Nhớ nghĩ đến mục tiêu lớn lao có thể thực hiện được với thân người đầy đủ mọi tự tại thuận tiện này, chúng ta sẽ tự nhiên quay lưng với việc làm tào tạp vô nghĩa trong đời. Khi có được sự hiểu này—khi thật sự hiểu được điều này—thì cho dù là ngồi vài phút hay nửa giờ không tu, cũng sẽ thấy ân hận sâu xa, cảm thấy phí phạm thời gian quí báu.

Còn nếu tâm không hiểu, cũng không cảm nhận được thân người tự tại thuận tiện này khó đạt đến mức nào, một khi có được sẽ làm được việc lớn ra sao, thì cho dù là ngồi không cả ngày không làm gì cả cũng không bận tâm. Ngược lại sẽ nói "thì đã sao đâu chứ!"

Vì vậy hãy nên suy nghĩ tường tận về ý nghĩa của những mục tiêu lớn mà thân người mình đang có đây có thể làm được. Rồi thì tự nhiên sẽ bỏ mọi việc tào tạp vô nghĩa. Biết nhớ nghĩ đến thân người này khó đạt như thế nào, chắc chắn quí vị sẽ không làm sao có thể lười biếng ngồi không.

Vì sao thân người đầy đủ tự tại thuận tiện lại khó đạt? Vì nhân mang đến thân người này rất khó gieo.

Nhân đó là gì? Là giữ giới thanh tịnh.

Giới hạnh là điều khó giữ, nên thân người khó đạt. Chúng ta không những là có được thân người, lại còn là thân người tuyệt hảo, bao gồm đầu đủ mọi tự tại và thuận tiện.

Không những là như vậy, chúng ta không chỉ gặp được Phật Pháp, lại còn là Phật Pháp Đại Thừa.

Không những là gặp được Phật Pháp Đại thừa, chúng ta còn gặp được Đại Thừa Kim Cang, là giáo pháp kín mật Phật dạy.

Hiểu được như vậy mới ý thức được duyên may này quí giá đến mức nào. Một khi hiểu được mình đã phải khó khăn thế nào mới có được thân người với đầy đủ mọi tự tại thuận tiện như thế này, khi ấy chúng ta sẽ tiếp tục hành trì, không ngán, không mệt, cũng không chán. Ý nghĩ muốn tu sẽ tự nhiên dấy lên.

Vì vậy điều này rất quan trọng, mỗi ngày đều phải nhớ nghĩ:

- Thân người với đủ mọi tự tại thuận tiện, chúng ta làm sao nào mà có được;
- Thân người này khó đạt ra sao;
- Đạt được rồi, có ý nghĩa lớn lao ra sao;

Đồng thời, hãy nhớ rằng:

- Thân người này không bền ra sao;
- Cái chết là điều chắc chắn, nhưng bao giờ chết lại là điều không chắc.

Mỗi ngày đều nhớ nghĩ về những điều này, tâm của quí vị sẽ vui trong pháp hành.

– HẾT –

XƯNG TÁN 21 ĐỨC TARAS – chánh văn

Ai người có lòng
tin đấng bổn tôn,
rạng đông hoàng hôn
chuyên tâm trì tụng
tiếng lời rõ ràng
sẽ được hộ trì
thoát mọi hiểm nạn,
sạch mọi ác chướng,
thoát cảnh đọa sinh.

21 Thi Kệ Xưng Tán Dương Đức Tara – (bản mới dịch lại tra theo tiếng Tạng)

Xưng Tán Đức Quan Thế Âm

– **PO PRAYER –** *Praise to Chenrezig* –
Ngôn ngữ (languages): Việt, Tạng văn (Tib.), Tạng âm (Tib. pronunciation), Anh ngữ English)
Việt ngữ: Hồng Như – bản dịch hiệu đính 2013
Nghe tụng MP3: << Xem Trang Thâu Âm (link to the audio page) >>

• **Tiếng Việt**
• **Tạng Văn**
• **Tạng Âm**
• **English**

XƯNG TÁN ĐỨC QUAN THẾ ÂM

Om – Kính lạy đấng chở che cõi thế.
Đức Quan Thế Âm là đại đạo sư toàn cõi thế gian.

Chúng sinh ba cõi
đều tán dương ngài.
Các bậc Thiên Vương,
Ma Vương, Phạm Vương
đều tán dương ngài.
Tán dương ngài là
bậc đại thành tựu
là người mà đức
Thích Ca Mâu Ni
vẫn hằng tán dương.

Con xin đảnh lễ
bậc đại hộ trì
luân hồi ba cõi.
Thân ngài mầu nhiệm,
là thân của khắp
mười phương Phật đà.
Đỉnh đầu ngài điểm
Phật Vô Lượng Quang.
Tay phải mở ra
bắt ấn thí nguyện
xóa tan đói khát
của loài quỉ đói;

Với bàn tay trái
trang nghiêm một đóa
sen màu hoàng kim;
Suối tóc ngát hương
cuộn dòng lấp lánh
như chuỗi ngọc cam;
Gương mặt tuyệt hảo

tựa vầng trăng tròn;
Đôi mắt cánh sen
đẹp ngời trong sáng ;

Hương thơm thanh tịnh
như tuyết trắng ngần
như làn ốc quí;
Cầm chuỗi ngọc trai
lóng lánh sáng ngời ;
Y áo tỏa rạng
như ánh bình minh;
Cánh tay dịu ngát
như là ao sen;

Trẻ trung lấp lánh
như áng mây thu;
Bờ vai điểm kết
thật nhiều châu báu
Bàn tay mịn muốt
như đọt lá non;
Bờ ngực bên trái
da nai kín phủ;

Tay, chân và tai
điểm đầy trang sức
lộng lẫy uy nghi.
Ngài trú ở trên
đài sen tinh khiết;
Làn bụng thanh diệu
như là cánh sen;
Thắt lưng hoàng kim
khảm đầy châu báu;

Quần tơ lụa mịn.
Ngài là diệu trí
của đức Mâu Ni,
người đã vượt qua
bến bờ bên kia.
Ngài đã viên thành
công đức vô lượng
đạt quả vô thượng,
là nguồn an lạc
tận diệt bệnh, lão;

Là Tam-giải thoát,
thị hiện niềm vui
của cõi Không hành;
Là đấng Thế tôn,
chiến thắng tất cả
sức mạnh ma vương;
Bước chân vang vọng
tiếng chạm chuỗi vàng.

Chốn định của ngài
siêu việt cõi định
của đấng Phạm Thiên.

Dáng đi thanh thoát
như loài thiên nga,
và cũng uy nghi
như voi kiêu dũng;
Viên thành phước tuệ
chấp trì diệu pháp.
Là bậc cứu độ
chúng sinh thoát khỏi
biển rộng của sữa,
biển rộng của nước.

Thiện nam thiện nữ,
ai người thức dậy
khi trời rạng sáng,
Ngay từ trong tim
thành tâm cung thỉnh
đức Quan Thế Âm
với tâm trong sáng
tụng niệm rõ ràng
bài xưng tán này,
thời kiếp hiện tiền
và mọi kiếp sau,
bao nhiêu mong cầu
thế gian, xuất thế
đều được như nguyện.

- **Tiếng Việt**
- **Tạng Văn**
- **Tạng Âm**
- **English**

༄༅། དཀོན་མཆོག་གསུམ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།

།ན་མོ་མཉྫུ་ཤྲཱི་ཡེ། །ན་མཿསུ་ཤྲཱི་ཡེ། །ན་མོ་ཨུཏྟ་མ་ཤྲཱི་ཡེ་སྭཱ་ཧཱ།

ལན་གསུམ་གྱིས་ཕུལ།

།ཨོཾ་འཇིག་རྟེན་མགོན་པོ་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །འཇིག་རྟེན་བླ་མ་སྲིད་པ་གསུམ་གྱིས་བསྟོད་པ་པོ།

།ལྷ་ཡི་གཙོ་བོ་བདུད་དང་ཚངས་པས་བསྟོད་པ་པོ། །ཐུབ་པའི་རྒྱལ་མཆོག་བསྟོད་པས་གྲུབ་པར་མཛད་པ་པོ།

༄༅། འཇིག་རྟེན་གསུམ་གྱི་མགོན་པོ་མཆོག་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ། །བདེ་གཤེགས་དཔག་མེད་སྐུ་སྟེ་སྐུ་བཟང་འཛིན་པ་པོ།
།བདེ་གཤེགས་སྣང་བ་མཐའ་ཡས་དབུ་རྒྱན་འཛིན་པ་པོ། །ཕྱག་གཡས་མཆོག་སྦྱིན་ཡི་དྭགས་བཀྲེས་སྐོམ་སེལ་བ་པོ།

།ཕྱག་གཡོན་གསེར་གྱི་པདྨས་རྣམ་པར་བརྒྱན་པ་པོ། །དྲི་ཞིམ་རལ་པའི་ཕྲེང་བ་དམར་སེར་འཕྱུག་པ་པོ།
།ཞལ་རས་རྒྱས་པ་ཟླ་བ་ལྟ་བུར་མཛེས་པ་པོ། །སྤྱན་གྱི་པདྨ་མཆོག་ཏུ་བཟང་ཞིང་ཡངས་པ་པོ།

༄༅། ཁ་བ་དུང་ལྟར་རྣམ་དཀར་དྲི་ངད་ལྡན་པ་པོ། །དྲི་མེད་འོད་ཆགས་མུ་ཏིག་ཚོམ་བུ་འཛིན་པ་པོ།
།མཛེས་པའི་འོད་ཟེར་སྐྱ་རེངས་དམར་པོས་བརྒྱན་པ་པོ། །པདྨའི་མཚོ་ལྟར་ཕྱག་ནི་མངར་བར་བྱས་པ་པོ།

།སྟོན་ཀའི་སྤྲིན་གྱི་མདོག་དང་ལྡན་ཞིང་གཞོན་པ་པོ། །རིན་ཆེན་མང་པོས་དཔུང་པ་གཉིས་ནི་བརྒྱན་པ་པོ།
།ལོ་མའི་མཆོག་ལྟར་ཕྱག་མཐིལ་གཞོན་ཞིང་འཇམས་པ་པོ། །རི་དྭགས་པགས་པས་ནུ་མ་གཡོན་པ་བཀབ་པ་པོ།

༄༅། སྙན་ཆགདུ་བུས་སྙིག་ཅིང་རྒྱན་རྣམས་འཆང་བ་པོ། །དྲི་མ་མེད་པའི་པདྨའི་མཆོག་ལ་གནས་པ་པོ།
།ལྟེ་བའི་ངོས་ནི་པདྨའི་འདབས་ལྟར་འཇམ་པ་པོ། །གསེར་གྱི་སྐ་རགས་མཆོག་ལ་ནོར་བུས་སྤྲས་པ་པོ།

།སྣ་ཟུར་དཀྲིས་པའི་རས་བཟང་ཤམ་ཐབས་འཛིན་པ་པོ། །ཐུབ་པའི་མཁྱེན་མཆོག་མཚོ་ཆེན་ཕ་རོལ་ཕྱིན་པ་པོ།
།མཆོག་བརྙེས་བསོད་ནམས་མང་པོས་ཉེ་བར་བསགས་པ་པོ། །རྟག་ཏུ་བདེ་བའི་འབྱུང་གནས་རྒ་ནད་སེལ་བ་པོ།

༄༅། གསུམ་མཐར་མཛད་ཅིང་མཁའ་སྤྱོད་སྤྱོད་པ་སྟོན་པ་པོ། །ལུས་ཅན་མཆོག་སྟེ་བདུད་དཔུང་འབྲུགས་ལས་རྒྱལ་བ་
པོ།

།གསེར་གྱི་རྐང་གདུབ་སྒྲ་ཡིས་ཞབས་ཡིད་འོང་བ་པོ། །ཚངས་པའི་གནས་པ་བཞི་ཡིས་དབེན་པར་མཛད་པ་པོ།

།ངང་པའི་འགྲོས་འདྲ་གླང་ཆེན་དྲེགས་ལྟར་གཤེགས་པ་པོ།
།ཚོགས་ཀུན་ཉེ་བར་བསགས་ཤིང་བསྟན་པ་གཉེར་བ་པོ། །འོ་མའི་མཚོ་དང་ཆུ་ཡི་མཚོ་ལས་སྒྲོལ་བ་པོ། ༽

༄༅། གང་ཞིག་རྟག་ཏུ་ཐོ་རངས་ལང་ནས་གུས་པ་ཡིས། །སྤྱན་རས་གཟིགས་ཀྱི་དབང་པོ་ཡིད་ལ་སེམས་བྱེད་ཅིང་།
།བསྟོད་པའི་མཆོག་འདིས་དག་ཅིང་གསལ་བར་བསྟོད་བྱེད་ན། །དེ་ནི་སྐྱེས་པའམ་ནི་བུད་མེད་ཡིན་ཀྱང་རུང་།

།འཇིག་རྟེན་འདི་འམ་མ་འོངས་སྐྱེ་བ་ཐམས་ཅད་དུ། །འཇིག་རྟེན་འཇིག་རྟེན་ལས་འདས་དགོས་པ་ཀུན་འགྲུབ་པོག

།སོགས་ཚོར་ཉེར་གཅིག་གམ་བདུན་བརྗོད།

- **Tiếng Việt**
- **Tạng Văn**
- **Tạng Âm**
- **English**

KON CHOK SUM LA CHAK TS’HAL LO

NA MO MAN JU SHRI YE. NA MA SU SHRI YE. NA MO U TA MA SHI RI YE SO HA

OM JIK TEN GON PO LA CHAK TS’HAL LO.
JIK TEN LA MA SI PA SUM GYI TO PA PO
LHA YI TSO WO DU DANG TS’HANG PE TO PA PO.
T’HUP PAY GYAL CHOK TO PE DRUP PAR DZE PA PO

JIK TEN SUM GYI GON PO CHOK LA CHAK TS’HAL LO.
DE SHEK PAK ME KU TE KU ZANG DZIN PA PO
DE SHEK NANG WA T’HA YE U GYEN DZIN PA PO.
CHAK YE CHOK JIN YI DAK TRE KOM SEL WA PO

CHAK YON SER YI PE ME NAM PAR GYEN PA PO.
DRI SHIM RAL PAY TH’RENG WA MAR SER KHYUK PA PO
ZHAL RE GYE PA DA WA TA BUR DZE PA PO.
CHEN GYI PE MA CHOK TU ZANG ZHING YANG PA PO

KHA WA DUNG TAR NAM KAR DRI NGE DEN PA PO.
DRI ME O CHAK MU TIK TS’HOM BU DZIN PA PO
DZE PAY O ZER KYA RENG MAR PO GYEN PA PO.
PE MAY TS’HO TAR CHAK NI NGAR WAR JE PA PO

TON KAY TRIN GYI DOK DANG DEN ZHING ZHON PA PO.
RIN CHEN MANG PO PUNG PA NYI NI GYEN PA PO
LO MAY CHOK TAR CHAK T’HIL ZHON ZHING JAM PA PO.
RI DAK PAK PE NU MA YON PA KAP PA PO

NYEN CHA DU BU GEK CHING GYEN NAM CHANG WA PO.
DRI MA ME PAY PE MAY CHOK LA NE PA PO
TE WAY NGO NI PE MAY DAP TAR JAM PA PO.
SER GYI KA RAK CHOK LA NOR BU TRE PA PO

TA ZUR TRI PAY RE ZANG SHAM T’HAP DZIN PA PO.
T’HUP PAY KHYEN CHOK TS’HO CHEN P’HA ROL CHIN PA PO
CHOK NYE SO NAM MANG PO NYE WAR SAK PA PO.
TAK TU DE WAY JUNG NE GA NE SEL WA PO

SUM T’HAR DZE CHING KHA CHO CHO PA TON PA PO.
LU CHEN CHOK TE DU PUNG T’HRUK LE GYAL WA PO
SER GYI KANG DUP DRA YI ZHAP YI ONG WA PO.
TS’HANG PAY NE PA ZHI YI WEN PAR DZE PA PO

NGANG PAY DRO DRA LANG CHEN DREK TAR SHEK PA PO.
TS’HOK KUN NYE WAR DAK SHING TEN PA NYER WA PO.
O MAY TS’HO DANG CHU YI TS’HO LE DROL WA PO

GANG ZHIK TAK TU T’HO RANG LANG NE GU PA YI.
CHEN RE ZIK KYI WANG PO YI LA SEM JE CHING
TO PAY CHOK DI DAK CHING SAL WAR TO JE NA.
DE NI KYE PA AM NI BU ME YIN KYANG RUNG
JIK TEN DI AM MA ONG KYE WA T’HAM CHE DU.
JIK TEN JIK TEN LE DE GO PA KUN DRUP SHOK

- **Tiếng Việt**
- **Tạng Văn**
- **Tạng Âm**
- **English**

PO PRAYER: PRAISE TO CHENREZIG

I prostrate in front of the Three Rare and Sublime Ones.

NA MO MAN JU SHRI YE. NA MA SU SHRI YE. NA MO U TA MA SHI RI YE SO HA
Recite 3 times

I prostrate to the protector of the Universe, to the Lama of the Universe, who is celebrated by the beings of the three worlds, honored by the princes of the gods, the demons, and Brahma, He who gives the Accomplishment, the One who Shakyamuni, the sublime victor glorifies.

I prostrate to the Sovereign Protector of the Three Worlds, the one who possesses the Excellent Body of the multitude of Buddhas and whose crown is the Buddha of boundless light. Making the gesture of Supreme Giving, your right hand satisfies the hunger and thirst of the hungry spirits.

Perfectly adorned, your left hand holds a golden lotus. Adorned with orange necklaces, your perfumed hair sparkles Your beautiful face shines like a full moon. Your wide lotus-like eyes are of sublime beauty.

You are perfumed, and as perfectly white as a snowy conch shell. You hold an immaculate pearl white glittering rosary. You are clothed in dawn’s marvelous lights. Your smooth hands spread like a lotus lake.

Your youthful glisten is like that of the autumn clouds. Your shoulders are adorned with many jewels. Your hands are as tender and young as the most exquisite leaves. Your left breast is covered with a deerskin.

Gracious adornments decorate your ears, wrists, and angles. You dwell upon a noble and immaculate

lotus. Your navel has the beauty and softness of a lotus petal. Your belt is of the finest jewel-encrusted gold.

Your hips are dressed in the best of silks. You are the Sublime Knowledge of Shakyamuni, He Who's Gone Beyond the Great Ocean. You have fully gathered numerous virtues and have reached the Sublime. You are the source of continuous bliss, the One who destroys old age and illness.

You who stops the Three, you display the enjoyments of the Dakinis' realms. Sublime among beings, you are victorious in battle over hosts of demons. Your golden anklets tinkle charmingly with golden rings that encircle your ankles. Your solitude of retreat is beyond the four Brahma absorptions.

You move with the grace of a swan and the dignity of an elephant. Keeper of the doctrine, you have completely gathered the accumulations. You are the Savior who liberates from the ocean of milk (calm) and from the ocean of water (becoming).

Whoever will rise with respect at dawn, thinking of Chenrezik's powers, and who, with pure mind will clearly praise him thus, whether male or female, In this and all future lives, may he satisfy all needs in and beyond this world of destruction.

recite this prayer 7 or 21 times

Xưng Tán Đức Văn Thù

– ***Gang-Lo-Ma –*** *Praises for the Glorious Wisdom Qualities of the Excellent One* – ༄༅། དཔལ་ཡེ་ཤེས་ཡོན་དན་བཟང་པོ་ཞེས་བྱ་བའི་བསྟོད་པ། –
Ngôn ngữ (languages): Việt, Tạng (Tib.), Âm (Tib. pronunciation), Anh (English) –
Việt ngữ: hồng như – bản dịch 2006 – hiệu đính nhẹ 2024.

XƯNG TÁN ĐỨC VĂN THÙ, HIỆN THÂN TUỆ GIÁC PHẬT

Điều kiện hành trì:
Pháp phổ thông, Phật tử mọi dòng truyền thừa đều có thể đọc tụng.

Đệ tử kính lễ Thượng Sư Văn Thù Sư Lợi.

Trí tuệ của ngài
sáng như vầng dương
thoát mọi mây mờ
của hai loại chướng.
Gìn giữ nơi tim
kinh điển nhiệm mầu
biểu hiện thành tựu
như thật tri kiến
thấy rõ vạn pháp
đúng như sự thật.

Đối với chúng sinh
vướng ngục luân hồi
triền miên bóng tối
mê muội vô minh
khổ đau bức bách,
Khẩu ngài chan chứa
tình thương dành cho
khắp cả chúng sinh
như bậc từ phụ
dành cho con một.
Sáu mươi diệu âm
là tiếng rồng gầm
tuyên thuyết chánh pháp
rền vang sấm nổ;
thức tỉnh con ra
khỏi cơn thác loạn,
chặt đứt xích sắc
ác nghiệp buộc ràng;
xua tan bóng tối
vô minh mê muội,
vung gươm trí tuệ
chặt lìa hết thảy
mầm mống khổ não.

Với thân thanh tịnh
ngay từ ban đầu;

viên thành thập địa;
hiện thân trưởng tử
của Phật Thế Tôn,
thân đủ một trăm
mười hai tướng hảo
của đấng Phật đà,
xua tan mê muội
tối ám trong con,
trước đức Văn Thù
thành tâm đảnh lễ.

ཨོཾ་ཨ་ར་པ་ཙ་ན་དྷཱིཿ

ÔM A RA PA TSA NA ĐI

Xin ngài hãy mang
ánh sáng trí tuệ
của tâm từ bi
quét sạch bóng tối
che chướng tâm con
Soi sáng cho con
thâm chứng hết thảy
kinh điển, truyền khẩu,
giáo pháp truyền thừa,
ban nguồn năng lực
trí tuệ tự tín.

<< Đọc Tiếp Bản Tạng Văn >>

- **Tiếng Việt**
- **Tạng Văn**
- **Tạng Âm**
- **English**

༄༅། དཔལ་ཡེ་ཤེས་ཡོན་དན་བཟང་པོ་ཞེས་བྱ་བའི་བསྟོད་པ།།

བླ་མ་དང་གཉིས་སུ་མེད་པའི་མགོན་པོ་རྗེ་བཙུན་འཇམ་པའི་དབྱངས་ལ་ཕྱག་འཚལ་ལོ།།

གང་གི་བློ་གྲོས་སྤྲིན་གཉིས་སྤྲིན་པུལ་ཉི་ལྟར་རྣམ་དག་རབ་གསལ་བས།།
རྗེ་སྙེད་དོན་ཀུན་རྗེ་བཞིན་གཟིགས་ཕྱིར་ཉིད་ཀྱི་ཐུགས་ཀར་གྲྭགས་བམ་འཛོན།།

གང་དག་སྲིད་པའི་བཙོན་རར་མ་རིག་མུན་འཐུམས་སྡུག་བསྔལ་གྱིས་གཟིར་བའི།།
འགྲོ་ཚོགས་ཀུན་ལ་བུ་གཅིག་ལྟར་བརྩེ་ཡན་ལག་དྲུག་ཅུའི་དབྱངས་ལྡན་གསུང་།།

༄༅། འབྲུག་ལྟར་ཆེར་སྒྲོགས་ཉོན་མོངས་གཉིད་སློང་ལས་ཀྱི་ལྕགས་སྒྲོགས་འགྲོལ་མཛད་ཅིང་།།
མ་རིག་མུན་སེལ་སྡུག་བསྔལ་མྱུ་གུ་ཇི་སྙེད་གཅོད་མཛད་རལ་གྲི་བསྣམས།།

གདོད་ནས་དག་ཅིང་ས་བཅུའི་མཐར་སོན་ཡོན་ཏན་ལྷུན་རྫོགས་རྒྱལ་སྲས་ཐུ་བོའི་སྐུ།།
བཅུ་ཕྲག་བཅུ་དང་བཅུ་གཉིས་རྒྱན་སྤྲས་བདག་བློའི་མུན་སེལ་འཇམ་པའི་དབྱངས་ལ་འདུད།།

ཨོཾ་ཨཱ་ར་པ་ཙ་ན་དྷཱིཿ

བརྩེ་ལྡན་ཁྱེད་ཀྱི་མཁྱེན་རབ་འོད་ཟེར་གྱིས།།

བདག་བློའི་གཏི་མུག་མུན་པ་རབ་གསལ་ནས།།

བཀའ་དང་བསྟན་བཅོས་གཞུང་ལུགས་རྟོགས་པ་ཡི།།

བློ་གྲོས་སྤོབས་པའི་སྣང་བ་སྩལ་དུ་གསོལ།།

<< Đọc Tiếp Bản Tạng Âm >>

LA MA DANG NYI SU ME PAI GON PO JE TSUN JAM PAI YANG LA CHAG TSAL LO.

GANG GI LO DRO DRIP NYI TRIN TRAL NYI TAR NAM DAG RAB SEL WE.
JI NYE DON KUN JI ZHIN ZIG CHIR NYI KYI THUG KAR LEG WAM DZIN.

GANG DAG SI PAI TSON RAR MA RIG MUN THUM DUG NGEL GYI ZIR WAI.
DRO TSOG KUN LA BU CHIG TAR TSE YEN LAG DRUG CHUI YANG DEN SUNG.

DRUG TAR CHER DROG NYON MONG NYI LONG LE KYI CHAK DROG DROL ZE CHING.

MA RIG MUN SEL DUG NGEL NYU GU JI NYE CHO DZE RAL DRI NAM.

DO NE DAG CHING SA CHUI THAR SON YON TEN LHUN DZOG GYAL SE THU WOE KU.
CHU TRAG CHU DANG CHU NYI GYEN TRE DAG LUI MUN SEL JAM PAI YANG LA DU.

OM AH RA PA TSA NA DHHI

TSE DEN CHE KYI CHEN RAB O ZER GYI.
DAG LOI TI MUG MUN PA RAB SEL NE.
KA DANG TEN CHO ZHUNG LUG TOG PA YI.
LO DRO POB PAI NANG WA TSAL DU SOL.

<< Đọc Tiếp Bản Anh Ngữ >>

• **Tiếng Việt**
• **Tạng Văn**
• **Tạng Âm**
• **English**

PRAISES FOR THE GLORIOUS WISDOM QUALITIES OF THE EXCELLENT ONE (PRAYER FOR MANJUSHRI)

Prerequisites:
No prerequisite. Everyone can read and chant these prayers.

I pay homage to the Bhagavan Lord Manjushri, who is inseparable from the Lama.

His wisdom, like the sun is pure and clear, free from the cloud of the two obscurations.
He holds the text at his heart, having realised everything as it is; the meaning of all things without exception.

Whatever beings are tormented, suffering from the darkness of ignorance in the prison of Samsara
Is filled with compassion for all beings like his only child, his speech with sixty melodies.

His voice, like roaring thunder, awakens from the sleep of ignorance and liberates from the iron chain of karma.
He illuminates the darkness of ignorance, holding the sword for cutting all shoots of suffering.

You, the heart disciple of the Victorious One, with complete attainment of the tenth bhumi, with knowledge and primordially pure body.
I pay homage to Manjugosha, with all the 112 adornments, who eliminates the darkness of ignorance from my mind.

OM AH RA PA TSA NA DHHI

Through the radiant supreme omniscience of your loving kindness. Completely clear the darkness of ignorance from my mind,
In order to realize the oral and written teachings and the teaching lineage, Please bestow on me the power of confident intelligence.